

TÁC PHẨM CHUNG KHẢO
CUỘC THI TRUYỆN THẾ GIỚI MỖI 1993-1994

40 TRUYỆN RẤT NGẮN



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN 1994

TÁC PHẨM CHUNG KHẢO
CUỘC THI TRUYỆN THẾ GIỚI MỚI

40
TRUYỆN RẤT NGẮN

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
TẠP CHÍ THẾ GIỚI MỚI
1994

TRUYỆN RẤT NGẮN – TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

Lẽ ra không nên viết lời tựa cho một tập truyện rất ngắn như thế này, càng không nên tựa dông dài. Bốn mươi tác giả ở đây it ra đã chỉ cho chúng ta biết: người ta có thể nói được những điều tối đa trong một khoảng thời gian tối thiểu như thế nào.

Làm sao họ làm được điều đó? Tôi nghĩ: có lẽ chính vì họ viết có văn.

Một trong những nét đặc sắc của cuộc thi này là nó buộc người ta phải nghĩ không chỉ cần viết cái gì, mà còn, chủ yếu còn là phải viết như thế nào. Cái thường quen được gọi là "nội dung" không nằm, không chủ yếu nằm ở câu chuyện, mà nằm ở cách kể câu chuyện ấy như thế nào, tức là nằm ở... hình thức. Hóa ra trong nghệ thuật, hình thức chính là nội dung!

Hãy xem, chẳng hạn, HOA MUỘN. Lời viết uể oải, câu văn trề trề, cả cái gọi là bố cục nữa, luẩn quẩn, lười biếng, mệt nhọc, chán chường thế nào ấy... Có phải chính những cái đó, chứ không phải câu chuyện, cốt truyện (mà cốt truyện có gì đâu!) tạo nên dư vị khó nguôi của truyện ngắn đặc sắc này? Dư vị về một số phận lơ lửng, chẳng biết trách ai, chẳng có ai để trách, những cơ may hạnh phúc bị bỏ qua vì một chút lười biếng, một chút vô tình, một chút vô duyên... nhưng rồi mãi mãi không còn bao giờ cứu vãn được nữa.

Hoặc chẳng hạn KHÁCH THƯƠNG HỒ. Hình như chỉ riêng một chữ "thương hồ" thôi đã gợi lên một cái gì đó bóng bềnh trôi

nổi, bất ngờ, trở trêu rồi. Rồi còn "khách" nữa. Và câu chuyện được kể trùng trùng, lúc ngập ngừng, lúc đoan quyết, lúc cần trọng, lúc liều linh, lúc đắn đo, lúc xô bồ, hơi văn cứ như là một số phận đang rập rình rũi may vậy... Ôi một chút hạnh phúc, cũng là muộn màng lắm rồi, lại què quặt nữa, nhưng mà khát khao, quyến rũ, người ta bắt gặp được cũng chưa biết thế nào đây, có thể còn đây bất trắc, nhưng mà gọi mời, say đắm... Tôi chợt nghĩ: người ta có thể viết cả một cuốn tiểu thuyết "Nỗi buồn chiến tranh" để nói về chiến tranh và số phận con người hậu chiến. Mà cũng có thể viết một "truyện rất ngắn" KHÁCH THUONG HỒ để nói rằng con người, những con người rất nhỏ nhoi bình thường đang dám vượt lên những đau khổ, cả trở trêu hậu chiến nữa, để sống cho ra người, tức là sống có hạnh phúc như thế nào...

Truyện ĐƯỜNG TĂNG thoạt trông thì rất khác, nhưng nhìn theo cách nào đó cũng có thể nằm trong cái mạch này. Lời thoại rất ngắn của từng nhân vật gan ruột quằn quại, tự vấn, tự thanh minh, tự thú... muộn màng. Lời viết có ý khô khan càng khiến cho vấn đề đặt ra, vừa nhân sinh, vừa xã hội, càng thêm mạnh, dữ. Hãy đau khổ "tâm thường" như con người để được làm người. Để hiển thánh mà quên mất con người thì phòng có hay gì!...

Và TÁM CẢNG HAI CẢNG. Tôi có cảm tưởng câu văn, hơi văn ở đây cứ như là chính... cuộc sống nông dân thực của chúng ta bấy giờ vậy: ngón ngang, nham nhỡ, eo sèo, lầy lội, cộc cằn, lao xao như là cua cây vậy, bị cuộc vật lộn kiếm sống vất vả khắc nghiệt hàng ngày dẫm nát, giã nát như là cua, cả "cua mặt Phật" cũng bị giã nát không thương tiếc. Nhưng mà trong tất cả cái lao xao, ngón ngang, nheo nhóc ấy vẫn tồn tại một cái góc gì đấy nhân hậu, nhân hậu có thể một cách cộc cằn đấy nhưng mà bền bỉ sâu xa...

Và TÌM CHA: cái thiện trắng trong, ngơ ngác bỗng khiến cái ác chợt phải giật mình...

Và... Nhưng thôi. xin để từng bạn đọc tư tìm đến với vẻ đẹp nghệ thuật riêng của từng truyện. Truyện rất ngắn là truyện để thưởng thức. Và khi thưởng thức, tôi nghĩ, chẳng nên có sự can thiệp, quấy rầy nhiều của người ngoài. Chỉ xin bạn nán lại chút

ít nữa cho tôi được nói thêm đôi điều nhỏ, để cho công bằng:

Như ta đã biết, trong nghệ thuật, đặc biệt trong nghệ thuật truyện ngắn, có một nghịch lý: để viết được ngắn, thì phải biết rất nhiều, rất dài. Bởi truyện ngắn là chưng cất, truyện rất ngắn càng là chưng cất tinh túy hơn.

Cần phải nói rằng cô được loạt truyện rất ngắn hay như thế này hôm nay, chính là do cả một quá trình thường được gọi là đời mới văn học suốt gần mười năm qua đã công phu - và cả dùng cảm nữa - chuẩn bị cho nó: quá trình văn học cây xới cánh đồng hiện thực xã hội phong phú, phức tạp, ngổn ngang, tạo nên một khối lượng tư liệu, nguyên liệu xã hội và nhân sinh đồ sộ cho sự chưng cất, chắt lọc này.

Và khi đã được chưng cất thực sự từ khối nguyên liệu đời sống giàu có, sinh động như vậy, thì sẽ có tác phẩm thực sự văn học. Tức là những tác phẩm mơn mớn, tươi tắn như chính đời sống.

Hãy đọc kỹ những truyện hay nhất trong số này xem: nó không răn dạy, không tuyên bố những bài học đạo lý cụ thể, trực tiếp. Nó chỉ làm mỗi một việc: nó khiến ta rung động.

Đó chính là văn học thực. Văn học thực không làm chức năng giáo dục đạo đức trực tiếp, tức thì. Nó làm một điều sơ đẳng hơn nhưng cũng cơ bản, lâu bền hơn: nó chuẩn bị môi trường tâm hồn cho con người tiếp thu đạo đức, bằng cách giữ cho mảnh đất tâm hồn đó luôn luôn biết nhạy cảm với những xao động tinh vi nhất của cuộc đời, của số phận đồng loại.

Trong tập truyện rất ngắn này, có những tác phẩm như vậy.

Hãy cảm ơn các tác giả về điều tốt đẹp ấy họ đang đưa đến cho chúng ta.

7.1994

NGUYỄN NGỌC

**20 TÁC PHẨM ĐƯỢC GIẢI THƯỞNG
CUỘC THI TRUYỆN THẾ GIỚI MỚI
(1993 - 1994)**

Giải nhất

- HOA MUỘN của Phan Thị Vàng Anh
- ĐƯỜNG TẮNG Trương Quốc Dũng

Giải nhì

- KHÁCH THƯƠNG HỒ Hào Vũ
- THUYỀN LÁ Thái Sinh
- TẮM CÀNG HAI CÀNG Nguyễn Quang Trung

Giải ba

- CON GÀ QUÊ Tường Long
- NGƯỜI ĐÀN BÀ KHOANH TAY
MIM CƯỜI Nguyễn Phan Hách
- SÔNG LẤP Nguyễn Bản
- TÌM CHA Lê Thanh Huệ
- ANH HAI Lý Thanh Thảo

Giải khuyến khích

- CAM NGỌT Phạm Sông Hồng
- CHÈO Nguyễn Hương
- ĐỒ THIÊNG Phạm Minh
- TÓC THÈ Nguyễn Khôi
- VÁN CỜ NGƯỜI Nguyễn Xuân Hưng
- ĐIỀU CÀY Phạm Hải Văn
- KÈ ĐẠO VẠN Hòa Vàng
- NHỮNG MẢNH VỠ Nguyễn Xuân Thâm
- VIÊN NGỌC ẬM Xuân Đình
- HOA ĐẠI TRẮNG Đức Ban

Anh Hai

Giải ba

Ăn thêm cái nữa đi con!

- Ngán quá, con không ăn đâu!

- Ráng ăn thêm một cái, má thương. Ngoan đi cưng!

- Con nói là không ăn mà. Vứt đi! Vứt nó đi!

Thằng bé lắc đầu quậy quậy, gạt mạnh tay. Chiếc bánh kem văng qua cửa xe rơi xuống đường, sát mép công. Chiếc xe hơi lảng bóng rờ máy chạy đi.

Hai đứa trẻ đang bới móc đồng rác gần đó, thấy chiếc bánh nằm chông chênh, xô đến nhặt. Mắt hai đứa sáng rực lên, dán chặt vào chiếc bánh thơm ngon. Thấy bánh lấm láp, đứa con gái nuốt nước miếng bảo thằng con trai:

- Anh Hai thổi sạch rồi mình ăn.

Thằng anh phùng má thổi. Bụi đời đã dính, chẳng chịu đi cho. Đứa em sốt ruột cũng ghé miệng thổi tiếp. Chính cái miệng háu đói của nó làm bánh rơi tòm xuống cống hôi hám, chìm hẳn.

- Ai biểu anh Hai thổi chỉ cho mạnh - Con bé nói rồi thút thít.

- Ừa. Tại anh! Nhưng kem còn dính tay nè. Cho em ba ngón, anh chỉ liếm hai ngón thôi!

Truyện viết hồn nhiên đến mức không ai có thể nghi ngờ có sự bịa đặt gì trong câu chuyện. Ngắn, gọn nhưng đủ sức chứa về mối quan hệ giữa người với người trong thời buổi bây giờ. Tự câu chuyện đã lên đến đỉnh đủ gây ấn tượng và xúc động.

"Em ba ngón, anh hai ngón". Rất nghèo, nhưng rất tình và rất trẻ con. Thương biết mấy.

NGUYỄN QUANG SÁNG

Bà nội

Chưa đến bốn giờ sáng, anh đã gõ cửa phòng hai mẹ con chị:

- Dậy chưa em? Bốc mộ phải đi thật sớm em ạ.

Chị dắt cái Thoa ra. Chiếc xe con anh thuê đã đợi. Và họ qua nhà chồng chị, đón bà nội cùng cô của Thoa. Bà không chào ai, ôm lấy Thoa khóc:

- Tội nghiệp cháu tôi, mồ côi mồ cút thế này.

Ở nghĩa trang, chị thấy ớn lạnh khi nắp ván thiên bật ra. Chồng chị đẩy ư? Hai bàn tay úp lên mặt, chị lặng lẽ quay đi, khóc âm thầm. Bà nội, cô và bé Thoa đều nấc lên, chỉ một mình anh ngồi bên ngôi mộ mở, lấp xấp nước, điểm tinh đón những khúc xương đã được mấy ông thợ của nghĩa trang rửa sạch, nâng niu xếp vào chiếc tiểu sành.

Đưa chồng về quê, cải táng xong, mọi người đã ra về hết. Anh đưa chị và bé Thoa trở lại căn phòng nhỏ rồi dặn:

- Em tắm cho con rồi nghỉ đi, chiều anh quay lại.

Buổi tối, chị bốn chón đợi. Và anh đã đến. Họ nhìn vào mắt nhau. Chị dịu dàng khẽ gật. Chị hiểu là đêm nay anh muốn ở lại. Suốt hai năm yêu nhau anh luôn muốn ở lại và chị luôn nhẹ nhàng:

- Để em bốc mộ xong cho anh ấy đã.

Nhưng bé Thoa vừa thấy anh đã níu chặt lấy mẹ:

- Chú đến làm gì ạ? Chú đã về rồi cơ mà?

Anh cười:

- Cháu chưa buồn ngủ à? Vào giường nằm đi.

Con bé bẩy tuổi ôm chặt mẹ:

- Cháu ứ đi ngủ một mình đâu. Cháu chờ mẹ cơ. Chú về đi.

Chị buồn bã lắc đầu nhìn anh. Nhớ những lần đưa con về bà nội, bà ru cháu: "Trời mưa bong bóng phập phồng. Mẹ đi lấy chồng con ở với ai. Khổ thân cháu của bà...".

Rồi những lúc không có chị, chẳng hiểu bà còn nói với cháu những gì. Con bé đặc biệt ghét anh. Mỗi lần anh đến, nó nhất định không rời mẹ nửa bước.

Thấy con bé bướng bỉnh có vẻ nhất định không chịu thua, anh mỉm cười tinh nghịch nháy chị rồi đứng dậy:

- Thôi chú về đây. Hai mẹ con đi ngủ nhé.

Chị khẽ gạt đầu hiểu anh. Chồng chị mất đã ba năm. Đã hai năm chị quen, rồi yêu anh. Họ trân trọng nhau, chăm sóc nhau. Bà nội của bé Thoa vẫn tỏ ý nghi ngờ, song chị thông cảm với bà, không thanh minh cũng không oán trách. Tối nay, chị hiểu mọi chuyện đã chín muồi. Chị đã chờ đợi quá lâu rồi. Chị sẽ ngoan. Chị sẽ vâng theo.

Nhưng con bé không dễ bị lừa. Làm sao cho bé ngủ đây?

Nó ôm chặt mẹ. Nhưng rồi thật lâu sau nó cũng ngủ thiếp, vòng tay lơ lơi ra. Chị nằm im chờ đợi. Có tiếng cửa mở thật nhẹ. Anh đã quay lại. Chị khe khẽ lùi xa con, khe khẽ đứng lên. Họ không dám bật đèn. Anh ôm xiết chị, nín thở.

Bỗng con bé hét:

- Mẹ, mẹ đâu rồi?

- Mẹ đây, mẹ đây.

Chị lập cập trở vào, nằm xuống bên con.

- Mẹ đi đâu đấy? Hình như có ai hã mẹ?

- Không có ai đâu. Con ngủ đi.

- Mẹ bật đèn lên. Có ai đang vào ấy!

- Mất điện rồi con ạ. Không có ai đâu. Gió đấy.

Im lặng. Con bé lại ôm chặt mẹ. Và chị bỗng nhớ lại hơn hai mươi năm trước, chị cũng trạc tuổi bé Thoa bây giờ. Bố chị mất. Rồi mẹ chị cũng có một người. Và chị cũng đã khăng khăng giữ mẹ. Đang chơi ở ngoài vườn với bạn, thấy người ấy đến là chị bỏ vào nhà, ôm chặt mẹ nhất định không rời. Chị thường khóc thét lên khi người ấy dỗ chị ở nhà để đưa mẹ đi đâu đó. Bà nội của chị cũng như bà nội của bé Thoa bây giờ, gieo vào lòng chị nỗi sợ hãi khôn cùng trước viễn cảnh mẹ sẽ lấy chồng và mẹ chị đã ở vậy cho đến cuối đời.

Hình như bé Thoa đã lại ngủ. Một bàn tay ấm sục đặt lên bàn chân chị. Ôi! Anh đã ngồi ở trên sàn, phía cuối giường. Chị nhắm mắt. Một đôi môi nóng bỏng đặt lên bàn chân ấy. Bàn tay và đôi môi thật trọng lướt dần lên. Đến gương mặt chị, bàn tay run và đôi môi rời xa. Một ngón cái sẽ sàng lau khuôn mặt ướt đẫm nước mắt. Không nín được, chị nấc lên. Và bé Thoa lại tỉnh.

5.1994

Cam ngọt

Giải khuyến khích

Ra khói Hà Nội đến mấy chục cây số mà tôi vẫn chưa tin là mình đang đi xa. Trong khi người đàn ông ngồi bên tôi đã kịp mang cam ra bóc. Chắc anh là người hay đi: vẻ mặt thân nhiên anh vừa bóc cam vừa thuyết minh thật rành rọt những địa điểm xe đang qua. Anh niềm nở mời tôi, mời mọi người trong xe ăn cam.

Đã lâu lắm chẳng có người đàn ông nào bóc cam mời tôi hay một cái gì tương tự.

Tôi vừa muốn giữ lại vừa thêm được ăn những múi cam ấy.

Có một mảnh đời khác như vừa thức giấc.

Tôi từ từ đưa múi cam lên môi.

Ngọt quá!

...

Gần mười năm nay tôi chẳng đi đâu. Bốn phận làm vợ làm mẹ đã nhốt tôi trong cái lồng gia đình không khóa mà thật chặt.

Đêm qua tôi đã ngồi ghi gần hết hai trang giấy những việc cần làm trong mấy ngày tôi đi vắng cho hai bố con, thế mà tôi vẫn chưa yên tâm.

Gần mười năm đang từ người ưa đó đây tôi bỗng rất ngại đi. Chỉ đêm qua, cái cảm giác muốn đi trong tôi mới thật rõ ràng: hồi hộp, háo hức và sung sướng và tủi thân. Cả chồng cả con, chẳng ai thiết nghĩ đến chuyến đi của tôi. Hình như người đàn bà luôn cô đơn với chính mình và luôn phải tự vượt từ nỗi cô đơn này đến nỗi cô đơn tiếp theo. Tưởng như

không bao giờ hết.

Hay đàn bà đồng nghĩa với cô đơn?

Lúc tối tôi cứ chờ xem con trai có nằn nì tôi ở nhà không nhưng học xong bài nó mang bàn cờ ra và rủ tôi chơi. Còn nhiều việc phải làm nhưng tôi vẫn chơi với con một ván và cố tình để mình thua. Mai nó sẽ ở nhà không có tôi.

...

Chúng tôi đến nơi lúc bốn giờ chiều.

Tôi được xếp ở chung phòng với một chị độc thân. Là tôi cứ gọi thế chứ không biết chị có độc thân thật không. Người chị như cần đi vì dồn nén và ở chị vừa có vẻ tự tin của một người sẵn sàng đối phó với mọi thứ, vừa thoáng vẻ yếu đuối của người không được ai chở che. Tôi bỗng muốn được làm một cái gì đó cho chị.

...

Tôi dành rất nhiều thời gian "vi chỉnh" hai vòi nước nóng lạnh để được thật đúng độ ấm như mình muốn. Ở nhà giờ này, khoảng năm giờ chiều, là lúc tôi hí húi bèn cái bếp than tổ ong. Tôi hít không biết bao nhiêu lượng cacbon ôxít để chồng tôi có được cốc bia ở bữa cơm chiều, để sáng sáng thằng bé được ăn không phải cái bánh mì suông mà là có ít ruốc như nó vẫn thích. Hai bố con tắm rửa sạch sẽ xong thì cũng là lúc mâm cơm đã dọn ra. Hai người đàn ông một từng trái, một ngậy thơ cứ vừa ăn vừa kể với nhau đủ thứ chuyện, thật thoải mái.

Lúc ấy mới là lúc tôi được đi tắm.

Và khi tôi vào mâm thì cơm canh đã nguội, chẳng có ai để trò chuyện. Hai người đàn ông đã ngồi bên máy thu hình.

Vậy mà hôm nay, vào giờ ấy tôi lại đang được tắm. Mà lại tắm từ vòi nóng lạnh chứ không phải một gáo nước sôi đủ cho một chậu nước lá theo hình thức đong đếm, cổ xưa như chính ngôi nhà của tôi. Tôi tự nhủ: phải tranh thủ tắm thật đã trong những ngày ở đây.

Cộc... cộc... cộc...

- Các chị cứ ở đây, lúc nào đi ăn cơm chúng tôi sẽ gọi -
Tiếng người đàn ông ấy thông báo.

Rồi bước chân anh dần xa.

Có người nào đó lo bữa cơm chiều cho tôi lúc không ốm đau?

Ba trăm sáu mươi năm ngày nhân với gần mười năm. Với những ngày bị băng huyết năm đói chờ chồng đi làm về nấu cơm mà chồng thì về muộn vì... "phải đánh nốt ván cờ". Với những tháng ngày dài dằng dặc đi bốc thuốc rồi sắc thuốc cho chồng, mùi thuốc bệnh ngai ngái ngạt thở...

...

Chị bạn cùng phòng đã đi nằm.

Tôi mở cửa ra ban công. Ngoài kia là vườn cỏ cây nguyên sơ, gần như hoang dã. Những bông hoa dại trắng li ti cứ đung đưa đung đưa theo gió ru chiều. Rồi chuối, rồi đu đủ, rồi dưa dại, gập đầu mọc đầy vô tư. Và cỏ, bạt ngàn những cỏ là cỏ. Giá tôi còn là tôi mười năm trước, chắc hẳn tôi đã nằm lên cái thảm cỏ có mùi đất ẩm nóng và ngửa mặt hưởng cái bao la ngợp thờ để thấy mình vô cùng nhỏ nhoi và đầy tự tin đến có thể giang tay ôm gọn cả bầu trời...

Nhưng trước hoàng hôn hình như đến hoang dã cũng phải buồn: những bông hoa trắng cứ nhạt nhòa và lần dần vào đêm.

Không hiểu vào giờ này có bao nhiêu người đàn bà được thấy những bông hoa dại ru chiều buồn và thấy chiều đang ngủ?

Có mùi hương trầm xa mà rất gần.

Nhà ai đó có việc hay đang cầu xin điều gì mà hương thơm da diết cả với người trần gian.

Tôi bỗng thấy như mình chẳng cần cho ai.

Hốt hoảng, tôi quay vào phòng đóng cửa lại.

1994

Cây nhang

Bé Ly nhìn anh nó, mặt xỉ ra, nước mắt rơm rớm chân mi:
_Em đói quá trời, sao cây nhang cháy hoài hỏng tàn anh?

Cu Thắng nhìn em, nó cũng ứa nước mắt nhìn cây nhang vẫn đỏ lập lõe như con mắt đang giỡn với cái đói của anh em nó.

Hồi chiều, má nấu xôi đặt lên trang thờ rồi vội đi công chuyện, chỉ kịp dặn anh em nó coi nhà, lấy xôi, chuối xuống ăn, khỏi cơm nước gì. Bữa nay là sinh nhật ba nó. Đáng lẽ má cúng ngày ba bị tai nạn ô tô chết nhưng má thương ba, nên sinh nhật cũng thấp nhang để vong hồn ba đỡ tủi.

Hồi ba nó còn sống, mỗi lần nhà có giỗ, cúng cụ, ba đặt đồ cúng lên trang thờ, chấp tay nghiêm trang khấn rì rầm rồi thấp ba nén nhang. Hương thơm tỏa ngào ngạt, thêm mùi vị cho các món ăn. Ba nó dạy rằng cúng các cụ, khi nào tàn nhang là các cụ đã hưởng hương hoa, cho phép con cháu được ăn. Cu Thắng vẫn nhớ lời ba. Nó nhìn lên trang thờ, cây nhang vẫn lập lõe. Đói quá, nó rì rầm cầu cho cây nhang mau tàn.

Bé Ly nhìn mưa giăng kín trời, mếu máo:

- Mưa rồi, hỏng biết má Thái có kịp về ăn xôi?

*

Trong căn phòng máy lạnh, má Thái cười rúc rích, nâng ly bia đầy tràn:

- Em uống ly này nữa thôi anh Sáu, em phải về coi hai

đứa nhỏ ăn uống sao.

Sáu Hoàng mặt vẫn tái tái, dù đã uống mười lon "333".

- Cục cưng yên tâm đi, hồi chiều đến đón em, anh thấy đĩa xôi tổ chẳng, lo chi hai đứa nhỏ đói. Trời mưa, tối nay chơi với anh tới mười giờ nghe cưng.

Hai ly bia sủi bọt, tràn vào nhau...

*

Có tiếng chuột cắn nhau chí chóc trên trang thờ.

Cu Thắng và bé Ly gục đầu xuống ghế ngủ. Hai đứa không thể chờ tận cây nhang để lấy xôi cúng xuống ăn. Má Thái quên dặn hai con, bà đã thấp nhang điện.

Chèo

Giải khuyến khích

Lâu lắm đoàn chèo của mẹ mới về làng Đặng. Ngay từ chiều, loa quảng cáo ồn ã, áp phích bay như bướm bướm trên đường. Tôi, trắng vừa ló lên tôi đã chực tót sang với mẹ. Bà tôi kéo tôi lại, dúi vào tay mấy quả mận xanh: "Mang cho con mẹ mận, ngày xưa bằng tuổi mận, nó mộ cái món này lắm đấy!". Hồi chiều, mẹ và các cô chú trong đoàn có ghé qua nhà. Cả cha dựng tôi nữa. Mẹ đưa cho tôi một mảnh vải lon - quà hội diễn mới đây của mẹ.

Tôi lom khom đi trên sân khấu mới dựng còn ngổn ngang phông, màn, hòm xiềng. Ở phòng hóa trang, điện sáng trưng, hắt một vệt sáng dài trên sân cỏ. Mẹ tôi ngồi cạnh cô Cẩm, hai người đang làm mặt. Tôi sà vào lòng mẹ, xòe vạt áo cho mẹ thấy mấy quả mận xanh. Quệt cho tôi một vệt đỏ chót vào má, mẹ bật cười khanh khách. Lâu lắm tôi mới nghe thấy tiếng cười như vậy của mẹ. Cô Cẩm cũng cười rồi nhón mận xanh ăn ngon lành. Giờ thì tôi mới nhìn rõ khuôn mặt tức cười của cô: một bên là gò má hồng hào, đuôi mắt đen, dài đa tình, một bên là phần lỗ chỗ, quầng mắt thâm lại. Mẹ tôi ngồi dựa lưng vào tôi, chăm chú nhìn gương, vẽ những vết nhăn trên trán, nhưng nốt ruồi ở má và khóe môi. Tôi ngắm mẹ một cách thích thú. "Giờ thì tôi là mẹ Thiện Sĩ chứ đâu phải mẹ cô!" - Mẹ đùa, phát vào má tôi ầu yếm. Cô Cẩm từ phòng thay xiêm áo đã ra từ khi nào, bộ váy Thị Màu của cô làm tôi phải ngỡ ngàng mấy phút.

- Con mẹ Lý lại đây nào!

Có tiếng gọi từ cuối phòng. Cô Nguyệt cảm thất lưng vẩy tôi. Tôi chạy ào lại suýt nữa thì va vào chân cha dưỡng tôi. Cha nằm với một ông to béo cạnh cái bàn hút thuốc phiện mà lúc mới vào tôi không để ý. Áo veston gói trên đầu, caravat nới rộng, trề xuống tận ngực, hai người vừa tiêm thuốc cho nhau vừa lầm rầm nói chuyện. Có lẽ lúc tôi chạy qua cha cũng chẳng nhìn thấy. Cô Nguyệt đưa cho tôi cái lược ngà, quà của Mỹ - em cô gửi cho tôi. Một năm trước, Mỹ chuyên đóng vai Thị Kính, là đào trẻ có tiếng của đoàn. Tuy đã bỏ nghề nhưng thì thoảng Mỹ vẫn gửi thư cho tôi. Bây giờ vai Thị Kính do cô Nguyệt đóng. Cô có khuôn mặt giống hệt Mỹ. Nếu cô không hút thuốc tôi đã làm cô với Mỹ. Tôi định hỏi cô về cuộc sống lúc này của Mỹ nhưng nhìn cô đang mơ màng với khói thuốc tôi lại không nỡ. Mẹ tôi bảo cô Nguyệt hút rất nhiều thuốc, một ngày vài chục điếu là thường. Tôi hiểu rằng: một người đàn bà như cô, không phải tự nhiên mà ham mê khói thuốc...

Trăng đã lên cao. Người xem ồn ào ngoài bãi. Chuông báo chuẩn bị biểu diễn reo vang lán một. Cô Nguyệt vừa nhờ tôi thất hộ thất lưng vừa hét toáng lên:

- Lanh "Thiện Sĩ" đâu rồi?

Có tiếng ai đó đáp lại:

- Đang tổ tôm với mấy "cụ" nhạc công bên kia kia!

Chú Lanh bị cô Cẩm nắm tay kéo về, quần áo Thiện Sĩ xốc xếch trên vai. Lầu bầu mấy câu bực mình, chú mới chịu đứng yên cho cô Cẩm cài khuy áo chùng...

Tiếng đàn, sáo vang lên. Cô Cẩm cầm micro hát vọng véo von điệu sa lệch: *Tu chùa nhà chẳng có Phật ư. Mà em cấp nón đi tu chùa nào...* Hai cánh màn nhưng từ từ mở. Ánh điện chói mắt chuyển sang xanh dịu. Tôi nhìn ra sân khấu như nhìn vào cõi mộng. Cảnh nhà Thiện Sĩ lẫn trong sương mờ. Đột nhiên tôi có cái cảm giác của người đứng trên một ranh giới mong manh...

Chị tôi

Tôi luôn nghĩ mình là đứa trẻ bất hạnh. Nhà nghèo nên việc học hành của tôi vất vả lắm. Mười một tuổi phải xuống Hải Phòng ở nhà cậu để vừa học vừa làm thêm. Vài năm sau, về nhà, bố mẹ lục đục. Nhà cửa tan hoang. Tôi hỏi: "Chị đâu?". Mẹ cười như mếu: "Vào Sài Gòn theo bác trưởng". Tôi nhìn lên tường: chị cười tươi sau vành nón, hai mắt long lánh nước.

Hai năm sau, trốn học, tôi về. Nhà cửa tươm tất. Tôi hỏi mẹ: "Chị đâu?". Mẹ chum chim: "Chị làm to lắm, lấy chồng giàu, gửi tiền thương xuyên". Tôi hỏi: "Cả tiền nuôi con học?". Mẹ gật, rồi nói: "Chị bảo đàn bà có thể không cần học chữ nhiều, chỉ cần học lễ thôi. Nhưng đàn ông thì phải có học. Có cả hai thứ ấy mới thành người". Tôi im lặng, thầm cảm ơn bố mẹ sinh ra chị. Mẹ lại bảo: "Nghe nói con uống rượu?". Tôi gật. "Cả nghiện thuốc?". Tôi lại gật. "Có đánh nhau không?". Tôi thờ dãi nhìn chỗ khác. Và mẹ thì thầm: "Đừng yêu vội, con gái tỉnh không thật đâu". Tôi cười: "Cái đó còn phải xem đã. Đàn ông, lại xa nhà mà mẹ". Lúc đi, mẹ dúm tiền vào túi, với theo: "Những cái con thích, chị không thích đâu. Chị muốn con làm sáng danh nhà mình".

Tôi bớt hút thuốc, bỏ dần rượu mỗi chiều mỗi sáng. Suy cho cùng, rượu chỉ làm quên nỗi buồn trong chốc lát. Sau cơn say là cảm giác nhạt thếch, khát thèm một cái gì không rõ rệt. Còn đáng sợ hơn cả nỗi buồn lúc tỉnh. Tôi vào đại học. Vẫn không gặp chị. Chị vừa gần gũi, vừa xa xôi. Hàng chục

năm rồi còn gì.

Tôi đổ loại ưu, được giữ lại trường làm giảng viên. Bố mẹ già dần, không còn lực đực nữa. Hình như họ mệt. Tôi nhắc lại chuyện xưa, mẹ cười: "Với mẹ, bây giờ cuộc sống là quý nhất".

Mẹ đánh điện: "Về ngay. Bác trường mất".

Tôi về. Hôm sau, cả nhà lên tàu vào Nam. Bố mẹ thương bác và nghĩ đến phận già của mình. Tôi cũng thương bác nhưng nhớ chị nhiều hơn. Tôi thích gặp chị để chị thấy tôi không làm chị buồn.

Tàu vào ga. Mẹ nhấp nhúm không yên. Bỗng mẹ kéo giật tôi: "Rụt vào. Có tàu chạy qua, phăng đầu đấy". Tôi thì chẳng thấy con tàu nào cả. Mẹ vẫn thất thần, cuống cuống hoảng loạn vì một chuyện gì đó. Tôi đâm nghi ngờ cái sự hốt hoảng của mẹ. Tôi ngó nghiêng. Chẳng có gì đáng chú ý. Chỉ có một người đàn bà, phía bên kia đường ray dăm dăm nhìn chúng tôi. Quần đen, áo bà ba - người đàn bà thật nhỏ bé, nhếch nhác. Dưới chân là một thuốc lá, bên cạnh là cái làn nhựa. Bà đứng như bức tượng nghiêm lạnh giữa khung cảnh huyền ảo bậc nhất này. Có một đoàn tàu dài chạy qua. Chật người và hàng hóa, chưa rời ga mà đã mệt mỏi quá. Tàu qua. Tôi nhìn lại phía ấy. Không còn người đàn bà đó nữa.

Tôi và bố mẹ về nhà bác.

Dự đám tang xong, hai ngày sau, một mình tôi về Hà Nội, vì công việc, vì không gặp chị. Mọi dự định của tôi với chị tan hết. Mẹ báo chị cùng chồng đi Đài Loan. Vợ chồng chị không có con nên hay đi lắm.

Sài Gòn mùa mưa mát và thơm mùi trái cây. Lên tàu sớm, tôi ngồi ngó lung tung. Bất chợt lại thấy người đàn bà đó. Vẫn những hành trang của mình, bà ta trần trối nhìn tôi. Tôi vẫy bà ta lại định mua giúp vài bao thuốc dù tôi đã bỏ từ lâu. Chị không thích tôi nghiện. Hình như bà ta chỉ đợi có thể, vội bước trên những thanh tà vẹt, leo lên toa tôi ngồi.

Hai mắt lóng lánh nước, trên khuôn mặt chẳng chít nếp nhăn như sét rạch bầu trời mỗi khi mưa gió. Một bao Vinataba sáu nghìn năm trăm đồng, bà ta cứ dứt khoát lấy bốn nghìn. Tôi chột bực mình và ân hận vì cái thiện chí của mình. Thuốc giá. Chỉ có đồ giả mới phá giá chung như thế. Bà ta biết không lừa được tôi nên mới bán hạ giá? Tôi quắc mắt, ném trả lại bao thuốc. Lập tức, bà ta giúi tất cả vào lòng tôi năm bao thuốc và chạy biến, lẫn vào đám người lên xuống. Tôi sững sờ: việc gì phải sợ tôi như thế, tôi có tổ giác bà ấy đâu! Tàu đã chạy. Tôi nhìn ra cửa sổ. Người đàn bà lại đứng chỗ cũ, cách tôi những đường ray chằng chéo.

Năm ngày sau, mẹ gọi điện: "Chị mất rồi. Tàu hòa cán". Rồi khóc hu hu trong máy, mẹ tiếp: "Đã hỏa táng". Tôi gào to: "Chị ở Đài Loan cơ mà". Mẹ rên rỉ: "Chị con là cái người bán thuốc lá ở sân ga".

Tôi lao ra sân trường. Trưa loang nắng, hấp hịu gió. Chạy vào phòng bạn bè, tìm lại những bao thuốc. Thuốc hết, còn vỏ không, tôi ôm vào lòng, bật khóc.

Tôi hiểu, đây là những thứ cuối cùng của chị dành cho tôi.

Con gà què

Giải ba

Con gà con ấy em tôi nhặt được trong một buổi chiều chẵn trâu. Chẳng hiểu lũ trẻ cười trên lưng trâu gào to thế nào mà con diều hầu sợ quá, buông con gà từ móng vuốt của nó. Từ trên độ cao hàng chục thước mà rớt xuống như vậy, còn gì! Cá lũ trẻ, đứa nào cũng chê, nên mới có chuyện con gà thoi thóp, ngắc ngoải ấy được con em út mới lên bảy tuổi của tôi đưa về nhà.

Lúc đầu, chị tôi bảo quăng cho con Mướp nó ăn. Tôi thì muốn đem gà con ra làm mồi tranh giành giữa con Kỳ và con Mướp. Dứt khoát em tôi không chịu. Bởi nó là út, được mẹ bênh, nên cuối cùng con gà con thoát cảnh bị hóa kiếp.

"Chó liền da, gà liền xương", nhưng rơi từ cao thế sống được cũng là diệu kỳ, mong gì được lành lặn như người ta. Con Què (tên con gà) qua ngày đoạn tháng với đôi cẳng bên cao bên thấp và cánh phải cứ xệ xuống. Cái hình hài khốn khổ ấy đeo đẳng, làm hại nó mỗi khi kiếm ăn, giành mồi. Què trở thành mục tiêu hành hạ của Kỳ và Mướp. Con mèo lười nằm lim dim sưởi nắng giữa sân, thấy Què đi ngang cũng phải quờ móng vuốt một cái. Con chó đang nhẩn cục xương, nhìn xuống sân thấy Què đang gạt rơm tìm thóc cũng buông xương, sủa đồng thật to. Với lũ gà, con Què như cái nghiệp chướng, không sao hòa nhập với bầy đàn được. Bởi nó là con gà mái, nên trước mọi cảnh bạo lực, nó chỉ còn biết rúc đầu vào cánh mà chạy tập tênh. Cứ chạy được vài bước lại ngã chống kênh, gượng đứng dậy, rồi lại lảo đảo chạy. Vậy mà vẫn lớn.

Có một hồi, Què biệt tăm. Con em lúc đầu còn sục tìm, sau mãi chơi với chùng ban, quên đi con gà khốn khổ. Ai

cũng nghi là nó bị chôn cáo bắt rồi, hoặc là nạn nhân của chính con Ky, con Mướp, mà chắc chắn là con Mướp - chú mèo già, có vẻ sắp hóa cáo tới nơi.

Bỗng một buổi sáng, con Què lại xuất hiện ở sân nhà tôi. Cùng đi với nó là một con gà con mới nở, con nó. Chẳng ai biết được, với cái hình hài như thế, làm sao nó đứng vững được khi con gà trống nhảy lên. Cũng chẳng ai biết được mấy chục ngày qua nó nằm ấp ở đâu. Hai mẹ con xuất hiện đột ngột giữa bầy. Lạ thay, cả đàn gà bỗng dễ dàng chấp thuận để nhập bầy, trái hẳn với kiểu cách ngày nào với riêng con Què. Chỉ có Ky và Mướp vẫn giữ thái độ ác ý.

Quá là "mẹ cú, con tiên". Con gà con lớn nhanh như thổi, dáng vẻ thật đẹp. Lông cánh mượt mà. Con Què lấy làm hãnh diện về đứa con của nó lắm. Những gì ngon ngọt nhất đều phần con. Chúng cỡ hơn tháng sau sự xuất hiện của gà con, bỗng xảy ra một chuyện. Bữa đó, không hiểu vì sao con Mướp nói máu hung hãn. Đang giữa buổi trưa hè, nằm phơi nắng trên bể nước, nó bỗng nhào xuống giữa sân, chồm vờn móng vuốt, nhằm bắt gà con. Con gà con chết khiếp, nằm bẹp xuống, đợi chết. Đúng lúc ấy con Què vọt tới, nhảy thốc lên, tung chân đá thẳng vào giữa mặt con mèo già rồi sau đó cứ nhào vào mổ tới tấp. Chao ôi, con mèo to lớn vậy, hung dữ vậy, mà mặt sạch hồn vía. Nó lăn sang một bên, thoát đòn tấn công của con Què rồi cong đuôi chạy thẳng vào bếp, vọt thẳng lên đỉnh chạn và nằm yên ở đó. Thật không ai biết với thân hình khập khễnh như thế, con Què lấy đâu sức mà đá, mà mổ, ác thật.

Sau bữa đó, tất cả dường như quên đi cái dáng khập khễnh, què quặt của con Què. Nó thường đứng giữa sân phơi nắng thóc, gọi con ăn, vẻ hiên ngang, hãnh diện trước đứa con mỗi ngày mỗi phổng phao, xinh đẹp. Con gà con giờ đây to lớn hơn cả mẹ.

Thời gian trôi qua thật mau. Mưa đã tới. Những con giun ngộp dưới nước trồi lên mặt đất, làm môi cho bầy gà. Một bữa, con Què gặp được một con giun lớn, nó vừa kéo giun

khỏi tổ, vừa cục cục gọi con nó tới, cùng kéo, cùng ăn. Con gà con chạy tới, giắt phăng con giun khỏi mỏ mẹ, chạy vào góc vườn. Con Què chạy theo. Bất ngờ con gà con quay lại, đá phóc một cái. Con Què ngã lăn quay. Nó muốn gượng đứng dậy nhưng đất trơn, lại ngã.

Từ bữa đó, con Què lại trở lại hình dạng thảm hại xưa kia. Nó lại bị con Ky, con Mướp hành hạ. Bầy gà cũng hắt hủi. Nó thường đứng co ro một mình ở góc sân, thỉnh thoảng lại nhìn con gà mái to, đẹp nhất bầy - ngày xưa từng là con nó.

Các nhân vật lịch sử thường xuất hiện hai lần, lần thứ nhất là một anh hùng, lần thứ hai là một thằng hề. Học cách nói trên của một nhà kinh điển, ta có thể nói nhân vật Què xuất hiện đến ba lần và có tiến trình gần như ngược lại. Lần thứ nhất nó chỉ là cái đồ bỏ đi, gắn liền với thành ngữ dân gian "con gà qua tha" là một hình dung thảm hại thua kém mọi đường giữa thế gian và sống sót được là may cho kiếp... gà. Nhưng ở lần thứ hai xuất hiện thì quá là nó nhận được phép thiêng, vut trở nên một anh kiệt, đẹp cao cả và dũng mãnh. Tài tình thay là sự sinh nở, sự sống - một nội lực phi thường - nguồn gốc của mỹ cảm và ta đã rưng rưng lệ muốn bày tỏ lời biết ơn chân thành. Tuy nhiên, dường như ở đây sự sống phải được đi trọn vòng đời của nó, Què phải trở lại trạng thái suy kiệt ở lần xuất hiện thứ ba, sau khi đã xả phần máu thịt của mình hiến cho đời một đứa con đẹp hơn cả chính nó.

Trăm năm bia miệng còn trách kẻ vong ân bội nghĩa, nhưng không khéo ta lại làm cái việc "khéo dư nước mắt". Nên chăng là để mình tỉnh lặng trong một phút ngậm ngùi, để cánh mũi cay xè trước cái thường tình éo le của thế thái - so với đạo lý phước cập được truyền dạy thì quá ư bất nhân, phủ phàng? Tiếc thay, lịch sử tự nhiên nhan nhản những trái khoáy, nghịch cảnh hồn nhiên vậy.

Truyện "gà què" nay trước hết là truyện... "gà què". Nó không phải ngụ ngôn. Nó không lộ rõ cái nhằm nhằm của người viết là mượn chuyện con vật để răn dạy con người. Văn chương không hẳn chỉ dừng lại ở cái ý thức vậy. Và đó là một thành công của truyện mini này.

MA VĂN KHÁNG

Đi tết thầy

Sáng ba mươi, đang vui với tám quán bài tam cúc mới được chia đồ rục bộ ba "tướng sĩ tương", thì bố tôi đưa cho gói quà tết bọc giấy điều:

- Lớn rồi, tết này, con đi tết thầy một mình! Chẳng có gì. Cáp bánh chung với cân đường gọi là

Tôi gât đầu nhưng bụng rất run. Tôi vốn là đứa trẻ nhút nhát. Chưa dám đến nhà ai một mình. Kể chi nhà thầy giáo có tiếng nghiêm khắc như thầy tôi. Thành ra trên đường có bao nhiêu là cái vui của ngày tết mà tôi chẳng thiết gì. Tranh gà, tranh lợn, tổ nữ, đu xuân. Lại có chỗ trẻ con đá bóng. Chiếc bóng đá của con lợn tết phơi khô thổi hơi vào căng cứng, chân chạm đến, nảy căng căng. Tôi cũng chẳng thiết!

Tôi đi thật chậm nhưng rồi cũng đã đến cổng nhà thầy. Đã mấy lần gõ bàn tay nhỏ bé định đập đập lên đó nhưng cả mấy lần tôi đều rút lại. Sợ quá. Ước gì có ai đó ra mở cổng. Tôi sẽ dúi vào tay cái khối nặng nề này rồi ù té chạy đi. Nhưng chờ mãi chẳng thấy. Chỉ thấy còn cách là quay về. Rồi muốn ra sao thì ra!

Dường về, tôi đếm từng bước một. Đã đến quán nước bà Ngải, một bà lão sống mỗi một mình từ hồi nào. A! Phải rồi! Tôi rẽ vào quán, đặt vội lên đôi bàn tay nhăn nheo run run của bà gói quà tết:

- Thấy bu cháu...

Bà lặng người đi. Cái miệng móm mấp máy:

- Đa tạ ông bà...

Xong việc, tôi về đến nhà, mặc dù tự trấn an: "Thầy giáo thì thiếu gì quà tết" nhưng vẫn cứ thấy bứt rứt. Tâm trạng của người vừa phạm tội, vừa không. Bố tôi không nhận ra điều ấy nên đã reo lên khi thấy tôi về:

- Thằng này giỏi! Tết thấy một mình!

Bố tôi càng khen tôi lại càng nơm nớp chờ đợi...

Ngày mừng một, điều ấy không đến, may sao!

Ngày mừng hai, lạy trời, cũng thế. Nhưng...

Vừa mới sáng bánh mắt, bà cụ Ngải đã xông xộc bước vào nhà, miệng rôi rít:

- Năm mới kính chúc ông bà làm ăn phát đạt bằng năm bằng mười năm ngoái...

Tôi chạy tọt vào buồng. Tim thất lại. Bà ơi, bà đừng nói cái chuyện hôm trước bà nhé.

- Sau nữa, xin cảm ơn ông bà có lòng nghĩ tới kẻ nghèo hèn như tôi. Cặp bánh ông bà cho, nó không phải bằng gạo bằng thịt đậu, bằng vang đầy ả!

Tôi tái người, chỉ còn biết ngói sụp xuống chờ ăn đòn. Quả không sai, bố tôi nghiêm mặt nhìn tôi sau lúc bà Ngải về:

- Vậy là thế nào?

Tôi nghi ngay được câu biến báo:

- Dạ, thầy con nhân rồi sai con tết lại bà...

- Thật không?

- Thật ả!

- Được rồi. Để tao xem lại!

Bố tôi rất ghét nói dối, xưa nay đã nói là ông làm, tôi chỉ còn biết cầu mong bố tôi quên việc đến gặp thầy. Mà rồi sau đó bố tôi quên thật. Có lẽ nhờ mài mê lau chùi những món đồ thờ. Bố tôi đã vừa làm vừa đọc lên những câu đối tiêu lâm làm cả nhà cùng cười. Tôi tạm yên dạ.

Ngoài sân bỗng vang lên tiếng chào. Tôi giật mình nhìn ra và tái mặt. Thấy tôi. Trời ơi, làm sao thấy lại đến nhà tôi vào giữa lúc này!

Tôi nhảy tọt vào buồng run còn hơn buổi sáng. Tôi nghe thấy nói:

- Có hộp mứt đến mừng tuổi ông bà. Cũng là cảm ơn ông bà đã cho bánh tét. Gồm, bánh gói khéo quá. Vừa chặt tay lại vừa đẹp.

Tôi không tin ở lỗ tai của mình, vội lên ra khỏi buồng, chạy thẳng một mạch đến quán bà Ngải. Trên mảnh gỗ lâu nay vẫn được làm bàn thờ tổ tiên của bà vẫn là cặp bánh chưng nhà tôi lại thêm hộp mứt giống hệt cái hộp thấy vừa mừng tuổi bố mẹ tôi. Chẳng để tôi kịp hỏi bà Ngải đã a lên:

- Cậu. Bữa cho qua, cậu bỏ quên lá thư. Lão nhờ người đọc mới biết thư thấy u cậu gửi ông giáo. Lão vội đưa tôi ông giáo ngay, nhân dịp biểu ông giáo chúc cam. Cảm ơn ông giáo dạy học trò biết nhớ tới người nghèo. Ông giáo nhận thư, lại còn cho mứt. Quý hóa quá!

Vậy là còn lá thư trong gói quà tết tôi nào biết. Nhưng tôi biết, thấy tôi đã đọc thư, đã rõ hết chuyện, đã đỡ đòn cho tôi. Nếu không, phải ăn đòn ngày tết thì giống cả năm. Có khi cả đời.

Điếu cây

Giải khuyến khích

"Nhớ ai như nhớ thuốc lào"

Đặng Vi Yên, ngụ lâu đời ở Nam Định. Tầm thuốc, khỏe, thông minh, sống rất điều độ. Mỗi tội nghiện hút thuốc lào từ ít tuổi. Khi Yên lên Hà Nội học đại học, hành trang có chiếc diếu cây.

Chiếc diếu Yên tự tay làm bằng tre tốt, dáng thon đẹp, nõ cứng bằng tre. Dùng lâu năm, diếu lên nước nâu bóng; tiếng giòn, khói đượm.

Nhân gia đình con chứt cửa cũ, Yên thuê một túp nhà nhỏ ngay gần trường. Bạn bè thấy Yên ở một mình, thường tụ tập chơi bời ở nhà Yên. Lại trữ sẵn rượu và thuốc lào, góp vài chiếc cả diếu cây, diếu bát. Trong nhà Yên, ngọn đèn dầu không tắt bao giờ.

Được độ hai năm, Yên sinh chứng ho, ngày càng nặng. Cổ họng đau rát, kém ăn mất ngủ, gầy rộc. Ngậm thuốc gì cũng không khỏi. Yên quyết định bỏ thuốc lào. Khốn nỗi ngồi nhìn người khác hút suốt ngày đêm, thèm không nhin nổi. Yên bèn cất đèn, giấu diếu, cáo bệnh chối khách. Bạn bè thưa thớt dần, bệnh Yên cũng thuyên giảm. Nhưng diếu cũ mỗi bạn cấp đi một chiếc, riêng diếu đem từ Nam Định lên, Yên nhất định không cho ai. Chẳng phải để phòng có ngày hút lại, chỉ vì đã gắn bó với nhau, không nỡ trao vào tay người khác.

Qua nửa năm, chẳng thuốc thang gì, bệnh Yên khỏi hẳn.

Yên sống còn điều độ hơn trước, tập cả khí công dưỡng sinh. Song, không hút thuốc, Yên lại sa vào đam mê mới. Đó là một người con gái gần nhà.

Người con gái này, Yên mới gặp vài bận gần đây. Khi thì rửa chân bên máy nước, khi thì hóng mát cạnh hồ, lúc nào cũng xinh xắn, đáng yêu. Rất trẻ, chỉ độ mười lăm, mười sáu, thon thả yếu điệu. Khuôn mặt lúc nào cũng phảng phất buồn. Chỉ riêng những lần gặp Yên, nàng đều nhìn âu yếm và hơi mỉm cười. Yên thì thấy như đã vêu nàng từ những ngày xưa rồi. Đêm trăng sáng ấy, gặp nàng ở con đường nhỏ trong xóm, Yên rủ vào nhà chơi, nàng nhận lời ngay. Từ khi hỏi chuyện làm quen đến lúc Yên bế lên giường, nàng đều giữ vẻ mặt u buồn cũ. Chỉ đến khi hai đứa sung sướng tột độ nàng mới bật cười rit lên. Yên trước đó chưa gần gũi con gái bao giờ, cũng không thấy lạ, cứ tái diễn vài lần cho thỏa. Qua nửa đêm nàng đòi về, chỉ cho Yên đưa đến chỗ hồ nước sau nhà.

Từ đó, đêm nào cũng lại, chiếu chuộng Yên rất thành thực, chỉ có điều không bao giờ chịu tắt hết đèn trong phòng, đôi phải để một ngọn đèn dầu leo lét bên giường. Yên nghĩ-nàng sợ ma nên cũng chiếu; hơn nữa được ngắm khuôn mặt xinh đẹp của nàng trong lúc đầu gối tay áp, lại càng thỏa mãn.

Được một thời gian, bạn bè thấy Yên gầy hẳn đi, sinh nghi, hỏi han, Yên giữ kín không nói. Nhưng cũng tự thấy mình xuống sức, nhất là cổ họng đau lại, tức ngực khó thở, Yên bỏ cả tập khí công. Bị ho còn nặng hơn trước, Yên đâm ngờ bệnh trước cũng không phải tại thuốc lào. Nhân một bữa ngồi quán nước trong trường, Yên nghiêm nhiên về một điều, chাম lửa hút trước con mắt kinh ngạc của chúng bạn. Lại ở chỗ Yên bỏ lâu không hút mà không hề bị sặc khói, lại thấy thuốc có phần nhẹ. Nhân thế, Yên hút liền ba bôn điếu. Bạn

bè rất mừng, toan bàn chuyện lại tụ tập ở nhà Yên, Yên nhất định gạt đi.

Tối hôm ấy, Yên đợi mãi không thấy tình nhân tới. Qua mấy hôm sau mới lại, vẻ hờn giận in hằn khóe miệng, không chịu nói với Yên một lời. Gặng mãi thì nàng khóc, rồi trách Yên không chung tình, đòi cắt đứt quan hệ. Yên cuống cả người, kêu oan. Van xin mãi nàng mới nguôi.

Hôm sau, Yên tìm chiếc điều cũ cất dưới giường, đem ra đánh rửa sạch sẽ để hút lại. Thấy nõ điều đóng cao sái dày, Yên tháo hẳn ra, cạo sạch, rồi bỏ đi mua thuốc Lào.

Dem thuốc về tới ngõ, Yên gặp ngay người anh cả ở quê lên thăm. Yên vốn hiếu đễ, gặp anh mừng lắm, dặn anh ở nhà tắm rửa nghỉ ngơi, mình chạy ra chợ mua thức ăn về làm cơm thết. Trong bữa cơm, Yên lựa lời xin lỗi anh, nói dối là đang kỳ thi, tối có bạn đến cùng học, không còn chỗ. Cơm nước xong, anh vào nhà bà con trong phố.

Anh Yên vừa đi khỏi, cô gái đến ngay. Trông tươi tỉnh hơn mọi ngày, nhưng lại có vẻ bút rứt khó tả. Đến khi Yên thắp đèn dầu, tắt điện, kéo nàng vào giường, nàng một mực chống cự, không chịu. Lấy làm lạ, hỏi, nàng cáo rằng đang kỳ thấy tháng, phải kiêng. Yên đăm ngờ, bèn ra chiếu lả lơi, bất chợt đưa tay sờ, lạnh người vì thấy dưới lớp vải chỉ là một lỗ hổng lớn. Bị lộ, nàng vùng ra toan chạy, Yên lôi lại xem cho rõ. Bỗng thấy tay tóm vào khoảng không, mắt đà suýt ngã, người con gái biến mất. Bật đèn ngó quanh, chỉ thấy điều mới rửa lúc chiều, còn quên chưa tra nõ.

Từ đó không ai thấy Yên hút thuốc Lào nữa. Chỉ nghe đến tiếng rít điều cây, Yên đã bủn rủn chân tay.

Đò thiêng

Giải khuyến khích

Chị là người cuối cùng bước xuống đò. Chiếc va li nặng kéo người chị lệch về một bên. Con đò chòng chành. Người lái đò vội đưa tay đỡ giùm chiếc va li, nhưng chị đã kịp ngồi xuống, lấp bắp hai tiếng: "Cảm ơn".

Con đò từ từ quay mũi, rời bến.

Nước từ thượng nguồn đổ về đỏ ngầu, sôi cuộn cuộn. Mưa liên miên mấy ngày liền. Bầu trời phía đó vẫn nặng trĩu những đám mây đen xám. Người lái đò gác sào, vớ lấy mái chèo. Đò chở nặng, trôi lừ đừ.

Gió đột ngột thổi mạnh. Đò nghiêng về một bên. Sóng đập mạnh vào mạn thuyền, hắt một chùm tia nước lạnh buốt lên đám hanh khách. Mọi người xôn xao. Chị giật mình, ôm chặt lấy chiếc va li.

Hơn hai mươi năm trước, chị đã tiễn anh qua con đò này. Mùa mưa. Đò đầy. Những cơn gió lạnh. Chị ngồi nép vào

anh, lạnh từ trong bụng lạnh ra... Ngày ấy con dò từ bên kia sang, đưa anh ra mặt trận.

- Lạy chúa tôi! - Tiếng ai đó thảng thốt kêu lên.

Con dò chòng chành dữ hơn. Mấy người đàn bà tái mặt, búi chặt vào tay nhau. Người lái dò hỗn hển, cố gò mái chèo cho con thuyền đừng trôi đi quá xa. Gã thanh niên mặc quần bò, đeo kính mát ngồi cạnh chị, lẳng lặng đứng dậy. Dò mất thăng bằng, chao nghiêng một lần nữa.

- Muốn chết hay sao thế? - Người lái dò gất lên, vẻ tức giận.

Gã thanh niên phớt lờ, chệnh choạng bước về phía mũi thuyền.

- Sông rộng, dò đây, rước cho đầy khách vào! Tham lắm, rồi chết oan cho cả lũ - Lại một giọng đàn bà cấm cản, đầy hối tiếc.

- Quái lạ! Dò như có vong ấy các ông các bà ạ!

Câu nói sau cùng khiến chị thót tim. Chị nhắm mắt lại. Hai bàn tay ôm ghì lấy chiếc va li, lạnh giá.

Ngày ấy, anh hỏi nhỏ bên tai chị: "Nếu bây giờ đắm dò...?". Chị cười tê tái: "Em sẽ ôm xiết lấy anh". "Nói đại nào! Không chết như thế được. Nhớ đón anh sang dò nhé"... Rồi anh nhảy lên bờ, nhẹ nhõm đi khuất, để mình chị quay về với cả chuyến dò chòng chành.

Bao nhiêu năm qua đi, chị không một lần dám bước chân đến bến đò này. Nhưng chị vẫn mong đến thất lòng chuyến đò đón anh trở về. Chuyến dò đây, tung bùng cờ, hoa, nụ cười và nước mắt... Lại nói đại, anh ơi, dò có đắm ngay trên con sông quê, thì hai người cùng được chết!

Nước ào qua mạn thuyền. Chị bưng tình, mở choàng mắt. Còn kịp nhìn thấy gã đàn ông ở mũi thuyền gỡ kính cho vào túi áo, chuẩn bị tư thế sẵn sàng lao vọt xuống dòng nước ngâu bọt.

Con đò rừng mình cập bờ. Đám hành khách trên thuyền vỡ òa, tranh nhau túa lên. Gã thanh niên thân nhiên đeo lại kính, vừa đi vừa huýt một điệu sáo mồm vui vẻ. Rồi tất cả nhanh chóng mất hút vào con đường mòn xuyên qua bãi mía xanh um.

Chỉ còn lại một mình chị trên bến đò. Chị thận trọng ngồi xuống, mở nắp va li, rút ra mấy nén hương và thắp lên. Thế là rút cuộc, sau mấy tháng rông lặn lội trong những cánh rừng phương Nam, chị đã tìm thấy anh, đưa anh trở về nguyên vẹn với mảnh đất quê hương, trong chiếc va li này.

Khói hương quyện với nước mắt chị. Hòa bình bao nhiêu năm rồi nhỉ? Đã bao nhiêu chuyến đò đầy qua lại trên sông?

Đồng vọng ngược chiều

Theo cái gậy tre dò đường, bà lão rờ rẫm từng bước về phía cửa ga.

Bà đi như người tập làm xiếc trên dây. Chiếc nón lá rách lượp tướp, từ bàn tay gậy guộc, lấy bấy của bà hươ đi hươ lại, không lúc nào yên.

Dừng lại bên đống rác lớn, bà lão bắt đầu van vỉ:

- Cháu lạy các ông các bà... Cháu mù lòa già cả... Cháu xin các ông các bà nhón tay làm phúc...

Không một hồi âm, ngoài tiếng vo ve của máy con nhặng xanh đang tranh ăn trên một chiếc lá bánh. Một con chuột ngày trở tráo bò lên bàn chân bà lão. Bà sững người. Khuôn mặt lóe lên một tia sáng mỏng. Bà đưa tay lần tìm từng tí trong lòng chiếc nón. Nhưng ngay sau đó, cặp mắt nặng trĩu, ầng ầng nước của bà tối sầm lại.

Bà lão tiếp tục van vỉ. Vẫn điệp khúc cũ. Nhưng càng về sau càng thông thiết, nã nê. Những câu nói rời rạc, như tụ chảy ra từ khuôn miệng dùm dỏ, xệch xạc của bà.

Cái nón vẫn trống huếch. Một tia nắng lọt qua cái chóp

thùng, xiên thẳng xuống đất, như đóng đinh bà lão xuống nền đường.

*

Nằm dưới gốc cây sấu già, bé Chi thiu thiu ngủ. Nó gói đầu trên cái túi dứa dỏ, khâu bằng bốn, năm loại vải cũ, sờn. Một cái bát sắt hoen gỉ, thùng đáy, nằm lăn lóc bên cạnh. Bộ ngực gầy trơ xương của con bé thắt thòm dưới làn áo cáu bẩn, nhàu nát.

Từ sáng tới giờ chưa có chút gì trong bụng, nên bé Chi đói rũ người. Nó hy vọng giấc ngủ xua tan cái đói. Nhưng không thể được.

Mọi ngày vào tầm này, mềng ra nó cũng xin được đủ tiền mua hai cái bánh mì. Hôm nay xúi quẩy thế nào, chỉ được tờ hai trăm đồng mất góc.

Bỗng bé Chi giật thót người. Có một bàn chân nào đó giẫm lên người nó. Đang lúc đói mệt, bé Chi găm lên:

- Mù à? Người ta nằm thế mà giẫm lên!

- Bà mù... Mù thật cháu ạ! Thôi, bà đã trót... Cho bà xin!

Lặng đi một lát, bé Chi đưa hai tay sờ mắt mình. Từ hai hốc mắt của nó, những giọt nước mặn chát, rỉ ra. Nó ngập ngừng:

- Cháu... Cháu xin lỗi bà! Cháu không biết là bà như thế...

Bà lão ngúc ngắc đầu như thế chấp nhận, rồi tiếp tục đi về phía có tiếng đông người. Vừa đi bà lại vừa lẩm nhẩm:

- Cháu lạy các ông các bà... Cháu xin các ông các bà nhón tay làm phúc... thương kẻ mù lừa, khốn khổ này!

Ngẫm ngợi điều gì đó lung lăm, bé Chi lấy trong túi áo ra tờ giấy bạc hai trăm đồng mất góc, quả quyết:

- Bà ơi!... Cháu bảo này!

Bà lão dừng ngay lại. Bà nhận ra người gọi mình chính là con bé bà vừa nói chuyện. Linh cảm mách bảo bà sẽ gặp may.

- Bà ơi! Cháu... cháu biếu bà!

Khuôn mặt lộ vẻ vui mừng, bà lão chậm chạp quay trở lại, rồi chìa nón về phía gốc cây chờ đợi.

Đúng khoảnh khắc ấy, một cơn gió nhẹ ào qua. Từ trên cây sấu già, những phiến lá khô rơi xuống, khê khằng, đùng vào cái nón của bà lão.

Ngỡ con bé thả tiền vào nón, bà lão đưa tay quờ đi quờ lại. Một cái nhíu mày xéo ngang vùng trán nhăn nheo. Bà lão buồn bã đi tiếp về phía cửa ga. Vừa đi bà vừa thầm rủa:

- Bố con nhà mất dạy... Lừa cả người già... Rồi giờ sẽ bắt tội đấy con ạ!

Ngồi ở gốc cây, bé Chi vẫn chia đồng bạc về phía trước, về thành tâm. Chờ mãi, không thấy bà lão nhận tiền, nó đứng phắt dậy, thẳng thốt gọi:

- Bà ơi! Cháu xin biếu bà! Thực đấy mà!

Không ai trả lời con bé. Nó đưa tay quờ quạng quanh mình. Bàn tay nó chạm phải thân cây sấu già, thô nhám.

Nhét tờ bạc vào túi áo, một tay cầm túi, một tay chống gậy, con bé mù thập thững tìm đường.

Lúc ấy là mười hai giờ trưa. Nắng mùa hạ chói chang, in hình bé Chi xuống nền đường, tròn như đồng tiền vàng...

Đường Tăng

Giải nhất

Đêm cuối cuộc trường chinh đầy gian khổ, ngày mai vào yết kiến Như Lai để lên kiếp Phật, Đường Tăng trần trọc không sao ngủ được. Suốt cuộc đời tâm nguyện tới cõi này, giờ đây khi sắp trút bỏ kiếp người, ông bỗng thấy lòng day dứt.

Nhiều ngày nay, thân thể Đường Tăng đã rã rời, đầu óc đầy mộng mị, tay biếng lẩn tránh hạt. Tâm linh như muốn níu chân dừng lại. Máu ông nhức nhối thấm lẩn cuối qua tim, cửa vào quá khứ đau xé. Ông nhớ tới những người sinh thành ra mình. Tình cha, huyết mẹ tạo nên mà bao nhiêu năm nay ông không một lần thấp hương, không một lần nhắc nhở.

Chặng đường dài tới đất Phật khiến trái tim ông dần chai sạn. Ông đã quá nhiều lần phải lay lục, cầu khẩn các thần thánh lớn bé, đã quá nhiều lần giẫm đạp lên xác máu yêu ma xa gần, chỉ với một mục đích: mau thành chính quả. Ông thương người. Nhưng đêm nay, trước ranh giới cuối cùng của cõi Người và Phật, ông chợt hiểu ra cõi rẽ của tình thương ấy. Mỗi lần cứu giúp con người, ông chỉ thầm tính toán như xây thêm cho mình một bậc thang tới Phật đài.

Nhiều lần Đường Tăng đã tự hỏi tại sao nước mắt mình ngày càng lạnh giá. Giờ đây ông thậm biết, trên con đường thỉnh kinh về cứu rỗi người đời, ông đã dần dần xa lạ với con người.

Ông trở mình, thở dài: không là người, ta sẽ là ai? Yêu quái cản đường, biết bao kẻ chính từ trên đây xuống, pháp thuật vô biên, ác nghiệt vô cùng. Ta nhập vào chốn ấy biết rồi thành Phật hay ma?

Đường Tăng chợt nhói trong tim. Ông khê rên lên, hai tay ôm ngực. Mở mắt thấy các đồ đệ đang đứng bên giường nhìn ông âu lo. Cả ba hình như đều không ngủ.

Đường Tăng thở hắt: "Không sao đâu. Ta chỉ chợt nhớ tới ngày xưa". Nói rồi lại nhắm mắt.

Nghe tiếng Ngô Không: "Xin thầy đừng tự dối lòng. Thấy đang nhớ cá kiếp người - Đường Tăng rùng mình khi giọng Ngô Không quá u uất - Con từ đá sinh ra. Coi thường cả thần thánh, yêu ma, chỉ mong được thành người. Thầy đã là người lại tự bỏ mình đi tìm hồn phách khác. Đêm nay sao khỏi xót xa".

Bát Giới cười khê: "Làm người có gì vui. Chúng ta đã dốc lòng theo đạo, ngày mai được lên chốn thần tiên, sung sướng biết bao nhiêu. Thầy đừng luyến tiếc".

Sa Tăng an ủi: "Thầy trò mình sắp hóa Phật mang đạo xuống khai sáng cho loài người. Công quả vi đại lắm".

Đường Tăng lắc đầu, nằm im hồi lâu, hai tay vẫn đặt lên tim, mắt vẫn nhắm, nước mắt trào ra ấm nóng lại. Rồi như trăng trời: "Ta ước gì đêm nay đừng sáng. Ta đau đớn cho mười mấy năm viên du. Ngô Không ơi! Một đời con mong được thành người thì bị bắt ép phải theo ta để thành Phật. Bát Giới tự dối mình giác ngộ thật ra chỉ là đi tìm một chốn hoan lạc mới. Sa Tăng rời cõi u mê này sang cõi hoang tưởng

khác mà lại hy vọng khai sáng. Còn ta? Không còn là người, không phải là người thì làm sao đồng cảm mà đòi khai sáng, cứu vớt con người".

Ngộ Không sụp xuống nắm tay thầy, nghẹn ngào: "Thầy đã nhận ra chân lý. Nhưng chậm quá rồi".

Đường về. Qua sông. Thiên sứ vừa cười vừa chỉ cho Đường Tăng thấy thân xác ông đang trôi dạt dưới cầu.

Nhưng Đường Tăng đã không nghe thấy gì nữa. Đôi mắt vô hồn.

Đường Tăng" không phải là chuyện về sự lựa chọn giữa Phật và đời, giữa tâm linh và vô thần, duy vật. Tác giả chỉ mượn cốt truyện xưa để gửi vào đó một điều mình suy nghĩ, vì vậy ở đây Phật chỉ có ý nghĩa như một điển tích, một hình ảnh. Cái hay là người viết đã tạo ra được một tác phẩm vừa đầy chất ngụ ý, tượng trưng, vừa đầy âm điệu tình cảm, với những tính cách phác họa hết sức đơn sơ nhưng rất có hồn. Đặc biệt là nhân vật Đường Tăng. Đó là sáng tạo độc đáo của tác giả. Khác trong "Tây Du Ký", ở đây Đường Tăng người hơn, đời hơn và dễ thương hơn. Cũng là "nhại" truyện Tây Du, nhưng đến phần cuối, tác giả bất ngờ rẽ sang lối khác để cho Đường Tăng "ngộ" ra không phải cái thuộc về đạo mà là cái thuộc về đời - cái chân lý về giá trị của cuộc sống, ý nghĩa của sự hy sinh và con đường "cứu vớt con người". "Con từ đá sinh ra...". Hóa ra cái kiếp người dẫu lắm than và buồn chán bao nhiêu vẫn là một kiếp sống, một sự sống trên cõi đời này. Được sống, được làm người vẫn là điều quý giá nhất. Những gì cho du thiên liêng, đẹp đẽ bao nhiêu mà xa lạ với con người, không mang lại hạnh phúc cho con người thì cũng đều vô ích.

Truyện "Đường Tăng" đầy những câu văn ngắn có hồn. Chữ ít nhưng dường như chữ nào cũng sống, cũng có một âm điệu tình cảm, một không gian...

LÊ NGỌC TRÀ

Giấc mơ

Phải đi thôi. Mình đã hẹn Lan chiều sẽ trở lại trường. Đội văn nghệ chuẩn bị biểu diễn kỷ niệm 8-3, Lan không về được nên nhờ tôi mang giúp các thứ gia đình dặn mua cho ngày giỗ họ. Tôi nháy xe khách sang đây, hăm hờ cuộc bộ hơn hai cây số đường đồng. Trong bữa cỗ buổi trưa, cũng hăm hờ như vậy, tôi nâng cốc chúc tụng gia chủ. Bố Lan cũng là bố của Hồng. Em lướt đi giữa các dãy bàn đồng nghệt người, tíu tít bê mâm, tiếp rượu. Ánh mắt thăm thẳm, nụ cười tình nghịch như chỉ dành cho tôi, khách quý từ thành phố sang. Men rượu què làm tôi say. Khi tan hơi rượu thì bữa tối cũng đã sắp sẵn. Rửa mặt bằng chậu nước ấm Hồng bung lên, tôi đành ngồi vào mâm lẩn nữa "khỏi các cụ trách". Rượu vào, thơ phú tuôn ra. Mọi người lắng nghe tôi, xuýt xoa. Và Hồng cách một dãy bàn, ngồi bó gối, nhìn tôi đắm đắm.

Nhưng mình không được lỡ hẹn với Lan.

Đầu nhẹ hẫng, tôi nhắc người khỏi ghế, cài lại ống tay áo phủ lên vòng xích bằng thép không gỉ, vật bất ly thân phòng bất trắc mỗi lần đi xa. 21 giờ có chuyến xe cuối ngày. Gấp lên thì kịp. Tôi chạy gần theo đường làng. Cây đa đầu xóm đầy rồi. Bóng đêm trùm khắp. Tôi căng mắt tìm lối đặt chân giữa hai thửa ruộng. Tối bùng. Giá mà... Kia rồi, có hai bóng người với ánh đèn phía trước, tỏa hai quầng sáng.

"Cho nhờ với"- Tôi rào bước. Như trêu người, khoảng cách giữa tôi và quầng sáng xa thêm. "Chờ với"- Tôi chạy. Quầng sáng cũng chấp chới lay động. Mệt quá, tôi chậm lại. Quầng sáng cũng chững lại. Người tôi nhẹ lảng lảng.

Một cái vấp nhẹ. Tôi cố rướn mắt. Trời, ngay trước mặt là làn nước phẳng lặng, trắng nhờ. Bên kia, hai quầng sáng đứng im phắc như ngăn, như dọa. Tôi chực xắn áo. Nhưng khoảng đêm sâu hút, vòng xích thép trên tay mình chỉ là trò trẻ! Tôi bốc đất, vung tay ném đại. Mặt nước bỗng vỡ ra trong chuỗi cười lạnh lạnh. Tôi quay người vùng chạy, hai chân nặng như đeo đá cứ riu vào nhau...

...Tôi choàng dậy. Ngoài sân, trong nhà, đèn bão sáng choang. Mọi người vẫn quay quần trò chuyện.

- "Ngày xưa, có hai chị em nhà nọ, cha mẹ mất sớm, dùm bọc, quần quít nhau như hình với bóng. Một ngày kia, trở trêu, họ cùng thăm yêu thương một chàng trai. Giữ vẹn tình chị em, cả hai đã ra đấm và trảm mình. Từ đó, nước đấm trở nên trong vắt và không bao giờ vơi. Đã có không ít kẻ bị chết đuối..."

- "Chà. Máy thăng bị dim chết nghĩ cũng đáng đời. Rặt quân bạc ác. Còn người tử tế, đêm tối trời lạc giữa cánh đồng thương gặp hai vầng sáng trên mặt đầm nên kịp quay lui... Các cụ bảo: hai chị em nhà nọ soi đường cứu người đáng

cứu...".

Một chuỗi cười trong trẻo cất lên cất ngang câu chuyện.
Giọng cười em.

Sáng sau, theo chi dẫn, tôi ra đầm Và. Tôi men theo bờ ruộng chặt đay rạ ướt. Đầy rồi, làn nước tràn trề, trong vắt. Chợt tôi chết lặng. Hằn rõ trên mặt ruộng là một vết bước chân xiên xẹo, từ rìa đầm hướng về phía làng.

Hoa chanh trái vụ

Ngày xưa, tại làng kia có đôi trai gái yêu nhau rất mặn mà. Người con trai khỏe mạnh, dũng cảm và chân thành. Cô con gái thủy mị, nét na, hay lam hay làm. Dân làng rất yêu mến và vun đắp cho mối tình đẹp đẽ của họ. Nhưng lễ cưới chưa kịp tổ chức thì giặc Pháp tràn đến. Từ vùng tạm chiếm, chúng đánh nống ra vùng tự do. Bộ đội ta vì thế yếu, phải tạm rút lui để bảo toàn lực lượng. Làng rơi vào tay giặc.

Quân giặc hà hiếp dân lành, lập ấp dồn dân và xây đồn kiên cố trên quả đồi thấp đầu làng.

Người con trai quyết định bỏ trốn ra vùng tự do để gia nhập bộ đội chủ lực, còn cô gái ở lại làng hoạt động trong một tổ chức bí mật. Họ chia tay nhau trong một đêm tối trời tại vườn chanh cuối làng.

Tên đại úy đồn trưởng còn trẻ, dướng dấp hào hoa và nặng lòng căm thù Việt Minh. Hắn bị thương vào bàn tay phải trong một trận kịch chiến với du kích. Vết thương đã lành nhưng bàn tay mãi mang tật: các ngón tay co quắp, không thể mở xòe ra. Dân làng gọi hắn là thằng "Quắp".

Cô con gái được tổ chức phân công điều tra tình hình đồn địch. Cô phải làm quen với bọn lính và cả với tên đồn trưởng để được phép ra vào đồn, mua bán những thứ cần thiết cho chúng. Dân làng bắt đầu nghi ngờ, chê cười trách móc, cho rằng cô đã phản bội. Có người gặp cô đã ngoảnh mặt đi, nhổ nước bọt. Sự khinh miệt càng tăng khi mọi người biết rằng cô đã có mang.

Cô sinh con trong sự khinh ghét của dân làng. Đứa con trai hoàn toàn khỏe mạnh nhưng có một dị tật bẩm sinh: bàn tay phải của nó có các ngón tay nắm chặt, không bao giờ xòe ra. Nhiều lần tắm rửa cho con, người mẹ cố gỡ các ngón tay nhưng thằng bé cứ khóc lên gằn gặt, nên đành thôi. Thật đáng đời quân Việt gian, cha quắp đẻ con quắp!

Chín tháng sau khi đứa bé chào đời, bộ đội ta bí mật tập kết chuẩn bị công đồn. Chính cô gái dẫn đầu một mũi tấn công.

Người chồng chưa cưới của cô có mặt trong trận đánh, nhưng họ chỉ gặp nhau một phút trước khi cô hy sinh. Một quả bộc phá nổ gần đã hất cô ngã xuống, tim ngừng đập, nhưng toàn thân cô mềm mại.

Trận đánh thắng lợi, thi hài cô được đưa về ngôi đình giữa làng, phủ lá cờ đỏ sao vàng. Khuôn mặt cô trông như đang ngủ.

Người ta bế đứa bé đến để vĩnh biệt mẹ nó. Người chồng đưa tay bế lấy đứa bé, nhìn vào mặt nó hồi lâu. Đứa bé đưa ngang cánh tay tật nguyên của mình và trước sự kinh ngạc của mọi người, năm ngón tay bé bỗng từ từ mở ra như năm cánh hoa. Giữa lòng bàn tay trắng hồng là một nụ hoa chanh còn tươi nguyên và cũng đang từ từ xòe cánh. Mùi hoa chanh trái vụ tràn ngập ngôi đình, ngào ngạt át cả trầm hương.

Người chồng bỗng ghì chặt đứa con vào mặt mình, anh hôn hển nói mỗi lúc một to: "Con tôi, con tôi, con của tôi..."

Bàn tay đứa bé nghiêng đi và hoa chanh rơi xuống nhẹ nhàng như chim hạ cánh, đậu vào đôi môi của người mẹ. Mọi

người nín thở trông chờ phép lạ xuất hiện lần hai. Và đúng vậy, bộ ngực của người mẹ trẻ bỗng căng phồng lên như vừa hít một hơi dài, khuôn mặt ửng hồng trở lại. Đôi mắt với hàng mi dài đang khép bỗng rung rinh rồi bừng mở to. Cô liếc nhìn chung quanh và trông thấy hai bố con đang ôm nhau.

Cậu bé được đặt tên là Chanh. Khi cậu tròn năm tuổi, người cha đã ngã xuống trên cánh đồng Mường Thanh một giờ trước khi toàn bộ quân Pháp ở Điện Biên lũ lượt ra hàng.

*

Anh Chanh, hiện nay anh ở đâu?

Nếu anh đọc mẩu chuyện này của tôi, xin anh viết thư về tòa soạn báo Thế Giới Mới để báo tin. Tôi chắc chắn anh sẽ chứng minh rằng những điều tôi viết trên đây hoàn toàn là sự thật.

Hoa cho người sống

Tôi là kẻ quét rác, xén cỏ trong công viên. Cái nghề ít ai để ý, chỉ có tự tôi hay để ý mình. Người ta gọi đó là mặc cảm, chẳng biết có đúng không.

Nơi tôi làm, đã thành nếp, sáng sớm các cụ vô tập thể dục. Khi các cụ về thì khách thập phương tới. Trưa, họ kéo nhau đi ăn và chiều, lại các cụ và các cháu nhỏ. Mãi tới tối thanh niên mới vào! Cái chu kỳ chỉ bị phá vỡ vào dịp lễ Tết hoặc chủ nhật. Thì thoảng cũng có ngoại lệ, ấy là vào giờ nghỉ trưa, các cặp tình nhân tới đây hú hí vài giờ, rồi lặng lẽ rút. Đôi khi có một bố già xấu tính, kiếm đâu được cô bồ nhí, đứng đờn trong lùm cây, hoặc có gã choai choai ôm eo mụ nạ dòng mập ú. Những ngoại lệ ấy tôi nhớ nước miếng, bỏ qua. Nhưng có một trường hợp khiến tôi day dứt mãi, đó là bà lão, nhìn vẻ ngoài chẳng có gì đặc biệt. Bà xách cái giỏ nhựa, ngày ngày tới ngồi trên ghế đá lặng lẽ tằm trấu với cái vẻ lơ đãng của người vô cảm, không ra buồn, cũng chẳng ra nhàn hạ. Dáng bà thanh mảnh, nhưng không phải cái thanh mảnh của người thành phố. Nghĩa là hơi thô và cứng. Cái cách bà ngồi đó, không ra người giàu, cũng chẳng thể nói bà nghèo. Đôi lúc bà cũng đi dạo, nhưng những bước chân tự chúng

đưa bà đi đâu đó chứ quyết không phải bà chủ định tới cái đích nào. Rồi bà ngồi thẫn nhìn vào khoảng không. Tôi đã từng mon men tới gần quét dọn, hy vọng được bà bắt chuyện. Nhưng bà lảng sang chỗ khác ngay.

Cái ghế đá ấy, cả năm nay, dường như chỉ dành riêng cho bà. Khi bà về, không còn dấu vết gì, kể cả bã trầu.

Băng đi hàng tháng không thấy bà tới, lòng tôi bồn chồn lo ngại. Chỉ sợ bà đau ốm thì khổ lắm.

Nhưng bà lại xuất hiện. Sự xuất hiện của bà làm tôi mừng rỡ. Mặc dù nom bà có vẻ gầy hơn, xa vắng hơn. Bà vẫn mặc bộ đồ lụa thâm giản dị với búi tóc bạc, khoác hồ chiếc khăn nhung mỏng màu đen và vẫn xách giỏ nhựa, âm thầm như cái bóng.

Một lần. Hai lần... Bà đến rồi đi, tựa hồ có sự phân định nhịp nhàng giống như công việc đơn điệu của tôi, tháng tháng lãnh lương, ngày ngày cặm cụi, riết rồi thành quen, thành ra yên phận. Nói là nói thế, những lúc đầy cái máy xén cỏ rù rì, tôi cũng hay rù rì nghĩ ngợi, rằng chẳng biết thế nào nhỉ? Con người ta có số phận thật. Bà lão ấy ngày ngày ra công viên, chơi một mình, về một mình, chắc hẳn đời sống thanh nhàn lắm? Mà biết đâu chẳng phải thanh nhàn!? Tôi từ tấm bé lặn lội, ba má mất sớm, học hành bỏ dở, chỉ biết lo kiếm sống, xin được việc làm ở đây, rồi lấy chồng, sanh con, được cái chồng hiền, con ngoan, thế là mãn nguyện lắm. Có lẽ vì thế tôi ít ước mơ, ít nghĩ ngợi. Hễ thấy ai nghĩ ngợi là tôi lo, tôi sợ, mặc dù chẳng biết lo cái gì và sợ cái gì. Sự hiện diện của bà lão khiến tôi bồi rối. Thương chẳng phải thương. Hình như tôi bị ám ảnh. Sáng ra làm việc, đã thấy bà lão ngồi đó nhai trầu. Tôi thầm theo dõi bà. Bà nhai trầu cho có cái để nhai, rồi lẫn thẩn lục lợi trong giỏ, sau đó ngồi im phắc. Trưa, bà lúi thủi xách giỏ về. Chiều bà lại tới. Sự lặp đi lặp lại ấy dai dẳng đến nỗi, tôi không chịu nổi. Một hôm tôi quyết định theo bà, khi cơn đông chiều ập xuống. Bà lập cập xách giỏ, lập cập bước, lập cập cúi chào ông gác

cổng rồi men theo lối đường, tới góc phố có ngôi biệt thự, bà dừng bước, mở khóa, lách vô. Tôi chùng hững quay lại, chợt thấy có tiếng ô tô con, kiếng màu, cũng rẽ vào ngôi biệt thự. Tôi cảm thấy vô duyên cho nỗi day dứt bấy nay của mình. Ngôi biệt thự ấy ngày nào tôi chả đi qua, bốn bề kín cổng cao tường, hoa ti gôn nở rộ, um tùm. Các cửa sổ trên tầng lầu đóng im ỉm, như thể nó đã đóng từ thời xa lắm rồi. Rõ ràng đây không phải là nhà của dân thường. Bà lão cũng không phải là dân thường! Nhà dân thường chẳng ai chịu đóng kín thời kinh tế mặt tiền.

Thế nhưng, từ hôm phát hiện ra bí mật ấy, không hiểu vì sao chẳng thấy bà lão ra công viên nữa. Ngôi biệt thự vẫn đóng kín, chiều chiều chiếc xe con vẫn lọt vô. Có tới hai tháng vẫn vắng bóng bà. Lòng tôi se buồn. Bỗng một buổi sáng, hai ngã đường giáp ngôi biệt thự xe con đậu kín, có cả xe ca và xe tải, chiếc nào cũng ngòm ngợp vòng hoa. Từng đoàn người trang trọng nối đuôi vào viếng. Tấm hình bà lão dán trên góc bảng cáo phó, trước cổng ngôi biệt thự, báo tôi biết bà không còn nữa. Tự dưng tôi cảm thấy bơ vơ. Ông già gác cổng đứng nhìn sang đám tang, chép miệng:

- Tôi nghiệp bà lão, chết không được một tiếng khóc.

- Hoa nhiều quá, chắc bà làm gì to lắm? - Tôi nói.

Ông già nhìn tôi vẻ thương hại:

- Con bà làm to. Hoa cho người sống đấy, cháu ạ.

Tôi quay người, lau nước mắt.

Hoa đại trắng

Giải khuyến khích

Trong số lịch tôi treo trên tường, có một tờ in ảnh một bông hoa đại, ai đó tặng tôi bằng cách bỏ qua cửa sổ vào chiếu tất niên. Bông đại trắng lạnh giữa nền xanh mỏng như sương khói, dính vào cảnh gây tựa nét bút lông của một nhà nho già yếu.

Suốt mấy ngày Tết, tôi ngắm bông đại trắng dường như có một thôi thúc nào đấy trong cõi tâm linh.

Vợ tôi thì không riêng gì hoa đại, các tờ lịch khác trên tường đều nằm ngoài mắt nàng; như trong cuộc đời này, chỉ có tôi nằm trong mắt nàng vậy.

Một hôm, vào lúc nửa đêm về sáng, bỗng nhiên tôi choàng tỉnh, tâm thần hoảng loạn. Tôi bật công tắc điện. Căn phòng trong bóng đêm trở nên lạnh lẽo, chập chờn thứ ánh sáng vàng có cái gì đó u uẩn, kỳ bí.

Tôi nhìn tờ lịch trên tường và giật mình: bông đại trắng đã biến đâu mất; giữa mảng màu xanh lam chỉ còn hình hài của nó đen mờ, hư ảo.

- Lạ lùng! - Tôi kêu lên và lay vai vợ.

Nàng cuộn tròn trong chăn như một con mèo lười.

- Đời này chuyện gì chẳng là chuyện lạ - Nàng nói, giọng

tình khô như từ thuở lọt lòng đến giờ nàng chưa hề ngủ.

Tôi nhìn đôi mắt không mở của nàng, nói:

- Mắt bông hoa đại trên tờ lịch rồi!

Vợ tôi dừng dung:

- Một bông hoa thì có sao! Ngủ đi, anh!

Nói xong, vợ tôi xoay lưng về phía tôi, kéo chăn trùm kín đầu.

Tôi đứng giữa phòng. Và bỗng có những làn gió nóng như lửa quét qua đầu tôi.

Mắt hoa lên, tôi khụy xuống nền nhà ướt lạnh.

*

- Chuyện thế, thưa bác sĩ.

Ông bác sĩ có khuôn mặt hồng hậu nhìn xoáy vào tôi, hỏi:

- Anh cưới vợ từ bao giờ?

- Tôi sang nhờ ông khám bệnh, ông lại đi hỏi chuyện riêng tư.

- Mọi thứ trên cõi đời này đều dính vào nhau, mắc vào nhau như cái mạng nhện. Không có chuyện gì là chuyện riêng của ai đâu.

Tôi bất giác rùng mình. Và tôi kể:

- Tôi gặp nàng vào đêm rét se sắt trong cuộc thi người đẹp thị xã. Tôi là phóng viên tờ báo tỉnh, đến đó để chụp hình. Nàng có một cơ thể đẹp tuyệt trần. Ba số đo lý tưởng, ngực, eo và hông 85-60-88 trong chiều cao một mét bảy. Mọi cái trên con người nàng đều quyến rũ ghê gớm, kể từ sợi lông măng. Vậy rồi tôi bỏ vợ tôi - một cô giáo dạy trẻ con ở quê - đi theo nàng...

- Anh đem đặt vợ ngoại tình làm cố lý dị phải không? -
Bác sĩ ngắt lời tôi.

Tôi ấp úng. Rồi nói tiếp:

- Bữa tôi cưới nàng, vợ tôi đến, dù là tôi không mời. Cô mặc một bộ áo quần trắng, đội mũ trắng, đi giày trắng. Cô

tựa một khối tuyết trắng lạnh và buồn. Cái hộp cô tặng tôi cũng trắng nốt.

- Có cái gì trong hộp? - Bác sĩ hỏi, đẩy về nôn nóng.

- Tôi chưa mở.

Bác sĩ lắc đầu, nói:

- Thôi, anh về uống bốn liều thuốc an thần rồi xem trong hộp có ấy có gì.

*

Vợ tôi ngủ, thỉnh thoảng lại rùng mình; chắc nàng đang mộng mị.

Tôi lỏng ngóng mở cái hộp làm bằng bìa cứng.

Trước mắt tôi là một bông hoa đại bằng vải giống y như thật bởi lớp da trắng, mịn màng và đường răng cưa viền nơi đài hoa. Như một cái máy, tôi bỏ cái hộp vào túi áo ngực, dắt xe đạp ra khỏi nhà. Tôi đi như một kẻ mộng du trong đêm sương mù ùng đục.

Tôi đến nhà người vợ cũ lúc tung bừng sáng. Một ngôi nhà nhỏ nhắn nằm ngoài rìa thị xã. Mẹ cô móm mém cho tôi biết sau khi tôi cưới vợ mới, cô bỏ bà, bỏ lũ trẻ con, đến nương nhờ cửa Phật. Hiện cô ở chùa Tích Phương.

Mặt trời mọc, tôi lần đến được chùa.

Hoa đại trắng trời, trắng đất chùa.

Một nhà sư gom hoa đại rung giữa mảnh sân thanh tịnh cho tôi hay rằng cô vừa lên Niết Bàn lúc nửa đêm về sáng.

Tôi run rẩy đặt cái hộp đựng bông đại trắng lên bàn thờ. Quay ra, tôi ngửa mặt nhìn lên chín tầng mây cao mịt mờ.

Chính ngộ, tôi về đến nhà.

Tờ lịch in ảnh bông đại trắng vẫn vẹn nguyên trên tường.

Hoa muôn

Giải nhất

1. Những vườn xung quanh, mai đã bắt đầu trụi lá. Ngày nào, chú Tảo cũng cái quần soọc đen lưng lưng, áo may-ô thùng lỗ chỗ, đầu đội cái nón kết đỏ, len lỏi giữa những hàng cây, hỏi sang: "Bên ấy chưa nhật lá (*) à?". Chưa ai nhật lá mai cả. Trong vườn, mai vẫn rậm rịt, không ai rảnh mà làm việc ấy, gần cuối năm, bà cụ lại được mời đi tỉnh chơi, những người trẻ còn lại trong nhà đùn đẩy nhau, ai cũng ngại, ai cũng cố cho rằng người ta chỉ bày vẽ, chứ cứ thử không nhật xem, nó có nở không? Nỡ quá đi chứ!

Rồi một người nhớ ra, bác "Ờ năm nay không có chú nhỏ nào đến nhật lá giùm nhì?". Ở nhà, không cần quy ước, cứ ai lân la tán tỉnh Hạc đều được gọi "chú nhỏ", có chú đến rồi đi luôn, có chú lai rai lâu lâu đảo qua một lần rồi biến mất, mỗi chú để lại một vài kỷ niệm trong nhà, trong vườn, trong cái trại gà lộp lá dừa mục nát. Đó là những cái ghế con đóng vuông vức đầy đinh; những cây cảnh bị bẻ quặt, uốn cong, cố vắn theo hình con lân, con phụng; là hệ thống máng ăn cho gà, dùng không biết đến khi nào mới hỏng... Mọi người vẫn đùa, hỏi: "Hạc! May có nhớ thằng nào làm việc nào không?". Hạc vêu mặt cười: "Nhớ chứ, tôi có ghi sổ hết mà!". Mọi người cười đe: "Cẩn thận! Một trong những thằng ấy mà

vớ được cuốn sổ thì mày khôn!".

...Ở đúng rồi, mấy năm nay đã chẳng có ai đến nhặt lá mai cho Hạc. Tuyền lấy vợ, Nhật xuất cảnh, Chúc cách đây mấy hôm thấy chạy xe vèo vèo ngoài ngã ba, chở một đứa con gái bé như cái kẹo, không ôm iếc gì cả nhưng nhìn thì biết ngay là bố bịch. Đó là những "chú nhỏ" năm xưa, tay lăm lăm kéo, đứng chông chênh trên cái ghế gỗ, hay khom lưng giữa những tán mai già, nhặt lá. Lá mai xạm màu rơi đầy gốc, họ lại nghĩ ra việc quét vườn. Hạc lúc tựa gốc mít, lúc đi quanh "chú nhỏ", nói chuyện "ngụ ngôn", đôi khi buồn cười, thấy hình như đã nói những câu như thế này, cũng trong tiếng chổi lạt xạt quét vườn, vào năm ngoài, với người năm ngoài. Rồi về, nấn ná ở cổng, hẹn Tết nhớ đến coi mai nở, à trước Tết chứ, đến để còn chờ đi chợ. Năm nào Hạc cũng phải giáng giá việc đi chợ Tết cho một người nào đấy, anh chị trong nhà lại cười: "Người vô duyên, không giữ được ai quá một năm!".

2. Rốt cuộc, cả đám người trẻ tuổi trong nhà vừa quyết định vừa cười láu cá: "Khỏi, thử một năm không nhặt lá, biết đầu hoa ra lác đặc lại chẳng đẹp hơn?". Họ vui đầu vào mua sắm, may cho nhanh mấy bộ quần áo Tết. Hai mươi tám Tết bà cụ mới về, đứng lọt thòm giữa những bị cối, giỏ cước, trẻ con trong nhà ùa ra, miệng hét, tay xách, người lớn cũng ùa ra, cười: "Tết về rồi!". Bà cụ nhìn khoảng vườn còn rậm rịt lá mai, lắc đầu: "Chúng mày đáng sợ thật!". Cả lũ lại cười.

Mùng một, mùng hai Tết, không có mai, Hạc thấy Tết chỉ giống như một ngày chủ nhật, như nhà ai giàu có làm đám cưới đốt pháo thật nhiều. Một người nói: "Mày đừng có đổ thừa! Cái hoa mai quê mùa ấy việc gì làm mày mất Tết", rồi ngậm miệng ngay, nhìn Hạc như muốn nói: "Chẳng qua năm nay không thẳng nào đến nửa mà thôi!". Hạc cũng chỉ cười, vào nhà trong năm, lôi mấy tờ báo Xuân ra xem mà thấy buồn rủ rượi. "Năm nay mình đã bao nhiêu tuổi? Vì sao những ngày lễ Tết mình luôn phải nằm nhà?"

Một đũa châu treo lên giường, moi móc từ trong túi được một đồng hạt dưa và một nắm phong bao ra đếm lại. Hạc cười: "Di thầy con đếm phải đến chục lần chứ không ít!". Cô nghĩ: "Ngày xưa mình cũng như thế này" rồi lơ mơ ngủ mất.

3. Mọi người kêu lên ngán ngẩm: "Hết Tết!". Rồi vận đồng hồ báo thức, dậy sớm đi làm trở lại. Bây giờ bà cụ mới đi nhặt lá mai được, lụi cụi từ gốc này sang gốc khác, thỉnh thoảng pháo sọt lẹt đẹt đầu đố trong xóm nhỏ. Hạc đi quanh mẹ: "Chi vậy?". Bà cụ móm mém cười: "Tội nghiệp, nhặt để nó nở!".

Mai nở. Một chiều kia, như đã hẹn, một cô bạn dẫn ông anh họ đến nhà Hạc, gửi anh ta lại bảo: "Ra chợ một chút" rồi phóng xe đi mất, lại bỏ nhỏ: "Ông đang hoảng lắm đó!". Anh ta lủ khủ, tay khư khư cái mũ vàng như củ nghệ, chậm chạp, mãi mới cời được xăng-đan để vào nhà. Hạc cau mày: "Khi mình còn trẻ, cỡ này đừng hòng bò đến gần!". Rồi đau đớn nghĩ: "Sao mình cay đắng thế này!".

...Họ ngồi một lúc lâu, có tám trang báo giờ qua giờ lại, chẳng đọc được tin gì. Cũng không biết nói chuyện gì. Hạc rú: "Ra vườn xem mai chơi!". Họ đi qua những góc vườn, nơi khoảng một chục cây mai bung ra đặc kịt những hoa vàng nở muộn. Hạc nghĩ: "Có mai rồi đấy, mà vẫn không thành Tết!". Hai người khoanh tay bước, chỉ có tiếng lá mai lạt xạt dưới chân, họ vẫn không biết nói gì, nghiêm trang như giám khảo hội hoa Xuân... Và nắng chiếu tắt dần, như một giải voan cũ vắt trên ngọn cây, nhợt nhạt...

(*) Nhặt lá: chỉ công việc ngắt bớt lá trên cành mai để hoa mai nở đúng dịp Tết.

Đọc xong "Hoa muôn", thú thật tôi đã làm một công việc lắm cảm: tỉ mỉ đếm xem truyện có quá 1.000 âm tiết, có phạm quy cuộc thi không?

Bởi vì chẳng hề có cảm giác cố gò trong khuôn khổ chặt cứng quy định. Trái lại cứ thông dong, đủng đỉnh như không. Câu văn cứ trẻ tráng, thậm chí cố tình lười biếng lê thê nữa. Bố cục cố tình luẩn quẩn, tạo cho truyện một không khí mệt mỏi, buồn chán, lờ lảng, phi ly, bết tắc... Đùng như cuộc đời cái cô Hạc nọ vậy. Và sự luẩn quẩn đó lan sang cả ta, người đọc: biết làm gì đây, có thể làm gì đây cho những số phận trở trêu như thế này?... Cái đau đớn không kêu lên được, chẳng có lý gì để mà kêu, mà kêu thì ai nghe, ai thềm nghe. Mà có nghe thì giải quyết được gì?...

Tất cả những điều "ghê gớm" như vậy, mà thông dong viết được dưới 1.000 chữ! Vì sao thế nhỉ?

Có lẽ vì người viết cực tinh. Các chi tiết cực đắt, chi tiết nào cũng là đỉnh cao của sự ngán ngấm, chán chường, vô nghĩa: kỷ niệm các "chú nhỏ để lại là những cái ghế con đóng vuông vức đây đỉnh", là "hệ thống mạng ăn cho gà, dùng không biết đến khi nào mới hỏng"; câu hỏi: "Hạc! Mày có nhớ thằng nào làm việc nào không?"; Tết thì "giống như một ngày chủ nhật, như nhà ai giàu làm đám cưới đốt pháo nổ"; "Hết Tết! Rồi vận động hô báo thức, dậy sớm, đi làm trở lại"; bà cụ thì lắc đầu: "Chúng mày đáng sợ thật!"...

Tôi có cảm giác như bỗng chợt hiểu ra được một điều: thì ra cuộc đời là vậy đó, cuộc đời là gồm những chi tiết, vô số những chi tiết đứng cạnh nhau, nối tiếp nhau. Và khi tất cả những chi tiết đó nhăm chán, vô nghĩa thì cuộc đời sẽ là nhăm chán, vô nghĩa.

Và cái kết của truyện mới ghê gớm: người ta giới thiệu cho Hạc một người đàn ông. Anh ta đen lù khù, chẳng biết nói gì, chẳng có gì để nói, cuối cùng Hạc rừ ra vườn xem mai chơi, họ đi "hai người khoanh tay bước, chỉ có tiếng lá mai lạt xạt dưới chân, họ vẫn không biết nói gì, nghiêm trang như giám khảo hội hoa Xuân..."

Trời ơi, cuộc sống đến thế này thì chết mất!

Hoa muôn, lạng lẽ, hiên lạnh thế, mà lại là một tiếng kêu thét thống thiết, càng thống thiết vì ghen tặc, chống lại sự nhăm chán, vô vị của cuộc đời.

NGUYỄN NGỌC

Hơi hương đàn ông

Chị dậy sớm. Hôm nay là một ngày đặc biệt - tròn hai năm ngày cưới của chị. Nhưng chị không biết mình nên vui hay nên buồn, bởi vì chồng chị hình như không quan tâm gì đến ngày này, anh ấy đã biến ra khỏi nhà từ lúc nào rồi.

Chị vào buồng tắm, cởi hết áo quần, mở nước thật mạnh. Ba tấm gương đứng thẳng soi cho thấy một thân hình tuyệt đẹp với những đường cong, những vun đầy, những rậm xanh trên nền da trắng hồng hồng hửng hửng... Quả thật, chị đã biết cách săn sóc và gìn giữ thân thể của một cựu hoa khôi trường nữ trung học. Chỉ đôi mắt là vượt ra ngoài tầm kiểm soát của chị; nó càng ngày càng buồn, không còn biết ngước lên và lúng la lúng liếng.

Chị vào bếp, bật cả ba nồi bếp ga lên - một đun nước, một chiên trứng và một để hâm lại thức ăn thừa. Tiếng ga kêu buồn buồn. Bếp lạnh. Gần đây anh ăn uống thất thường. Chai tương, lọ tiêu, lọ ớt sim - những thứ gia vị mạnh ưa thích của anh - còn đầy, nằm bên nhau ngay ngắn.

Chị đập hai trứng gà - suất ăn sáng của chị. Lường lự một lúc, chị đập thêm hai trứng nữa - cho anh.

Không có anh, mình cũng phải cố ăn. Chị nhủ vậy rồi bẻ

manh khúc bánh mì. Vừa ăn chị vừa xem video với cái remote control trong tay. Màn hình hiện ra siêu người mẫu Cindy Crawford trong cuốn băng "Shape your body" với những động tác lật ngựa người uốn éo.

Bỗng dưng chị ứa nước mắt. Trong thành phố này dễ có mấy người có được bộ sưu tập những cuốn băng video tập thể dục thẩm mỹ như chị?

Anh đã cho chị tất cả những gì mà một người phụ nữ có thể ao ước để thể hiện tự do đến cùng giới tính của mình. Anh đã dành hẳn cho chị một phòng sơn là phòng ngủ riêng với nước hoa và âm nhạc, tơ lụa và tranh ảnh, đèn mờ và những cuốn sách... "Để anh có thể đến với em mới lạ và háo hức như chưa từng có" - Anh nói khi trao cho chị chìa khóa. Và anh đã giữ lời hứa. Nhưng chỉ thỉnh thoảng, là vào những đêm anh say khướt và rõ ràng là do chưa được thỏa mãn từ một cuộc vui nào đó ngoài kia. Lúc ấy, anh mạnh mẽ khiếp đảm như một tên trộm, không phải là sự hùng dũng ngọt ngào như những lần ái ân ngày nào. Nhưng dù sao anh cũng đưa chị lên tận đỉnh khoái cảm tới mức một vài ngày sau chị dễ dàng tìm lại những cảm giác điếng ngất đó. Đêm đêm, chị thao thức chờ "tên trộm" gõ cửa, nhưng mười đêm thì hết chín đêm chị thất vọng. Rồi một lần, không kiềm chế được nữa, chị len lén đến bên giường ngủ của anh thì bị anh đẩy ra nhẹ nhàng cùng những tiếng cần thận.

Chị mất anh rồi sao?

*

Xong bữa ăn sáng tẻ nhạt, chị đi thu nhặt những quần áo anh thay ra vất bữa bãi khắp nơi. Chị ôm thành một ôm trước ngực và như mọi lần, tâm hồn chị bỗng dịu đi cơn nồn nao buồn lo. Chị sẽ mơ màng để trôi đi hết một buổi sáng nay, như bao buổi sáng khác, trong buồng tắm, bên cạnh chậu quần áo. Chị vò đi vò lại chiếc khăn mouchoir, đôi vớ, ủ mãi đôi bàn tay hoặc úp mặt mê man vào trong những vật

áo, vạt quần của anh. Chị bỗng quên hết buồn tủi, nghi ngờ. Rồi bất chợt vui, chị đứng dậy, thoát y, soi gương, mỉm cười với tòa thiên nhiên trong gương, lầm thầm nói anh không thể nào thối yếu một người đàn bà còn tươi trẻ thế này được.

Từ quần áo anh, mùi mồ hôi, mùi da thịt và cá xác thân anh bao bọc, quần quít lấy chị không dứt. Thế giới quần áo và anh đã hòa thành một trong khao khát yêu thương, hạnh phúc của chị. Có một phút phấn tỉnh, chị buồn rầu thầm ước ao hiểu được chút gì ẩn chứa giữa hàng hàng lớp lớp những cuốn sách dày cộm trong phòng làm việc của anh.

*

Bíp! Bíp! Máy nhắn tin từ trên nhà reo lên.

Chị rời đôi tay khỏi thau quần áo, trần truồng chạy ra khỏi buồng tắm, kêu lên trong miệng: "Làm sao anh có thể quên được ngày hôm nay của chúng mình, phải không anh yêu?".

Chị cầm chiếc máy nhắn tin, dán mắt vào màn hình, nuốt từng dòng chữ: "Kỷ niệm hai năm chúng ta lấy nhau, anh có một món quà đặc biệt dành cho em. Trưa, Shop Love sẽ mang đến nhà. Anh bận công việc, tối mới về".

Chiếc máy nhắn tin thay quả bóng nhỏ nằm trong lòng hai bàn tay chị... Một Cindy Crawford không mảnh vải trên người đang nhảy chân sáo theo điệu nhạc trong "Shape your body".

*

Trưa hôm ấy, chị khuyu xuống bên món quà "đặc biệt" của anh: chiếc máy giặt hiện đại bậc nhất của Nhật.

Kẻ đạo văn

Giải khuyến khích

Tôi lại thấy mặt mình hồng lên trong gương nhỏ. Đây là lần thứ hai. Hai bài tập làm văn của một trò nhỏ lớp tôi: Hùng Vũ. Lần trước, ôi, lần trước... Đề bài là: "Hãy tả lại hình ảnh cô giáo em đến trường trong cơn mưa rào". Vũ vốn kém văn, chữ nghĩa ngô nghê, bỗng vọt lên, tôi cho điểm cao nhất, bởi vì, tôi biết rằng nếu chính tôi phải viết một bài mẫu cho các em, tả chính mình dưới mưa, thì cũng không thể hơn bài của Vũ, văn và hồn của Vũ.

... "Trời bỗng nháng lên ánh chớp và trong đầu tôi cũng thế. Tôi chợt nhớ ra chỗ vòng lên cầu thang trên chưa có lan can, lại hay đọng nước và đôi giày da màu hồng mới mua của cô gót cao lắm. "Nhờ cô giáo ngã !?". Tôi lao xuống. Kịp. Tôi sẽ buồn biết bao nhiêu nếu cô không đưa tay ra vịn lấy mấy đầu ngón tay bé nhỏ của tôi, lựa bước trên gờ tường chênh vênh. Tôi đã không phải buồn. Vào lớp rồi, về nhà rồi, tôi rồi, nằm một mình trong tấm dù hoa đắp thay màn rồi, tôi vẫn thấy mấy ngón tay mình ấm. Những ngón tay cô giáo tôi đã vịn vào yêu thương và tin cậy ..."

Tôi đưa bài của Vũ khoe chị hiệu trưởng. Chị gọi cả tổ xã hội đến đọc, ai cũng vui mừng. Chị lại gửi đăng báo. Sau một

tuần, báo đăng luôn.

Vậy mà bây giờ, lần này, đề bài "Tả một buổi mít tinh ở trường em", Vũ trở lại ngô nghê, lống chổng, rồi bời. Là một điều, có một đoạn ngắn tá tôi, cô giáo chủ nhiệm trên khán đài, thì văn chương lại đẹp. Tôi hạ điểm 2 vào bài của Vũ, rồi thay quần áo, tìm đến nhà em.

Một phản thít lợn ôi chênh ếch giữa cửa vào. Tường nhà cóc cây, sàn nhộp nháp. Góc tường trong lơ lửng mấy mặt người bị nhẩy. Và tôi, một cô giáo 23 tuổi, hoa khôi trường, tóc ngang vai bông bênh như mây, áo dài trắng, quần trắng, giày hồng, đến, lũng bưng hỏi thăm. Một ngón tay nhờn nhựa chỉ lên một cái lỗ vuông đục trên trần, mé trên cái phản thít ôi. Tôi nin thờ, khê khàng bám vào một cái thang tre, kéo kẹt leo lên. Mặt tôi vừa nhô lên thoát ngấn sàn gác, thì một mặt người quay ra trong ánh sáng như trăng suông se lạnh:

- Ai đấy? À, cô giáo Kim Cúc phải không ạ?

- Thưa bác, vâng. Nhưng sao bác...

- Thưa cô giáo, tôi là anh ruột Vũ, mới 28 tuổi. Nhờ cô lấy hộ cai ghé chỗ góc đó. Mời cô ngồi.

Tôi đã đến gần hơn để thấy khuôn mặt anh đẹp và buồn, đôi tay anh đang ngưng lại việc đục những hòn đá thành những cái đầu người. Những ngón tay anh ánh lấm tẩm bụi sa thạch đỏ. Và đôi chân anh không có. Khoảng không gian lờ ra là chân anh dầy áp những đầu người đá, mắt lim dim, nửa thức nửa ngủ. Tôi nhìn những khuôn mặt đá và nghe:

"... Tôi thấy thằng Vũ có gì khang khác từ ngày nhận cái đề văn "Cô đến trong mưa" về chuẩn bị trước một tuần đó. Ba ngày đầu, nó ngồi lụi cụi suốt chiều, suốt tối, viết lại xé, viết lại xé. Đêm ấy, nó thức tôi dậy, khóc tức tưởi một lúc mới nói được: "Em kém, em không biết làm văn, em có thể nhận điểm 1 bất kỳ bài tập làm văn nào. Nhưng, nhưng không thể là bài này. Anh ơi, em yêu cô giáo em lắm". Tôi hiểu em tôi, nó tối dạ nhưng lại có cái không tối. Tôi nhận giúp nó và dỗ nó ngủ yên. Tỉnh khôi sáng hôm sau, tôi hỏi nó từng tí

một để có thể hình dung ra cô. Và đây, cô thấy không, bức tượng đá nhỏ cả người kia là cô đấy (tôi nhìn theo tay anh, thấy mình y như lúc nãy dưới nhà, khi chưa biết anh, thoát nhỏ xiu lại và hóa đá trước những mặt người lơ lửng và một ngón tay nhón nhựa). Bài văn ấy là của tôi và thằng Vũ đã học thuộc rất nhanh, đến từng dấu phẩy (tôi bất giác nhìn xuống những ngón tay anh: "Thì ra những ngón tay nhỏ bé đã để mình vịn vào trong mưa và đã ấm áp mãi đến tận tối... là những ngón tay này đây". Tôi nhìn những ngón tay tôi, thấy nó hồng lên, như đá anh ánh lấm tẩm bụi sa thạch đỏ tự lúc nào). Tôi nhận lỗi, thưa cô Cúc. Bây giờ cô về đi. Cả bức tượng cô kia cũng sẽ theo về với cô. Tôi xin một điều : cô đừng bao giờ ... đừng bao giờ... đến đây. Cô về đi, lò mổ dưới nhà sắp đến giờ nhập lợn. Nhiều lợn lắm, ném kín cửa luôn đó, cô không ra được đâu. Mà có ra được cũng bán hết quần áo. Mà quần áo cô lại trắng đến thế kia".

*

Mé ô cửa lên gác, thằng Vũ hiện ra từ những tượng đá, lạng lẽ xé nhỏ, từng tí một, bài văn mẫu của anh nó, thả như những bụi mưa xuống nhà dưới.

*

Cô giáo bước xuống thang, thấy một toàn cảnh lạ: những bụi giấy bay như sóng mây. Phấn thật hồng thơm. Tường nhà sáng bóng. Và những mặt người, những ngón tay người rõ nét, thật màu thịt da bình dị, trong có ánh máu hồng.

Khách thương hồ

Giải nhi

Chị lặng im nhìn hấn. Hấn lặng im nhìn ra trời mưa, ly rượu cầm mãi trên tay. Chị ăn khô đi, khô cá sặt đó. Đà, tôi không quen ăn khô. Chị uống nước đi, trà nóng đó. Chị cầm ly trà nhấp một ngụm nhỏ. Bên ngoài trời mưa vẫn lớn. Gió lồng như con ngựa hoang quật nghiêng ngả hàng trăm mọc theo bờ kinh. Nước đang ròng. Chiếc ghe nằm lọt sâu trong lòng kinh. Mưa siết trên vách lá che khum trên chiếc ghe. Thật hung dữ là gió Đông Tháp Mười. Nhưng trong chiếc ghe thì thật yên tĩnh, một ốc đảo yên bình. Mưa lớn quá. Chị nói. Đà, chị uống trà đi, không nguội hết ngon. Mưa lâu quá, tôi có công chuyện đang chờ dưới áp Mười. Mưa này người ta cũng phải thông cảm cho chị chứ.

Hấn là ai, từ đâu tới, chị không biết, chỉ biết hấn là chủ chiếc ghe thương hồ thường bơi dọc theo con kinh xuống áp Mười. Tiếng rao mết mỏi của hấn vọng từ dưới lòng kinh đôi khi cũng làm chị chú ý: "Ai tương chao, nước mắt, trái cây,

rau cải...σ...σ...". Hần còn bán cả tập vở học trò, có cả đôi ba tờ báo cũ nhưng không giảm giá, có lúc còn tăng giá mà vẫn có người mua để đọc. Ở đây xa xôi quá. Có thể hần cũng chú ý tới chị. Chị có một giò, đi bằng chân giả như hần. Chị bị thương hồi đánh Mỹ. Hần thì chị không biết vì sao bị cưa một giò. Bệnh tật, tai nạn giao thông, hay chiến tranh? Hần đi bằng tay nhiều hơn, hần bơi chèo. Chiếc chân giả nằm lãn lóc nơi mũi ghe khiến ai cũng phải để ý. Giống hệt chiếc chân thật mới cắt ra từ cơ thể của ai đó. Cảm giác rờn rợn.

Sao anh bị mất giò? Câu hỏi ấy mấy lần mấp máy nơi miệng chị, lại thôi. Quan tâm tới đời tư người ta làm gì. Trời vẫn mưa lớn. Không có ghe của anh thì tôi ướt hết, bệnh không chùng. Tại sao lúc mưa thấy ghe tôi chị không xuống mà lại chạy để tôi phải bơi ghe đuổi theo? Hương ấy làm gì có nhà ai để chị đụt mưa? Chị định chạy đi đâu? Tôi chạy điên đầy mà. Ôi, mưa lâu quá. Người ta đang chờ tôi. Chị thiệt là... mưa lớn người ta cũng phải thông cảm cho chị chớ. Đành vậy. Nhưng tôi vẫn áy náy. Tôi không quen tự dẽ dãi với mình. Chị định nói với hần như thế, lại thôi. Tâm sự với hần làm gì. Im lặng. Tiếng mưa siết trên vách. Cái chân giả làm chị thấy vương. Ghe chạt. Phải chị ở nhà, chị đã tháo nó ra. Ông xã chị cũng công tác như chị à? Hần lại hỏi rồi nói một mình qua miệng ly rượu. Trời mưa uống rượu sướng thiệt. Phải chỉ chị cũng biết uống rượu. Lúc nào tôi cũng thèm có bạn rượu. Hần không có ý chờ câu trả lời của chị. Nhưng chị lại muốn được trả lời. Đàn ông mấy anh có ai chịu cưới vợ què như tôi đâu. Nhưng chị kềm được. Việc gì phải tâm sự với hần. Vả chăng hơn bốn chục tuổi đầu chưa chồng có hay ho gì mà khoe. Trả lời có chồng rồi chị lại không muốn. Hần không đáng bị chị nói dối. Hần đã đối xử tốt với chị.

Hình như nước lớn. Chị vạch một khe hở nơi vách cà-rèm nhìn ra ngoài. Chiếc ghe đang nổi lên cao. Liệu mọi người có thông cảm với chị? Cuộc họp có đợi chị? Tại sao chị không đội mưa đi tới đó. Ngày xưa mưa bom bão đạn chị còn dám

đi. Không, chị phải xuống áp Mới ngay bây giờ... Nhưng mà... dù sao thì cũng trễ quá rồi.

Đột nhiên chị trở nên liêu lĩnh. Anh cho tôi miếng rượu. Mưa lâu quá, bây giờ cũng chưa chịu ngưng nữa. Chị cũng biết uống rượu à? Ăn khô à? Ban này chị giữ ý với tôi à? Ủ, mưa lâu quá, chưa khi nào lại mưa lâu và lớn như vậy. Chị uống đi, nấp đó.

Chị tháo chiếc chân giả ra. Để ngoài mũi ghe đó, chân giả sợ gì mưa ướt. Chị phì cười. Ủ, thật đơn giản, chân giả thì sợ gì khô với ướt. Chị đẩy chiếc chân giả ra ngoài mũi ghe. Chiếc chân giả của hắn cũng ở ngoài đó. Tại sao anh bị mất giò? Câu hỏi cũ lại mấp máy nơi khóe miệng nhưng sau cùng chị đã không hỏi.

Giữa trời đất mịt mù mưa, hai con người xa lạ có cùng một nỗi đau, ngẫu nhiên được gặp nhau. Cảnh họ gặp nhau cho ta quên một nỗi buồn mất mát đang đi qua.

"Đột nhiên chị trở nên liêu lĩnh. Anh cho tôi miếng rượu". Nói là liêu lĩnh nhưng chẳng liêu lĩnh chút nào. Tất yếu nó phải đến. Giỏi! Rồi hai cái chân gỗ đều nằm ngoài mũi ghe, chẳng sợ gì mưa gió. Chị tiết thật đặc sắc. Hai chiếc chân gỗ không chỉ nằm ngoài mưa mà còn nằm mãi trong trí nhớ của người đọc.

Chuyện chấm dứt nhưng không ngừng lại đó.

Người đọc còn nghĩ cái gì xa hơn, đẹp hơn cái tình của hai người.

NGUYỄN QUANG SÁNG

Lung linh ánh nến

Người tử tù ngược lên nhìn tôi:
- Bác làm ơn giúp em một lần nữa nhờ! Cho em xin một chục cây nến thôi!

Tôi dò xét nhìn anh ta. Mắt anh ta đã trong hơn, có lẽ cũng sắp khỏi rồi. Tuần trước mới vào đây, hai mí mắt anh ta còn sưng lên hùm hụp, nhoèn mắt cứ một lúc lại chảy ra trắng đục. Tôi đã mời bác sĩ tới khám và cho anh ta thuốc. Sau đó, anh ta còn nài nỉ tôi mua thêm cho mấy gói dầu cá viên. Tôi cũng đã mua cho anh ta rồi. Bây giờ anh ta lại còn nhờ tôi mua nến. Ở trong tù thì dùng nến làm gì? Nội qui nhà giam, nhất là với tử tù, nghiêm ngặt lắm. Lỡ có gì xảy ra, tất cả trách nhiệm lại đổ hết xuống đầu tôi.

- Anh cần nến làm gì?

- Dạ, để em chữa mắt cho khỏi hẳn a.

- Hừm...Thôi được! Để tôi xét xem thế nào.

Cách luyện mắt kiểu ấy thì tôi cũng chẳng lạ gì. Nhưng mà...

- Trăm sự xin bác giúp em. Em cũng chẳng được sống mấy bữa nữa...

Ngập ngừng một lát, anh ta rầu rầu:

- Chẳng biết đến lúc ra "dựa cọc" thì em có khỏi được không?

Đắn đo mãi tôi cũng quyết định mua cho người tử tù một chục cây nến. Song lúc đưa cho anh ta xong, tôi bỗng chợt

dạ. Nhờ mà... Tôi bèn kin đáo nhắc với mấy người lính gác, yêu cầu họ phải canh chừng anh ta thật sát sao. Một lúc sau tat qua, thấy anh ta đang ngồi xếp bằng, mắt nhìn chăm chăm vào ngọn lửa nén trước mặt, tôi mới thấy hơi yên tâm. La thực, tên tử tù này! Người ta đưa anh ta về đây để được hưởng mười lăm ngày, có thể sẽ là mười lăm ngày cuối cùng của cuộc đời anh ta, mười lăm ngày cho anh ta kháng án. Song có vẻ như anh ta đã tuyệt vọng lắm rồi. Tôi có nhắc anh ta sao không làm đơn kháng án đi thì anh ta trả lời: "Kháng làm sao được hở bác? Tôi em nạng lắm, có chết trăm lần cũng đáng". Vậy mà anh ta còn chăm lo cho đôi mắt mình đến vậy để làm gì không biết? Để anh ta tưởng rằng sang thế giới bên kia với một đôi mắt đẹp thì sẽ thoát khỏi vạc dầu sôi hay sao?

Mười lăm ngày trôi nhanh như gió thoảng. Hôm đội thi banh án đến đón anh ta đi xử quyết, trước lúc bước lên xe, người tử tù bỗng nghẹn ngào nắm chặt lấy hai tay tôi:

- Em đội ơn bác nhiều... Mọi người ở lại, em đi!

Nhìn đôi mắt trong sáng đậm lệ, tôi bàng hoàng. Đôi mắt ấy là của một kẻ bị án tử hình ư?

*

Một tuần sau, phòng tôi bỗng có tiếng gõ cửa. Khách là ông bác sĩ đã đến khám mắt cho người tử tù dạo nọ. Ông đến để rủ tôi cùng đi trao một món tiền cho bà mẹ của người tử tù ấy. Thấy vẻ ngạc nhiên của tôi, ông cũng lộ vẻ ngạc nhiên không kém.

- Ra anh không biết gì ư? Tên tử tù ấy còn có một bà mẹ già yếu. Hôm nọ, khi tôi đến khám mắt cho hắn, biết bệnh viện chúng tôi cần một đôi mắt, hắn xin được hiến đôi mắt của mình để lấy một khoản tiền...

Tôi lặng người. Bất giác, tôi nhìn vào tấm gương con treo trước mặt, đôi mắt tôi đang nhìn thẳng vào tôi.

Người đàn bà khoanh tay mím cười

Giải ba

Một buổi chiều, họa sĩ Khang đứng chân bên dây dỗi thông non có ngôi nhà chơ vơ nhỏ xíu nơi đầu suối giữa trời đất mênh mang.

Khang đẩy cánh cổng tre nhìn mảnh sân đơn côi ngẫm ngấp nắng vàng, đàn gà đang lách chích mổ tằm.

Khang quyết định sẽ trọ lại đây, sau nửa tháng lang thang các triển dỗi trung du. Anh vừa bắt gặp cảm hứng.

Người đàn bà tư trong khuôn cửa trúc óng vàng bước ra ngõ ngang. Chị là chủ nhà, ở đây một mình và dây dỗi thông non bắt ngát kia là của chị. Chị đã trồng nó ròng rã mỗi ngày một ít từ 20 năm nay, để thành rừng cây bây giờ. Rừng là vườn nhà của chị. Hàng ngày chị chăm sóc cho rừng khép tán và trồng thêm nữa, thêm mãi cho kín tất cả dây dỗi trọc mênh mang này. Chị trồng cho đến hết đời chị và rồi năm mô chị sẽ đặt giữa đình dỗi thông kia.

Họa sĩ Khang vẽ chân dung chị. Anh đã phải dùng màu sương mai để tô mái tóc. Dùng màu thời gian, màu cô đơn, màu nỗi buồn, màu tuyết trinh vĩnh cửu để thể hiện gương mặt chị.

Chị ngồi đó trắng trong như ngọn suối cửa nhà, bông hoa hồng bạch đắm sương cầm tay, ánh mắt thăm thẳm trập trùng như rừng thông biếc.

- Anh cứ ở lại đây, về xong tranh hãy về. Tôi sẽ bắt cá suối nấu canh rau sắng anh ăn.

- Cá suối nấu với mướp hương ngon hơn chị ạ - Khang chỉ những giàn mướp um tùm bờ dậu.

Anh bông giắt mình. Sao mướp xanh tốt thế mà chỉ toàn lá là lá? Cấm có một quả nào!

- Nhà không có đàn ông đến cây cũng không ra quả - Chị mỉm cười, đùa vui.

Những người đàn ông, nhiều đàn ông lắm, thuở xưa họ đến vùng đồi này tập trận. Ngày ấy chị là cô gái 18 tuổi mới đến đây và trồng những cây thông non bé như ngón tay dưới trời nắng chang chang. Mỗi cây trồng xuống, chị cứ mỉm cười một mình, tự đếm ứng với một người lính. Và khi cả rừng thông cao vượt đầu người, mọc tua tua dây đôi, chị giắt mình trông thấy giống y như cá sư đoàn khoác lá ngụy trang triển khai tập trận. Ngày ấy chị 18 tuổi, giữa một rừng đàn ông.

Cuộc chiến tranh giữ nước kết thúc lâu rồi. Rừng thông đã khép tán trập trùng, nhưng không có người lính nào về đây với chị. Họ trở lại các làng quê của họ, hay ở lại các thành phố nơi họ giải phóng. Và một số đã ngã xuống. Phái. Đã ngã xuống. Vì thế nên chị ở lại đây mãi. Một mình.

Họa sĩ Khang nhặt các mảnh sành cắm vào các gốc mướp xanh mập. Anh nhớ lại hồi bé ở quê, bà nội vẫn làm như thế. Những mảnh vỡ sắc nhọn, cứa, chích thế nào đó, đàn mướp lớn thì bông dựng kết quả.

Ít ngày sau khi Khang đi, ngôi nhà của người đàn bà phủ rợp hoa vàng tối mắt, ong đen đập diu bay lượn. Rồi những trái mướp treo trĩu trĩu. Đứng trước hiên, chị khoanh tay, mỉm cười.

15.8.1993

Thoạt đầu, vẫn hơi sáo, câu vẫn quá nồn nà. Rất may truyện không tiếp tục trượt theo đà ấy. Và chợt hiện lên một ý, khiến ta giật mình, nghe như ớn lạnh đầu đờ dọc xương sống (cảm giác khó tránh khi gặp một truyện thật hay): cô gái trông cây, "mỗi cây trông xuống, chị cứ mỉm cười một mình, tự đem ứng với một người linh..." và khi cây thành rừng thì bỗng "y như cả một sư đoàn khoác lá ngụy trang triển khai tập trận. Ngày ấy chị 18 tuổi giữa một rừng đàn ông"!

Thôi thế là rõ rồi: người đàn bà và chiến tranh. Chuyện nhỏ thành chuyện to rồi. Chuyện lãng lè một người thành chuyện dữ dội một thời rồi...

Thù thật đến đây tôi rất sợ tác giả sẽ nói rằng cả cái rừng đàn ông ấy sẽ không ai trở về vì tất cả họ đều đã ngã xuống trên chiến trường. Sẽ bi lụy, cường điệu và "cải lương" ngay.

Không, người viết này bản lĩnh lắm. Anh nói: không ai trở về với chị, vì hết chiến tranh, họ trở lại các làng quê của họ, có người ở lại thành phố, cũng có người đã ngã xuống, tất nhiên. Mỗi người có việc của mình. Và người con gái 18 nay đã thành người đàn bà tóc muối tiêu bị bỏ quên, một mình, giữa rừng cây của chính mình, mãi mãi, chẳng có ai để mà trách, chẳng thể trách ai cả.

Không có hơi hương đàn ông, cho đến giàn mướp cũng không ra nổi hoa.

Chi tiết cuối cùng mới thật là: anh họa sĩ cầm cái mảnh sành vỡ vào gốc cây, các mảnh vỡ sắc nhọn cửa, chích thế nào đó mà cả giàn mướp bỗng bùng hoa vàng rực.

Và người đàn bà đứng đó, khoanh tay, mỉm cười.

Chắc là hơi suy diễn, cường điệu một chút, tôi muốn thử nói: có thể hình dung như thế chăng, cái tư thế của nhân dân đau đớn chúng ta sau cuộc chiến tranh ghê gớm vừa qua: một người đàn bà khoanh tay mỉm cười.

Và phải cửa, chích như thế nào đó lẫn nữa vào nỗi đau đã lì để cho cây cối bùng hoa...

NGUYỄN NGỌC

Những mảnh vỡ

Giải khuyến khích

Tôi tìm đến nhà ông Hai ở gần hồ tắm Chi Lăng hỏi mua một cái đĩa mai hạc Nguyễn Du để xin được xem cái bát Trịnh Sâm. Ông Hai ngồi trên một bộ ván đã lên nước đen bóng tiếp tôi. Cảnh ông là những đĩa cổ quý. Đĩa Khánh Xuân, đĩa vùng Tarantô của Ý, đĩa Hônuzulu Nam Phi, đĩa Nhật Bản, đĩa mai hạc Nguyễn Du, mà ngày trước, khi sản xuất, người Tàu đã viết nhầm câu thơ lục bát của cụ thành hai câu bảy chữ. Ông Hai đang giới thiệu giá trị nghệ thuật và lai lịch của những đĩa cổ, thì một em bé gái bung khay trà đi vào. Em đặt khay trà xuống bộ ván, mời:

- Con mời cha và chú xơi trà. Trà con mới châm.

Em bé đưa mắt nhìn tôi rồi dáy qua phía ông Hai như muốn nói điều gì đấy. Ông Hai kéo em bé về phía mình, hỏi:

- Có chuyện gì thế, Bảy? Đây là chú nhà thơ ngoài Huế vô thăm cha.

Em bé ngập ngừng:

- Thừa cha, hồi nấy nhà mình lại đón thêm hai em bé sinh đôi, ai bỏ bên gốc đào. Dạ, có thêm một bức thư và gói tiền gửi cho cha.

- Con gái hay con trai hở Bảy?

- Dạ, thừa cha, cả hai đều gái, đẹp dễ sợ. Dì Muội đang cho ăn bột.

Nhìn ánh mắt của tôi, ông Hai phân trần:

- Ông bà già của tôi ngày trước hay nhận trẻ mồ côi về nuôi. Tôi lớn lên chẳng lấy vợ, tuy cũng đòi lần... Máy chục năm nay tôi nuôi riết sắp trẻ nhà khó. Tôi buồn đồ cổ để lấy tiền nuôi chúng. Tôi không bày bán, ai biết thì tìm đến.

Tôi trả tiền cái đĩa mai hạc, gửi ông Hai thêm một ít cho các cháu rồi ngò ý xin xem cái bát Trịnh Sâm. Ông Hai với tay lên bàn thờ lấy xuống một cái gói bọc vải điều. Ông mở từ từ ra. Trên nền vải điều hiện ra bảy tám mảnh bát men lam móng dính. Ông Hai đẩy chén trà mời tôi, rồi nói, tiếng nói rất nhỏ:

- Tôi quý cái bát này lắm, nhiều người hỏi mua nhưng tôi không bán. Về sau nể đoàn làm phim, tôi để họ mượn quay cảnh phủ chúa Trịnh Sâm. Chẳng dè, cô diễn viên chính vương tay áo, làm rơi vỡ cái bát. Cô ăn hận lắm và xin đền tiền. Nhưng, tôi chẳng lấy. Bởi vì cô này cũng đẹp như bà chúa Chè. Thôi, của Trịnh Sâm còn chút này thì người chúa yêu dấu làm vỡ nốt. Cũng đáng!

Ông đại tá

Trước quán giải khát của tôi, bên kia đường, có một ông già bơm xe đạp, ngồi bên gốc một cây sấu. Không biết ông ta đến từ đâu và từ bao giờ.

Thời buổi này, vô vàn người bơm xe. Nên chẳng ai để ý đến ông.

Có khách hàng của tôi xi xào:

- Ông ấy là đại tá đấy.

Nhưng cũng chẳng ai ngạc nhiên vì đã có câu ca dao:

Đầu làng đại tá bơm xe

Cuối làng thiếu tướng bán chè đậu đen.

Một buổi tối, đang xem tivi, các con tôi reo lên:

- Ô, ông đại tá bơm xe!

Đúng ông ta đã xuất hiện trên màn ảnh. Đó là lễ kỷ niệm một chiến thắng lịch sử. Ông ta đeo quân hàm đại tá ba sao và rất nhiều huân chương.

Tại sao ông phải đi bơm xe? Chắc có gì uẩn khúc nhưng thời bây giờ (và cũng như ngày xưa) anh hùng thất thế là thường tình. Do đó, tôi cũng như mọi người, chẳng ai thắc mắc.

Một hôm có mấy ông bà khách Tây tìm đường, loay hoay giờ bản đồ ra, lúng túng, ngỡ ngác. Ông đại tá nói tiếng Tây lâu lâu, chỉ đường cho khách. Họ mừng rỡ bắt tay ông, líu riu như chim, tôi không hiểu nhưng tôi có thể dễ dàng đoán được là họ đang cảm ơn ông rồi rit.

Chính vì sự kiện đó mà tôi có duyên may được mời ông vào nhà. Tôi nhờ ông dịch giúp tôi lá thư của các em tôi gửi từ Thụy Sĩ viết bằng tiếng Pháp. Số là năm đói, mẹ con tôi tha phương cầu thực. Sau khi bán con (như chị Dậu trong truyện "Tắt đèn"), mẹ tôi đi biệt tích. Một hôm chi hội Chữ thập đỏ của phường chuyển đến cho tôi một bức thư từ Thụy Sĩ. Mẹ tôi đã được một người lính lê dương Tây Ban Nha cứu mang đưa về Thụy Sĩ rồi cả hai ông bà cùng nhập quốc tịch nước này. Sau khi bố dưỡng tôi và mẹ tôi qua đời, các em tôi, nhờ Hội chữ thập đỏ quốc tế giúp đỡ, đã tìm thấy địa chỉ của người anh cùng mẹ khác cha. Từ đó tôi thường xuyên nhận được thư và đòla. Chỉ có điều phiền toái là các em tôi chẳng ai biết tiếng Việt, thư đều viết bằng tiếng Pháp, tôi phải đi thuê dịch, ba chục nghìn mỗi trang. Tiền không tiếc nhưng đi lại mất thì giờ. May quá nhờ có ông đại tá, tôi đỡ vất vả. Thư các em tôi hỏi thăm về quê hương, một làng thuộc tỉnh Hà Đông cũ, không rõ huyện nào, tên là Do hay Dó, Dở gì đó vì chữ Pháp không có dấu (lưu lạc từ bé, tôi làm sao biết được?). Tôi biếu ông già tiền nhuận bút dịch, ông không nhận. Tôi mời ông thuốc "ba số", ông từ chối, nói rằng ông đã bỏ hút. Tôi mời bia, cà phê, chè, ông cũng lắc đầu, viện cớ đau dạ dày phải kiêng mọi chất kích thích. Tôi dặn ông:

- Hôm nào các em cháu về chơi, thế nào chúng cháu cũng phải mời bác đến ăn mừng và đồng thời làm phiên dịch giúp cháu.

Từ đó trong tâm trí của tôi, ông trở thành người thân, thậm chí một nhân vật quan trọng trong gia đình, mặc dù ông chỉ suốt ngày bơm xe bên gốc sấu.

Bẵng đi một dạo, không thấy ông, tôi đâm lo. Hay là ông

ôm? Biết ông ở đâu mà đi thăm?

Rồi một tối, sau khi đi mừng một đám cưới trong phường, trở về nhà, tôi bàng hoàng nghe các con tôi báo tin: "Ông đại tá chết rồi". Chúng đã thấy cáo phó trên tivi. Tôi hỏi:

- An táng ở đâu?

- Chúng con không để ý.

Tôi trách chúng vô tình. Nhưng tuổi trẻ bây giờ phần đông vô tình như thế.

Sau đó tôi không nhớ là bao nhiêu ngày, tôi nhận được thư ông, chẳng biết do ai chuyển tới. Lời lẽ hết sức vắn tắt. Chữ nguệch ngoạc, chứng tỏ người viết run tay vì bệnh nặng:

"Tôi đã tìm thấy quê ông. Đó là làng Đờ chứ không phải Do hay Dó, nay là xã... huyện... Hà Tây. Cũng là quê tôi. Chúng ta không những là đồng hương mà còn có họ nội tộc. Về vai họ, ông là anh tôi. Đáng lẽ tôi phải báo tin mừng cho ông từ lâu nhưng tôi rất e ngại. Ông có thể thông cảm nhưng tôi sợ bà, các cháu và hàng xóm lại nghi ngờ lão già bơm xe rách rưới thấy người sang bắt quàng làm họ. Vì vậy tôi dặn người nhà, sau khi tôi yên nghỉ, mới được gửi thư này cho ông. Mong ông thứ lỗi".

Rồi ông ký, chữ ký rồi, chẳng đọc ra tên.

Ông Vâm Gộc

Vâm Gộc đến với đơn vị, hoàn toàn như một chiến sĩ tình nguyện.

Cuối mùa mưa 1970, suốt tuyến Trường Sơn sôi nổi vận chuyển, chuẩn bị chiến dịch. Kho K21 hoạt động suốt ngày đêm, xếp hàng cho các đội gùi thỏ và ba thớt voi liên tục vượt đường dốc, rót hàng cho các đơn vị sát địch. Một đêm đã khuya khi các chiến sĩ coi kho xong kế hoạch ngày, sửa soạn đi nghỉ, thì bỗng nghe tiếng rừng động. Một chú lính trẻ, ngó ra ngoài cửa hang, rồi hốt hoảng lùi vào, đôi mắt khiếp hãi:
- Eo ơi! Ông Vâm, ông Vâm Gộc. Kinh quá!

Mọi người nhìn ra. Một thớt voi lớn chưa từng thấy, đen sì như quả núi đá, sừng sừng đứng đó, đôi tai rách bươm, đôi ngà trắng muốt, mắt lấp lánh tinh quái... không biết nó định gây sự gì đây.

Nhưng không, thớt voi đứng im, gật gật, rồi nằm phục,

lim dim mắt. Đơn vị đem cho lương khô, đường phèn. Nó nhận, ăn ngay, rất tin cậy. Chắc là con voi này từ buôn nào cứ về, nài bị rui ro chết giữa đường, nên một mình nó tìm tới. Thôi, việc đang gấp. Cứ dùng đại đi, có sao.

Một chiến sĩ đứng tuổi, trước từng làm quản tượng, đứng ra làm quen. Thân ngay. Thế là con voi mang cái tên Vâm Gộc sung vào đội ngũ vận tải. Nó làm việc bằng hai, ba voi khác, rất kỷ luật, rất đĩnh đạc, không vòi ăn, không nổi nóng. Chỉ có một nét lạ: rất ghét bị buộc xích vào chân.

Cứ như thế hết mùa mưa, rồi hết mùa khô. Đơn vị K21 vượt kế hoạch, được tặng danh hiệu quyết thắng. Gần nửa số chiến sĩ được danh hiệu dũng sĩ, trong đó có Vâm Gộc. Xứng đáng quá!

Khi đi điều tra lý lịch ông Vâm Gộc để làm thủ tục công nhận dũng sĩ, chiến sĩ ta được đồng bào các buôn kể rằng: nó là voi chiến của Đức vua đánh Tây ngày trước, không chịu hàng giặc, chạy vào rừng từ bảy tám chục năm...

Với lai lịch ấy, với thành tích này, cấp trên dự kiến sẽ tặng Vâm Gộc tám huân chương.

Ngày tổng kết chiến dịch là liên hoan, trao thưởng. Đơn vị K21 sửa soạn nghiêm chỉnh, tắm rửa sạch sẽ cho ông Vâm Gộc, xâu hoa phong lan vào tai và chuốt đôi ngà sáng bóng. Vâm Gộc ngoan ngoãn vâng theo. Nài đưa ông đến địa điểm tập kết, chờ ngày mai vào hội trường.

Đêm ấy xảy ra chuyện lạ:

Khu rừng quanh địa điểm tập kết, trăng đầu tuần mờ mờ. Có nhiều tiếng rậm rịch, xô núi, gậy cành, nghe như hàng trăm xe xích xục xạo. Trong doanh trại, Vâm Gộc thao thức, đứng không yên, nằm không yên. Anh nài thấy vậy, buộc lòng phải đem xích sắt cột chân Vâm Gộc lại. Nó để yên, nhưng đôi tai to như hai tấm lá gồi cứ quạt phành phạch, về

khó chịu. Độ quá nửa đêm, đàn voi ngoài rừng càng náo động. Súng đại liên nổ chi thiên, đuổi chúng lùi xa. Nhưng khi một con voi trắng nhỏ, tách đàn, đứng trên đồi rống lên thống thiết, thì Vâm Gộc cự mình, rút tung xích sắt và bươn vào đại ngàn như một cơn gió.

Hai năm sau, một thợ săn cùng một ông già Vân Kiều nhìn thấy Vâm Gộc, cùng con voi trắng nhỏ, vượt dòng lũ sông Sê Băng Hiên. Người thợ săn ham quá, giương súng ngắm. Nhưng ông già Vân Kiều rút dao rừng ngăn lại, mắng:

- Đồ chó má vô ơn! Động đến ông ấy, tao giết mày.

Ráng đỏ

Sắp đến giờ đón dâu, tôi mới nghĩ ra: còn thiếu trâu cau. Việc này tại em tôi đành đoảng. Làng tôi bây giờ chẳng mấy ai chịu trồng trâu cau vì hại đất, thu nhập kém. Duy chỉ có chị Doan - người láng giềng xung khắc với mẹ tôi vẫn cố giữ giàn trâu, cây cau vì đó là kỷ niệm của người chồng đã khuất. Trước ngày vào chiến trường, chồng chị đã hi hục trồng mười bụi trâu, mười gốc cau phòng xa cho người vợ trẻ phải vất vả nuôi con thơ, nuôi mẹ già. Những năm tháng bao lụt mất mùa, quả thật, trâu cau đã cứu sống cả gia đình chị. Nay tuy đã khá giả, con gái đã lấy chồng giàu trên thành phố, chị vẫn dùng tiền bán trâu cau để giỗ mẹ, giỗ chồng. Chị không chịu lên ở với con, cũng không nhận lời "đi bước nữa", dẫu không ít đàn ông thèm thuồng nhan sắc và thân hình nõn nà đang hồi xuân của chị. Đám đàn bà trong làng coi cái "thế độc thân" ấy như một "mối đe dọa nguy hiểm"

đối với gia đình mình. Họ đem đặt đủ chuyện, xui cả mẹ tôi gây sự với chị:

- Này, á góa hám tiên! Cau nhà á đâm rễ tua tua sang phá đất bên này, làm mấy cây đào héo rù.

- Dạ thưa bà! - Chị Doan lễ phép, nhỏ nhẹ đáp - Đào bên nhà chết vì bạn bè cậu Cả đến chơi, đêm nào cũng đái bừa vào gốc đấy ạ!

- A... Đêm đêm gái góa vẫn thèm, vẫn rình - Mẹ tôi lay lay gốc đào, rủa - Thèm thì ngâm mình xuống ao, đừng uống rễ cau non, con ạ!

Chị Doan khóc, chạy đi lấy dao. Tôi hoảng hốt nhảy sang, giữ tay chị lại. Chị khẩn khoản:

- Tôi khổ lắm rồi! Cậu giúp tôi chặt đi, chặt ngay đi!

Như bị thôi miên, tôi vung dao trước sự hể hả của mẹ tôi, còn chị ôm mặt nức nghẹn. Lần lượt chín cây cau đổ xuống, chông chơ. Chỉ còn lại một cây đang trở buồng ở đầu ngõ.

Tiếc thay, xung đột không dừng lại ở đó. Con người ta thường tham lam, cứ được đà là lấn tới, mặc cho ai đau đớn, thiệt thòi. Mới đây nhà nước cho mở con đường qua làng, nối liền hai quốc lộ. Tôi ở trong nhóm vạch tuyến đã khôn khéo lái con đường nằm hết vào phân đất nhà chị, biến vườn nhà tôi thành đất mặt đường. Chị không chịu nhận đền bù, đi kiện tận Trung ương. Mâu thuẫn hai nhà càng căng thẳng. Cả làng được mời dự đám cưới của tôi, trừ chị.

Xe ô tô đón dâu đang réo còi mà trâu cau vẫn chưa có. Tôi ngược nhìn cây cau triu quả. Thôi thì đành vác mặt mo sang cầu cứu chị.

- Cậu mời tôi đi đón dâu ư? - Từ phía bàn thờ nghi ngút khói hương, chị quay lại hỏi, mắt mở to, cặp môi dày nhếch lên - Cậu cần gì, cứ nói, đừng vì không mời tôi ăn cỗ mà ngại.

- Xin chị thông cảm - Tôi gãi đầu, dõng dài thanh minh

rồi thú nhận - Quả là chúng em còn thiếu trầu cau.

- Thế ra trầu cau vẫn còn có ích - Mặt chị rạng rỡ, giọng chị không chút đắn đo - Cậu ra hái trầu, để tôi lấy cau cho.

Tôi đã từng thấy chị dầm mưa, dãi nắng cày bừa, nung vôi, đóng gạch... nhưng chưa bao giờ chứng kiến chị trèo cau thoăn thoắt như hôm nay. Giữa ráng chiều đỏ rực, thân hình chị như được dát vàng, lấp lánh trên ngọn cau cao vút. Tôi bỗng nhớ đến cô Tấm trèo cau trong cổ tích, rùng mình về sự độc ác của những kẻ chặt cây.

Sầu riêng

Du kích Lê Đọt tử trận năm 1972. Năm 1982, Huỳnh được cử đi xác minh hồ sơ liệt sĩ, gặp má Hai, người chứng kiến cái chết của đồng chí Đọt.

Huỳnh hỏi :

- Anh Đọt đã hy sinh như thế nào vậy má ?

Má Hai ngừng nhai trầu:

- Nó chết vì trái sầu riêng!

- Sao lại vì trái sầu riêng?

- Ủ! Thì rủi cho nó. Trái sầu riêng rơi trúng hầm...

Hồ sơ được gọi lên trên. Ít lâu sau cấp trên trả hồ sơ về với lời ghi: không công nhận liệt sĩ. Má Hai tìm Huỳnh, hỏi lý do.

Huỳnh nói:

- Vì anh Đọt không hy sinh trong chiến đấu.

Má Hai nhớ miếng trầu:

- Nó không chiến đấu? Vậy ai rút chốt "tạc đạn" cửa đôi với giặc?

- Sao lẫn trước má bảo anh ta chết vì trái sầu riêng!

- Thì rủi ro mà! Trái sầu riêng rơi trúng nắp hầm bí mật,

địch phát hiện ra, nó phải xông lên "cưa" với giặc để cứu
thằng Hai bí thư...

Huỳnh gãi đầu :

- Trời ơi! Sao lúc đó má không chịu kể?

Má Hai lại ngoáy trầu:

- Mới nói tới đó mày đã đóng nắp viết, xếp tập lại rồi, tao
tưởng mày hiểu như...tụi nó hiểu ý tao hồi đó.

Huỳnh trách má:

- Trời ơi! Chuyện hy sinh của người ta mà má kể nghe
đơn giản quá.

Má bôm bém cười:

- Ủ! Thi trong chiến tranh, chuyện hy sinh đơn giản vậy
đó. Còn bây giờ tụi bây xác minh xác u, sao mà rắc rối!

Sông Lấp

Giải ba

Mão rẽ vào thăm con. Bé Lưu cũng ngã vào lòng bố. Nhưng nó vẫn gọi bằng chú, thói quen từ khi biết nói, mặc dầu tôi vẫn mắng nó, hôm nay vẫn mắng:

- Bố đẻ của con, con phải gọi bằng bố!

Con bé òa khóc, vùng chạy úp mặt vào cánh cửa. Tôi nao lòng.

Nghe anh nói, tôi càng nao lòng. Người tôi nổi gai. Tôi cũng vẫn thế, không đổi được ư? Mỗi tình đầu tôi đã liệm và mai táng nó. Tôi đã đoạn tang. Cũng đã hết cả lòng căm giận. Có thật tôi đã nguội lạnh rồi không?

- Anh dỗ nó đi, em đi giặt.

Thực ra tôi chạy trốn. Tôi chỉ tìm nổi nước mắt khi ra tới bờ sông.

Con sông trôi bao kỷ niệm êm đềm, cũng là con sông mây

lần tôi định đâm đầu xuống, sau những lần nghỉ phép, vay phép, lếch thếch bé con xuống Hải Phòng, rồi lại lếch thếch bé con về, mỗi lần một cay đắng hơn.

Tôi vẫn nghi lái xe máy ai không bỏ bịch, nhưng rồi sẽ chán, vì chẳng có ai có thể yêu Mào bằng mình. Năm năm chờ đợi, lúc Mào còn tại ngũ ở Tây Nam, đi làm, dành được đồng nào, lại vào thăm cho đỡ nhớ nhưng. Bố tôi chửi bả Mào mắt trắng, môi thắm, không tin được. Tôi lại thấy mắt đen, môi đỏ.

- Con chỉ cần sống với anh ấy một ngày, cũng sướng một đời!

Ồ hay, cầu một ngày, được những hai năm, cho tới khi bé Lưu bập bẹ, còn khóc nổi gì.

Đoan lau nước mắt cho tôi. Đoan cũng linh biên giới, nhưng phía Bắc về, thợ điện cơ quan. Được, đã thế, đây cũng bỏ bịch. Tôi nghi vậy, bất cần đời, đơn giản, vì Đoan trai tân, kém tôi hai tuổi, thiếu gì gái mười chín, đôi mươi. Trước đó, vẫn mày tao. "Đoan, chữa cho tao cái cầu dao". "Ăn kem, chị cho một cái". "Xi, chị tao á?"... và Đoan cười, hàm răng đều nhỏ, có lẽ đến già trông vẫn trẻ con. Ngờ đâu, Đoan yêu tôi thật, yêu bằng mắt và tình yêu bé Lưu. Con bé suốt ngày quần lây Đoan. Dư luận âm ỉ, trai tơ, gái nạ dòng, chồng bỏ rơi. Ông phó giám đốc, chú ruột Đoan, lộn ruột, tát vào mặt cháu ngay tại phòng tôi. Bé Lưu ôm chân Đoan nức nở.

Tôi càng rối bời, khi mẹ chồng lên khuyên tôi nghỉ không lương mấy tháng, xuống Hải Phòng dọn hàng giải khát, nhà bà mặt đường, bên sông Lấp, gần nhau, mọi chuyện sẽ êm dần.

Nhưng hai tháng, sáu mươi đêm, đêm nào cũng giống đêm nào, một hai giờ sáng, Mào mới về, hơi bia nồng nặc, dội nước ùm ùm, rồi vào nằm cạnh tôi, như con trâu mộng bên cái xác ve, quay mặt, ngáy liền một mạch tới sáng.

Ồi giá một đêm, Mào thức giấc, nắm bàn tay tôi (bàn tay tôi), tôi sẽ òa khóc:

- Tắm nữa đi, tắm bằng nước mắt của em cho tỉnh lại, cái đồ lú lẫn, cái đồ phụ bạc mắt trắng môi thâm.

Mão nói toẹt ra đã yêu người khác:

- Sự thế như thế, ở được với nhau thì ở.

- Em không thể ở như thế được.

- Vậy làm đơn đi, anh ký.

Đơn viết bằng nước mắt, nước mắt nuốt vào, quánh đen thanh mực, cần gì Mão ký.

Đoan không giận tôi:

- Thôi cứ thế cho hết nhẽ, có điều mấy tháng anh nhớ con bé quá.

Đơn mình tôi ký, trở thành bên nguyên.

Hai năm bướm hoa đã chán, Mão đến chỗ tôi nhiều lần, tha thiết chuộc lại lỗi lầm.

- Nhưng thiếu bố Đoan, con bé buồn chết mất!

- Con anh, chỉ anh mới là bố nó.

- Vậy anh thử xem, em sợ nay mới là bố thì hơi muộn.

Và chiều nay, Mão thử. Bé Lưu khóc. Mão rầu rĩ:

- Thôi cứ để nó gọi anh bằng chú, còn hơn phải gọi bằng bố mà quay mặt đi sùi sụt thế kia.

Tôi lại rơi nước mắt ở bờ sông.

Tối, nằm bên Đoan, tôi hỏi:

- Sông có linh hồn không anh?

- Có chứ.

- Khi nó bị lấp, hồn nó còn không?

Trời ơi, sao mãi tôi vẫn chưa yêu Đoan bằng trước đây yêu Mão, mặc dầu tôi đã cố rất nhiều.

- Đừng giận em, nhẽ. Có phải em không muốn yêu anh gặp mây thế đâu.

Tôi đã cùng Đoan bơi trên dòng sông khác.

Thế mà chiều nay nước mắt vẫn rơi. Có phải những giọt cuối cùng của con sông xưa đã thành sông Lấp hay không?

Hồn mày đây ư, sông Lấp ơi!

Truyện rất ngắn mà có đến mấy cuộc đời. Những cuộc đời đan lẩn vào nhau, tốt xấu, buồn vui, thực hư lẩn lộn. Cũng một người đó mà lúc thì thấy mắt đen, môi đỏ, sống với nhau một ngày coi như bằng cả trăm năm, lúc thì lại thành ra cái đồ lú lẩn, cái đồ phụ bạc mắt trắng môi thâm! Chẳng có gì thật rõ ràng, chẳng có gì diễn ra một lần rồi sẽ cứ như thế mãi mãi. Đến đứa trẻ cũng chẳng biết nên xử sự ra sao với bố nó ngày xưa nữa là người phụ nữ đã một lần đâm đuột, mấy lần qua sông!

Cuộc sống có lẽ bao giờ cũng vậy, trong đục, xô bồ, chẳng bao giờ được toại nguyện. Chỉ tội người đàn bà đã không nhớ quên tình yêu, không thể quên đi vãng. Cũng như tất cả những cuộc đời như dòng sông dẫu bị lấp đi mà vẫn vẫn sống, vẫn thao thức, vẫn còn tình yêu, còn kỷ ức...

LÊ NGỌC TRÀ

Tám căng hai căng

Giải nhì

Mẹ Tám nghiêng giỏ cua mới bắt ở đồng về. Trận mưa những con cua nâu, đen trút xuống châu nước. Chúng bò lổm ngổm, mình lấm láp bùn đất, miệng phun bọt, đục gấu cả chậu.

Lần nào cũng thế, Tám bắt một con to nhất, mai đen bóng, có nhiều vết rạn chân chim, tượng lên hình mặt ông Phật. Nó tìm một bao diêm, buộc chỉ nối vào con cua, chơi trò kéo xe.

- Cua muôn năm! Ông Cựu ba gác muôn năm!

Con cua khôe, cần mẫn như ông Cựu kéo ba gác thuê trong làng. Mỗi lần có chút tiền, ông Cựu lại mua cho Tám củ dong, hay tám bánh đa vừng thơm nức... Ông bảo: "Loài cua thiêng lắm! Con nào cũng công một ông Phật đi chơi".

Chợt tiếng mẹ như phải bóng:

- Con giờ đánh! Đồng nước toàn phân hóa học, cua hiếm như vàng. Sao mày nhón mắt của tao con cua to thế? Ra giã cua ngay!

Một cái tát trời giáng. Mặt Tám nầy đom đóm. Mỗi quầng đom đóm nở ra một con cua bò lổm ngổm. Nó len lét đến bên mẹ. Chậu cua đã bị xé tách mai ra. Những cái chân cua quều quào đau đớn. Con cua mang mặt Phật của Tám cũng giập nát, tơi tả. Tám giơ cao chày... Thân cua trong lon giấy này,

quần quai. Cua mẹ, cua con, cua anh, cua chị, cua ông Cựu ba gác... Tắm tê tái nhắm mắt. Trời sập đen. Khối đen đặc quánh bỗng rạn vỡ bởi tiếng gào khóc của loài cua. Xa xa, những hang cua trổ trọi, trống hoác.

Cái chày trong tay Tắm nặng trĩu, nhắc không nổi.

Ngày ngày, mẹ vẫn nghiêng giờ... Những trận mưa cua thưa dần. Mẹ cũng rộc đi. Có lần, Tắm ngắm mẹ ngồi xé mai cua, chọt sừng sốt. Hai đầu gỏi mẹ nhọn hoắt chia tận mang tai, dáng co quắp như một con cua lớn trong lon. Bố chết trận, mình mẹ tảo tần nuôi Tắm. Mẹ yêu Tắm khắc nghiệt như khuôn mặt nẻ chân chim của mình. Như con cua mặt Phật cần mẫn "kéo xe", đôi lúc lại cúi kính giờ càng cạp Tắm một cái đầu đinh:

- Sao cua lại "TẮM CÀNG HAI CÀNG" hở mẹ? - Có lần, nó thỏ thẻ hỏi.

- Vì nó thương con, muốn kiếm nhiều thức ăn cho con hơn.

- Thế sao "CHẰNG ĐI MÀ LẠI BÒ NGANG CÀ NGÀY" a?

Mắt mẹ sầm lại. Đờm mẹ cũng bò ngang... Tắm không biết mẹ nghĩ gì. Nó hát vóng lên: "CON CUA TẮM CÀNG HAI CÀNG, CHẰNG ĐI MÀ LẠI...". Tai mẹ ù đi. Nước mắt ứa lãng lã...

Cái Tắm thương mẹ lắm. Nó lên bắt trộm những con cua mang mặt Phật, thả khắp xô xính trong nhà. Cua trốn rất tài, ban ngày bắt tăm hơi. Thi thoảng nửa đêm dậy đi tiểu, nó rùng mình vì dẫm phải cái gì kêu "bép". Thêm một con cua qua đời trong bóng tối.

Buổi trưa nọ, nắng đỏ lửa. Ông Cựu ba gác tái nhợt gọi:

- Tắm! Mẹ bị nạn!

Tắm ngã khuyu bên gốc chuối. Nhưng cánh tay non nớt của nó đã bị bàn tay thô ráp của ông Cựu kéo xóc lên, lồi xềnh

xệch. Ra tới đồng, thấy mẹ nằm vật ngựa trên bờ ruộng, tứ chi co lên như con cua vừa bị xé mai. Cái giỏ không lăn lóc bên cạnh.

*

Mẹ đã chết vì ngã nắng.

Chiều xuống. Xóm làng xúm lại ma chay cho mẹ. Mắt cái Tấm khô róc. Những con cua lặn trốn không về. Mẹ nó không về. Người ta không tìm thấy Tấm đâu. Nó mãi bay lên trời cao, nơi có hai con mắt sao nhấp nháy ướn nhìn xuống làng. Làng lờ mờ như hang hóc của. Đám người đưa mẹ ra đồng lạng lẽ như đàn cua công kênh con cua chết. Đàn cua dài, dài mãi, con nào cũng có một cái mai đen bóng, có nhiều vết rạn chân chim, tượng lên hình mặt Phật.

Chớm thu Quý Dậu 1993

Thuở nhỏ, ở làng quê, tôi từng biết con cua, chơi với cua, từng é a hát "Con cua tám càng hai càng". Chuyện về con cua không có gì lạ, các chi tiết đời sống ở đây chỉ chấm phá, đều giản dị, gần gũi. Sự mờ mịt không nằm trong tuyến cốt truyện, nó ở trong cái nhìn và cảm nhận của cô bé Tấm. Thoạt tiên (và sau rốt) là những vết rạn mai của tượng hình mặt Phật. Rồi một ngày kia, Tấm thấy mẹ ngồi, hai đầu gối nhô lên nhọn hoắt, giống hệt con cua... Đó là cái nhìn tâm tưởng, khơi lên mạch tâm tưởng hướng về làng quê, về đời người dân quê. Tâm tưởng lắng dần, đọng lại một cảnh ngắn cuối truyện, được nhìn bằng hai con mắt Tấm hay là hai con mắt sao nhấp nháy ướn trên trời cao, không phân biệt được. Mà cũng không cần phân biệt.. Nỗi thương đau, day dứt chà xát lòng ta nếu như ta đồng cảm với cô bé hữu hình, thoát cái đã như vô hình.

NGUYỄN KIẾN

Tàu đi Hòn Gai

Tàu của những người nghèo.

Những tâm trạng và nỗi buồn không có cách gột bó nào rẻ tiến và dễ dàng hơn là rải nó dọc một tuyến đường biển dài, khi tiếng xé-díp lục đục đẩy anh xé dịch chỉ 4 hải lý một giờ đi sâu mãi vào cái hư ao của Hạ Long.

Ngồi đối diện với tôi là người đàn ông luống tuổi, tóc bạc một cách cục cằn. Những đường nhăn không quy luật, khó đoán định kẻ lên bộ mặt xám đen vì nắng gió. Ông bảo ra Trà Cổ "tìm thằng con bất hiếu". Nó về xin ông chia gia tài để cấp vốn cho con vợ đi buôn hàng Trung Quốc. Ông từ chối. Nó đào trộm nền nhà cuôm sạch của ông số vàng dương lão. "Năm cây vàng của tôi chứ có ít ỏi gì" - Ông nói.

Bên cạnh tôi là một bà mẹ, đi với đứa con út đang ngủ gà gật. Bà con trẻ, mắt mở to như mắt người sáng, nét mặt không một nếp nhăn và bình thản. Không thể tưởng tượng được đôi mắt ấy không con nhận được ánh sáng và mặt biển chiều rực rỡ trên vịnh Hạ Long đối với ba chỉ là đêm tối mênh mông. Bà chăm chú nghe chuyện của chúng tôi theo cung cách và điệu bộ của người mẹ, sự chăm chú của toàn bộ cơ thể. Bà nói: "Thưa các ông, mỗi cây một hoa mới gọi là đời. Tôi xin kể các ông nghe một chuyện mắt thấy tai nghe từ thời tôi còn nhỏ... - Bà hướng về người đàn ông - Xin ông đừng buồn, thiên hạ con có người bất hiếu hơn thằng con ông".

Câu nói như an ủi được phần nào người cha đau khổ, ông nghiêng người ra phía trước, lắng nghe. Người đàn bà mù kể:

- Hồi lên mười, mắt tôi còn sáng. Cảnh nhà tôi có một bà cụ mù. Bà góa chồng lúc còn trẻ nhưng ở vậy nuôi con. Rồi bị một cơn thiên đầu thống thế là mù hẳn. Anh con trai cưới vợ. Cả xóm nghèo ai cũng có tiền mừng, mọi người tự đặt vào bàn tay bà cụ. Ở chỗ tôi những người sáng mắt cũng còn chặt vật làm mới kiếm được miếng ăn, hưởng gì bà. Cưới được nàng dâu tốt nết, chắc đời bà đỡ khổ. Nhưng có ai ngờ anh con! Sau ngày anh có vợ, người ta đã xầm xì về anh những chuyện tày trời. Thế rồi một hôm, sang nhà con bạn chơi, tôi thấy nó đang cúi mũi vào một lỗ thủng trên vách đất, nhìn sang gian nhà của bà cụ mù. Nó vậy tôi lại. Các chú ông có biết tôi nhìn thấy chuyện gì không? Cả nhà bà cụ đang ngồi bên mâm cơm.

Trên mâm có một đĩa rau luộc, một đĩa thịt kho vàng. Bà cụ ngồi nhai cơm. Anh con trai đang bặm môi dùng hai chiếc đũa đẩy đĩa thịt về phía vợ. Còn chị con dâu, mặt đỏ bừng vì xấu hổ, chống lại chồng bằng cách lấy đũa đẩy cái đĩa sang phía mẹ chồng. Cả hai đang co nhau trên cái mâm, trong im lặng. Chỉ còn nghe thấy tiếng nhai trệu trạo của bà mẹ. Lúc đó tôi nghĩ là bà không biết gì. Trước mắt bà chỉ là đêm tối, như trước mắt tôi bây giờ cũng chỉ là đêm tối...Cầu trời cho các chú ông đừng bao giờ phải nhìn thấy cái cảnh tôi nhìn thấy đó. Hai năm sau, bà mẹ treo cổ tự vẫn ngay trong nhà, chị con dâu đẻ được một đứa con trai thì ôm con về nhà mẹ. Nhưng anh con trai lại làm ăn tấn tới, mua được nhà khác và dọn đi. Giờ đây, khi đã bị mù, tôi mới biết là mình đã nhầm. Người mù nhìn thấy mọi thứ trong bóng đêm!

Người đàn ông nức lên một tiếng. Mặt ông tái xám đi trong nắng chiều. Tôi nghĩ là câu chuyện đau buồn kia đã chạm đến vết thương lòng của ông. Tôi đưa ông lọ dầu gió: "Bác khó ở?...". Ông xoa tay rồi đứng dậy, bước tới phía mũi tàu.

Đôi vai to bè oằn xuống trên tấm lưng mềm nhũn như không còn cột sống chống đỡ. Tôi bỗng nghĩ đến cái chết của bà mẹ mù trong câu chuyện đang làm tôi run cả người lên. Đàn ông cũng chẳng cứng rắn gì hơn đàn bà. Trên đường ra vịnh đã có bao nhiêu cuộc đời tìm cách tự giải thoát vào làn nước xanh thẳm này. Tôi quả quyết đứng đây, đi theo người đàn ông. Ông đã ngồi xuống đóng dây chèo trên lỗ neo. Tôi bước lại gần, cố nghĩ cách làm ông khuấy khỏa: "Ngày mai mới có tàu ra Trà Cổ. Nhà tôi ở gần núi Bài Thơ, nếu tiện xin mời bác...".

Người bạn đường nhìn tôi với đôi mắt biết ơn. Nhưng một khoảng trống mênh mông hiện ra trong mắt ông, trong cái nhìn mà tôi không thể nào mô tả nổi, một nỗi xót xa, ân hận hay thứ tình cảm gì gần như thế đang làm đôi đồng tử mắt ông to ra như ông đang hấp hối. Linh tính mách bảo tôi một điều: người đàn ông này phải nói câu gì đó với tôi hay với bất kỳ ai khác. Nếu không ông sẽ gục xuống. Tôi đã không nhầm. Ông nói:

- Cảm ơn ông. Nhưng tôi không ra Trà Cổ làm gì nữa. Tôi thế là đáng đời. Ông biết không, tôi đã nhận ra bà mẹ ấy. Bốn mươi năm trước bà ta là cô bé hàng xóm của hai mẹ con tôi.

Thuyền lá

Giải nhì

Năm bảy, tám tuổi tôi thường theo mẹ ra sông rửa rau, kín nước... Tôi bắt chước mẹ gập những chiếc thuyền lá nhỏ xíu thả xuống dòng sông nước xanh như mắt mèo. Những chiếc thuyền lá nối đuôi nhau theo dòng nước trôi xuôi. Tôi vừa té nước theo những con thuyền vừa nghêu ngao hát và trí tượng tượng của tôi theo các con thuyền tới tận biển, nơi có nàng Tiên Cá. Tôi kể chuyện ấy với mẹ, mẹ thờ dài:

- Còn mẹ, đêm nào mẹ cũng mơ thấy cha con trở về. Vậy mà chừng ấy năm rồi...

Mẹ kể rằng: ngày xưa nơi mẹ con tôi đang ở là bãi ngô của ông bà tôi, khi ngô đông sữa mẹ vẫn thường thay ông ra ngủ ngoài đồng canh ngô. Chiều ấy có một chiếc bè dạt vào bên sông nhà tôi, trên bè là một người đàn ông đang vục xuống mặt nước, hai tay cố bám lấy những cây nứa nhưng thân hình anh thì cứ trượt xuống. Vừa lúc ấy thì mẹ tôi tới, mẹ chỉ kịp la lên: "Trời ơi!". Rồi quăng chiếc bình múc nước

xuống đất lao ra kéo thốc người đó lên. Thì ra anh ta bị sốt rét, có lẽ vì khát quá nên bò ra uống nước? Neo chiếc bè vào gốc cây, mẹ tôi diu anh ta về lều canh ngô, đốt lửa sưởi. Nửa đêm thì anh ta tỉnh lại, sau khi bón cho anh ăn hết bát cháo mẹ lại mò mẫm về làng tìm thuốc... Hai ngày sau thì anh ta dứt cơn sốt, mẹ tôi bảo: "Khi nào thật khỏe anh hãy xuôi". Anh ta ở lại ba đêm nữa, ba đêm ấy không hiểu vì sao mẹ đã ngã vào vong tay của anh. Bởi vậy mới có mặt tôi trên cõi đời này. Mẹ tiễn anh ra tận bờ sông và không nhớ hai người đã nói với nhau những gì, anh thì cứ cảm sào như mẹ như không thể dứt đi được. Lúc ấy mẹ vô cùng bối rối, chỉ biết ngắt lá mít gấp thành con thuyền nhỏ xui thả xuống dòng sông.

Chiều ấy mẹ thả xuống dòng sông không biết bao nhiêu là chiếc thuyền lá cho tới khi tối sẫm mặt người mẹ mới trở về. Rồi chiều chiều mẹ ra bên sông thả xuôi những chiếc thuyền lá.

Trước ngày sinh tôi, ông bà đuổi mẹ ra ngoài bãi sông này "cho khuất mắt dân làng". Tôi sinh ra chính nơi cha tôi được sưởi ấm. Cho tới một hôm khi tôi đã lớn và trúng tuyển nghĩa vụ quân sự, tiên tôi lên đường mẹ dặn rằng:

- Có thể ngày con về thì mẹ đã khuất, thời loạn biết đâu mà nói trước. Nếu người có đến đây tìm con, thì con nhớ đuôi mắt trái người ấy có một vết sẹo to gần bằng đồng xu và trên vai phải có một nốt ruồi son - Mẹ thử dài - Người ấy nói với mẹ nhà ở cuối con sông này...

Tôi vào quân ngũ hơn chục năm, thỉnh thoảng mới về nhà, mẹ tôi mỗi ngày một già hơn, tôi để ý chiều nào mẹ cũng ra sông, trước lúc trở về bà thả xuống dòng sông dăm ba chiếc thuyền lá rồi khóa nước đẩy chúng ra xa mong dòng nước đưa những con thuyền ấy đến thật nhanh nơi có ai đó đang mong đợi.

Trước ngày ra quân, tôi nghỉ nốt số phép còn lại, thuê một chiếc thuyền câu bơi dọc bờ sông, tìm dấu vết cha tôi. Tỉnh

cờ một hôm, tôi ghé vào một chiếc thuyền câu neo dưới gốc cây sung già, trên thuyền một ông già cỡi trần đang ngồi ngất ngư bên chai rượu:

- Cụ đem qua chắc được khá? - Tôi hỏi.

- Cũng đủ gỡ. Mùa này cá trôi đi ăn nhiều... Chú mày đi dong hả? Có sức khỏe như chú, đi dong khá hơn.

Ông mời tôi sang thuyền ông uống rượu, lúc đó tôi mới phát hiện ra dấu vết trên người ông như điều mẹ tôi đã kể. Chén rượu đắng chát, tôi không thể nói với ông rằng tôi là con trai ông. Vừa lúc đó, tôi nhìn thấy đôi ba chiếc thuyền lá trôi rập rình trước mũi thuyền. Tôi cúi xuống vớt một chiếc lên ngắm nghía. Ông bật cười:

- Ta nhìn thấy những chiếc thuyền lá này từ trên ba mươi năm nay rồi...

- Vậy ư? Người thả những chiếc thuyền lá này chắc muốn gửi tới ai đó cuối dòng sông điều gì?

Tôi gợi lại những hồi ức xa xăm của ông. Im lặng một lúc lâu, ông bật cười khanh khách:

- Thật hão! Dọc con sông này có bến bờ nào chờ đón những chiếc thuyền lá!

Rồi ông vỗ bụng ê a hát : "Bèo dạt mây trôi..."

*

Tôi trở về nhà, lấy vợ rồi sinh con nhưng vẫn giữ kín chuyện ấy trong lòng. Chiều chiều mẹ vẫn dắt những đứa cháu của bà ra sông tắm rửa và gập cho chúng những chiếc thuyền lá thả xuống sông. Những đứa con tôi chắc cũng giống tôi như thuở nào mơ được gập nàng Tiên Cá.

Sông nước, con thuyền, bến đàu... với cái lênh đênh, man mác, xa vời, thoáng hơi sương ảo, thật là đã hơn một lần đắc dụng trong vai trò phong màn và tình tiết cho những chuyện tình Trương Chi. Ôi, cái sức sống bền dai về mặt mỹ cảm của cái cổ điển! Và đó quả là một món nợ khó thanh khoản với người viết, người đọc chúng ta.

Nửa phần đầu của truyện vẫn là những mô típ đã phần nào quen mòn: những chiếc thuyền lá, nàng Tiên Cá, cái hương vị lãng mạn hơi dễ dãi cùng là nỗi hy vọng u hoài của nàng Tô Thị ở "Trương Giang đầu". Nhưng, có nên vội trách cứ vậy? Xưa nay, chẳng phải người đàn bà đã được phân vai nữ thần bảo lưu cái giá trị văn hoa đã được ổn định đó sao?

Truyện thật sự háo hức cả tâm trí ta từ lúc ta leo lên chiếc thuyền của người con trai, chứ không phải ta lơ đãng trên những chiếc thuyền lá mơ mộng của người mẹ, để đi tìm một người bố có thật ở trên đời này, chứ không phải chỉ trong tâm tưởng của người mẹ. Và ta đã gặp y, xương thịt hiện diện một thực thể giữa đời!

Hóa ra, trên đời còn một điều đáng kinh sợ nữa: sự giản đơn trần trụi đến hỗn nhiên! Nhưng, đó là một khía cạnh quan trọng nữa của cuộc sống, khía cạnh phàm trần, thông tục, ở thế đời chúng, song song tồn tại. Và như vậy, vẫn cứ có một người đàn bà nơi đầu sông đa tình, đa cảm, đơn phương thờ phụng mỗi tình thiêng liêng của mình; còn ở cuối bến người đàn ông cứ sống thân nhiên, vô tình, khô khan từ nội tâm, khó có thể bị quy tội là kẻ vô nợ ái ân. May thay vẫn còn ca khúc:

"Anh ở đầu sông

Em cuối sông

Uống chung dòng nước Vàm Cỏ Đông..."

MA VĂN KHÁNG

Tiếng hát chim sơn ca

Trời thu, nắng đẹp.

Tôi đẩy cổng bước vào vườn nhà người bạn chơi chim. Ông chủ reo to:

- Nhà văn! Ai báo mà biết đây?

Thấy tôi ngỡ ngác, ông cười vui:

- Vô tình hả? Càng hay!

Ông quay lại nói với người khách đầu bạc:

- Có thể... điếm lành cho ta đây.

Chúng tôi ngồi trên thảm bẹ ngô trải trên nền cỏ dưới bóng một cây nhãn cổ thụ. Đang say mê thưởng thức hương vị thơm đậm của nước chè trong cái chén hạt mít mộc, tôi bỗng nghe tiếng hát của chim họa mi. Tiếng hát vang động, vui tươi, rộn rập.

- Họa mi hát được nhiều giọng thật! - Tôi thán phục.

Xem ra câu nói của tôi nịnh được ông chủ ít nhiều, ông cười khà khà. Rồi ông thổi sáo miệng theo nhịp điệu nào đó. Con họa mi ngừng hát, vươn người lắng nghe. Ông thổi vài tiếng nữa, nhẹ như gió thoảng qua. Nhưng con họa mi bắt nhận được ngay, nó đáp lại bằng những chuỗi âm thanh êm ái. Nó hát ngập ngừng, có ý nghe ngóng, tiếng cao dần, lạnh lốt. Sau lần sáo miệng thứ ba của ông chủ, tôi thấy con họa mi đứng thẳng người, rướn ngực cất lên một bài ca nhiều thanh sắc cao sang.

Tôi ngỡ ngàng, bình thường trông tướng con họa mi rất dữ, sao bây giờ nó dịu dàng đến thế? Biết được ý tôi, ông chủ lại cười khà:

- Từ hiền nhân quân tử đến những kẻ què mùa cục mịch, phạm đả tán gái thì ai nấy cố lên giọng ngọt ngào, quyến rũ. Ban này tôi phải giả tiếng chim mái đây.

Chúng tôi ồ cười, cũng chẳng tự hỏi cười mình hay cười con họa mi háo sắc bị lừa. Ông chủ lại nẩy những tiếng sáo miệng ngắn. Con họa mi quay ngoắt đầu, lơ lảo nhìn quanh. Đến nhịp sáo thứ hai, nó nháy chồm chồm về bốn phía, mắt long lên, các ngón chân quắp chặt nan lồng như muốn phá tung ra. Rồi nó hát liên thoảng, những nhịp ngắn, dù dần. Chỉ một tiếng nó mà vang cả khu vườn như có rất nhiều con đang hành chọi với nhau.

- Ông nói đến chất dữ dần của nó thì đây - Ông chủ báo tôi - Tôi giả tiếng chim trống, nó vội vàng khăng định quyền chủ lãnh địa của nó, đe dọa đối phương. Còn tiếng hát của nó lúc ông mới đến là tiếng hát phờn phơ, phờn phơ khi được tâm mát, được ăn ngon...

Ông cười, quay lại với mấy người khách, lắc đầu:

- Mời các ông đến nghe tiếng sơn ca tôi lại đi giới thiệu

họa mi... Thôi, âu cũng là cái sự đời!

Thấy tôi không hiểu, một ông khách đầu bạc giải thích:

- Chúng tôi hâm mộ tiếng hót của chim sơn ca, đã nhiều lần đến châu chực ở đây cả buổi rồi lại về không. Nghe nói độ này con sơn ca hay hót vào quãng 10 giờ sáng, hôm qua chúng tôi đến từ 9 giờ. Mãi đến hơn 11 giờ nó vẫn lặng thinh. Chúng tôi vừa ra về thì nó hót, tiếc thật! Hôm nay quyết chờ cho kỳ được.

Tôi thấy lòng phấn chấn, nói góp:

- Tôi cũng từng nghe nói về tiếng hót cao quý của chim sơn ca và cũng chưa một lần được thưởng thức. Liệu ông chủ có thể giúp chúng tôi không? Như với con họa mi ấy...

Ông lắc đầu, nghiêm chỉnh:

- Khác với các giống chim khác, con sơn ca không hót để mỗi chài con mái, không hót vì miếng ăn ngon, không hót vì chuyện tranh giành, thù hận. Nó chỉ hót khi nó thích hót, không có cách gì kích thích được nó.

Ông lim dim mắt, giọng mơ màng:

- Và khi hót, nó không cần biết những gì ở xung quanh... Toàn thân nó rung lên, mỗi sợi lông đều rung, nó từ từ bốc thân lên cao tới khi lưng chạm vào nan lồng lại từ từ hạ xuống... Còn tiếng hót... Trời! Tiếng hót...

Một lát im lặng, mọi con mắt đều hướng về phía một cái lồng cao, đan rất đẹp đặt ngay trên mặt đất chỗ có bóng nắng lấp loáng. Bây giờ tôi mới thật sự để ý thấy một con chim nhỏ, màu nâu nhạt đang tha thẩn tìm bới đám cát rải trên đáy lồng, con chim hiền hòa, giản dị, vẻ ngoài không có gì đáng để ý.

- Nó giống con sẻ đồng quá nhỉ! - Tôi thốt lên.

- Đúng vậy! - Ông chủ khẳng định - Bình thường nó cũng hay kiếm ăn lẫn trong đám sẻ đồng, ít người phân biệt được

nó là sơn ca. Bọn người đánh sẻ cũng thường bắt lẫn nhiều sơn ca, với họ thì chim là để vặt lông, buộc thành từng xâu mười con, mang bán ở chợ Bắc Qua với giá năm trăm đồng một con...

Giọng ông chủ khàn đi sau chuỗi ho khan:

- Có lần nhìn những xâu chim đó, tôi đã ứa nước mắt, không biết trong số này có bao nhiêu con sơn ca!

Tìm cha

Giải ba

Bóng thàng Hưng nhỏ bé, khoác gió nệm nổi bật giữa bùng biển vào lúc trời chiều vàng rực làm cả trại chú ý, xôn xao. Trên con đường đất đỏ băng qua vùng cỏ năn xanh rờn một màu xanh man dại điểm vài bụi mưa vàng vọt này thường không có bóng người. Sáng sớm hoặc chiều tối mới có những chiếc xe tải chờ tù nhân lao động ở các chôn đi về. Con đường này không bao giờ có bóng trẻ em đi một mình vì nó là đoạn đường cụt nối vào trại giam.

Khi thàng Hưng vào đến cổng trại giam thì trưởng trại cũng vừa lững thững ra đến phòng trực. Giấu vẻ ngạc nhiên, ông vẫy nó lại gần:

- Con đến đây có chuyện chi?

- Dạ! Con đến tìm ba - Thàng Hưng tự tin trả lời, rồi nói thêm - Ba con là Hai Hơn...

Ra nó là con Hai Hơn, luôn nhậu nhẹt, say xỉn, quậy phá, đánh vợ, đánh con, đã được chính quyền địa phương giáo dục nhiều lần nhưng không chịu sửa chữa. Lần nhậu xỉn cuối cùng, y đánh vợ trọng thương. Lúc đưa tới bệnh viện, vợ y đã chết để lại đứa con trai nhỏ tron 5 tuổi. Như vậy bây giờ nó đã 6 tuổi rồi. Trưởng trại quay lại bảo anh cảnh sát ở trong phòng trực: "Đẫn Hai Hơn ra đây".

Trong lúc chờ Hai Hơn, ông tranh thủ quan sát cậu bé có mái tóc đỏ hoe, gầy go, áo quần cũ kỹ, toàn thân nhuốm đỏ

lớp bụi đường, càng đỏ hơn trước ánh nắng chiều sắp tắt. Nó không mệt mà cặp mắt nó ánh lên vẻ nôn nao chờ được gặp cha.

- Làm sao con biết được ba ở đây mà đi kiếm? - Trưởng trại hỏi.

- Dạ! - Thành Hưng kể lể bằng giọng vui vẻ - Hồi trước, nội nói ba đi làm xa, khi con lớn, ba mới về. Hôm bình quá, nội mới nói cho con biết ba ở đây. Sáng nay con ra bến xe, hỏi đường lên đây. Các dì, các chú dẫn con đi, cho con ăn, cho con nhiều tiền nữa...

Thành Hưng móc xấp tiền giấy lộn xộn gồm những tờ 2.000, 5.000 và cả những tờ 200, 500 đồng nhàu nát đưa cho trưởng trại xem. Ông xoa tay, bảo nó cất đi. Vừa lúc đó, Hai Hơ được dẫn đến.

- Ba!... Thành Hưng liu lười gọi và ào đến ôm chầm lấy ba nó. Hai Hơ gỡ tay con liếc mắt nhìn trại trưởng. Thấy không cần thiết, ông bước ra ngoài, lòng thầm nghĩ cách bố trí cho hai bố con tù nhân một nơi ngủ tử tế. Còn ngày mai, để rồi tính sau vậy. Đây là lần đầu tiên ông gặp phải trường hợp khó xử như vậy.

Hai Hơ cố giấu sự bối rối, cau có hỏi con:

- Máy lên đây một mình à?

- Dạ - Thành Hưng hồ hởi - Con lên ở với ba luôn.

Hai Hơ sa sầm nét mặt, chua xót:

- Ở đây rồi mai về với nội. Nhà tù không có chỗ cho con nít.

- Ba không biết à? - Thành Hưng bật khóc òa lên - Nội chết rồi! Con chỉ còn ba nữa thôi! Con không ở với ba thì ở đâu nữa!...

Hai Hơ bàng hoàng đứng chết lặng. Thành Hưng cứ nắm tay hắn mà lắc, mà van xin:

- Con không quậy phá đâu. Con đem hết áo quần, cả vở và bút chì lên đây. Con học. Con quét nhà, nấu cơm, giặt đồ cho cả ba nữa. Con biết làm nhiều việc lắm! Ba cho con ở tù với ba!

- Con! ... Lần đầu tiên trong đời, Hai Hơn thốt lên câu đó và ôm chặt lấy con mình. Khuôn mặt hắn nhăn nhúm trông đến thảm hại. Sự đau đớn và bối rối của hắn lan sang cả trưởng trại và mấy chiến sĩ cảnh sát còn trẻ, khiến cho hoàng hôn tím tái lại trong bóng tối nhập nhòa đang lan tới...

Một chú bé tìm đến trại tù, ôm riết lấy người cha tội lỗi của nó, kêu xin thông thiết: "Ba cho con ở tù với ba!". Một chuyện ngược đời, trở trêu, vẻ như phi lý. Nhưng cái hoàn cảnh đẩy nó tới chỗ phải như vậy thì có lý, thằng bé hành động một cách tự nhiên, không hề ý thức cái tình cảnh bơ vơ của nó bắt nguồn từ chính thói hung bạo, vô tình của cha nó. Buổi hoàng hôn ấy, ở trại tù, có một khuôn mặt thơ ngây đến ngờ nghệch và một khuôn mặt nhăn nhúm lại vì bối rối, khổ sở; hai khuôn mặt phản chiếu lên nhau. Ta không biết chuyện hai cha con người tù còn diễn biến ra sao nhưng có điều chắc chắn, khi cõi lòng tâm tối của người cha tội lỗi biết tự dằn vò thì tấm tình người được khơi lên, dù còn yếu ớt nhưng đã nghe phập phồng rung động.

NGUYỄN KIẾN

Tìm người

Cứ đến mục "Thông tin quảng cáo", thằng Mít lại giông tai nghe cái câu nó thuộc lòng : "Bố ở đâu về ngay... Ai nhìn thấy bố tôi... Bệnh tâm thần... Chân đi dép nhựa Trung Quốc...". Bệnh tâm thần là gì nhỉ? Nghe phát tin, bố Mít đã quát mẹ : "Sao em lại báo là ông già bị bệnh tâm thần ?"- "À, bạn em khuyên nên nhấn vậy, người ta đỡ thối mắc...".

- Nếu nghe tivi, bố sẽ không khi nào về nữa đâu!

Thế là cái tivi cũng không nhấn ông nội về được! Đúng lúc ấy, Mít thấy bố nhìn ra cửa : "A! Cậu bạn cũ ở đội đặc nhiệm đến giúp!". Người lạ mặt cao lớn bước vào, ôm lấy Mít như thể đã quen biết từ lâu. Chú ấy bảo bố:

- Hết bọn trẻ, giờ lại đến các cụ đi bụi đời! Ba tháng rồi hả? Cậu đã báo cho ai ở đồn?

- Tay đó... Người ta bảo nếu mất xe Dream mà hện cửa đời cho nó một nửa thì tìm thấy ngay. Còn mất ông cụ...

Mẹ Mít nhếch mép:

- Ông bạn đặc nhiệm ơi, có tặng cả ông cụ, cũng không ai lấy!

Ba người lớn bỗng lặng thinh. Mít lo lắng hỏi: "Chú Nhiệm ơi, chú không đòi chia đôi ông nội chứ?".

- À, ra tên mình là Đặc Nhiệm... Này sao các cậu không nhắn tin: "Mít ốm nặng. Ông về ngay".

Mẹ Mít kêu: "Nói đại!". Nhưng Mít giục: "Mẹ đi báo tivi đi!... À... Nhưng ở đây không có tivi thì sao?".

- Ở đây là đâu hả cháu? Này, các cậu phải cho mình thằng Mít làm máy dò người thôi. Giống như người đi dò nguồn nước ấy... Nào, nói chú nghe thử!

Hôm ấy, có một ông cụ bé tí vào nhà ôm lấy ông nội. Nội bảo xưa nội đã cùng ông ấy đánh chìm tàu địch. Bài học thuộc lòng trong sách lớp một của Mít nói về ông ấy đấy. Ông anh hùng giờ đây bé tí, nhăn nheo như những củ khoai tây héo ông mang tặng nhà mình. Nội bảo đó là do sức ép của bom.

- Cháu với ông thích ăn khoai! Nhưng mẹ đem cho hết...

Đến đây, chú Đặc Nhiệm không thể hiểu gì hơn. Bố Mít chỉ nói: "Cò lè cụ bô Yoga nhâm, tính nét cứ như người tẩu hỏa nhập ma. Ông bạn cụ nhớ ra việc bán, xin ra tàu về ngay. Hôm sau, cụ bô tuyên bố về quê chơi. Bọn mình thì đang bận xây nhà... Ba tháng sau, có người ở quê ra, mới biết cụ đâu có về quê!". Mẹ Mít im lặng (Rất khoai non! Cụ cứ thử hạp cả tổ hươu lại, đổ gọt nổi đồng khoai ấy! Minh tống khứ tất cho bọn thợ xây. Sao cụ dễ chạm nọc thế?). Một lúc, chị nói giọng thành kính:

- Đã bói một quẻ thiêng lắm. Ngài phán là ông cụ đang ở nơi sông nước...

Mít bỗng kêu lên:

- Đứng đây chú ạ!

- Sao cháu biết?

- Hôm ấy trời mưa to cực. Ông gáp cho cháu cái thuyền thả ra sân, tí nữa thì lật úp. Ông nói hôm đánh tàu địch, trời cũng bão. Rồi dặn cháu ở nhà ngoan, ông đi tìm mảnh vụn cái tàu về cho cháu mang tặng lớp, rồi cô giáo sẽ cho điểm tốt.

- Thế Mít đọc bài thuộc lòng trong sách lớp một chú nghe thử.

- Bài ấy kho thuộc lòng lắm, cháu bị cô cho điểm 1 mà!

- Nào, thế thì đưa sách ra đây! Mà ngữ này thì liệu có còn sách nữa không chứ?

Quyển sách lớp một hóa ra là bản đồ dẫn hai chú cháu tới chỗ ông nội. Quê ông anh hùng lại chính là nơi xưa ông đã đánh chìm tàu Amyó Đanhvin. Ông anh hùng bé tí bảo với chú Đặc Nhiệm là ông nội đang chờ xe thuê ngoài bờ biển: "Tình ông vậy đó, đâu có chịu bó tay!".

Thấy cái ô tô, xe máy, xích lô nào chú Đặc Nhiệm cũng giục Mít nhìn kỹ người lái. Tối chiều tà, người tắm biển đã về hết. Giữa con đường phi lao vi vút, Mít bỗng thấy một cái xe rất lạ. "Xe ngựa đấy! Cháu không biết à?". "Dạ, cháu có thấy trên tivi...". Bỗng Mít buông tay chú, ào chạy tới. Con ngựa chồm lên.

- Ông ơi!

Chú Đặc Nhiệm ngạc nhiên nhìn ông nội ghim ngựa bước xuống. Không phải ông già "Khốt ta bit" như anh vẫn hình dung. Thời gian chưa làm sụp đôi vai và ánh chiều tà hắt lại trên gương mặt những nét như tạc khiến anh liên tưởng bức tượng Tào Mạt.

... Hôm sau, trên bãi cát, chú Đặc Nhiệm ngồi ngắm hai ông cháu. Họ vừa xây xong cả một tòa lâu đài, núi non. Ông Mít không nhặt được một mảnh vụn nào của chiếc tàu xưa. Biển đã cuốn hết.

- Ông ơi, bố xây xong nhà mới rồi, ông về đi.

- Chú dẫn cháu về trước, để bố mẹ yên tâm. Hết hè, vắng khách, ông lại về với cháu.

Đứa bé ôm chặt lấy ông. Đây là cuộc chia ly đầu tiên của nó.

Tình cách

Mẹ tôi buôn bán, chai lì trước cán cân cơm áo nhưng vẫn cảm trong nghệ thuật. Những nước mắt tình buồn phim ảnh, những sứt sùi số phận cải lương, bà đều hồn nhiên "ăn theo" một cách ngon lành. Có lần, cha tôi giờn:

- Coi chừng trôi tivi...

- Còn sách ông chưa viết ra đã hóa đá - Mẹ tôi trả miếng - Thế cũng mang danh nhà này, nhà nọ.

Một hôm, đang bữa ăn, bỗng nhiên mẹ tôi hớn háo phốc ra chặn đường con bé bán trứng vịt lộn.

- Mày biến đâu tài thế. Hi! Có chui xuống đất rồi cũng gặp tao - Bà vừa nói vừa giăng mủng trứng, đếm lấy trừ nợ.

- Di ơi, cho con khát, mẹ con còn ốm!

- Nhà này cũng đang ốm đây - Mẹ tôi cười bù - Khỏi bẻm mép.

Con bé chưng hửng, lã chã nước mắt nhìn cái mủng không, rồi bung lên, xiêu vẹo bước đi...

Cha tôi cảm cảnh, quay mặt, rút mũi soa chấm mắt.

Lâu sau, tivi phát vở kịch "Cô bé nghèo bán trứng bị xiết nợ". Lúc ấy, mẹ tôi lại khóc, còn cha tôi thì cười.

Tóc thề

Giải khuyên khích

Bố mẹ tôi lấy nhau lúc hai người còn rất trẻ. Mẹ kể: ngày đến bố vì bố có mái tóc rất đẹp. Mỗi tình của hai người cũng lăm trác trở. Bà tôi bảo: "Con yêu gì thẳng đó! Chân yếu tay mềm, rồi cũng khổ thân mày". Mẹ cười nói với bà: "Con yêu vì anh ấy có mái tóc đẹp. Cái tóc là gốc con người mà mẹ!". Cả họ ngoại tôi đều bảo mẹ gàn. Riêng bạn bè của mẹ thì khuyên ngăn: "Chẳng lẽ mày yêu hẳn chỉ vì mái tóc". Mẹ triết lý: "Nhưng ít ra cũng còn có cái để yêu". Lúc chỉ có hai người với nhau mẹ cũng nói thật lòng với bố như thế. Cứ tưởng rằng bố sẽ buồn, nhưng không. Bố còn đùa tếu: "Mái tóc muôn năm".

Sau ngày đám cưới, mẹ đi chợ mua sắm cho tổ ấm của mình. Trong những thứ linh tinh mà mẹ khuôn về có một cái kéo, một con dao cạo sắc lẹm. Mẹ tuyên bố: "Kể từ ngày hôm nay em sẽ hớt tóc cho anh. Cấm anh ra tiệm!". Hôm đầu tiên "ra nghề" mẹ phải cày cục gần một buổi mới hớt xong mái tóc của bố. Không biết "tác phẩm nghệ thuật" của mẹ đạt đến trình độ nào mà sáng hôm sau bố phải đội sùm sụp cái mũ trên đầu để đến cơ quan.

Qua mấy chục năm, tay nghề của mẹ đến nay đã hết sức

"vừng vàng". Mặc dù là hiệu trưởng của một trường cao đẳng sư phạm, phải bận giảng dạy, họp hành suốt ngày nhưng chưa bao giờ mẹ quên việc chăm sóc mái tóc của bố. Món quà mà mẹ tặng bố sau những chuyến công tác về thường là những chai thuốc gội đầu, những lọ dầu xit tóc. Và công việc trước tiên là kiểm tra xem cái râu, cái tóc của bố có "vấn đề" gì không. Còn bố, từ một chú học trò chỉ biết ngoan ngoãn vâng lời thì bây giờ đã "nghiện" nặng. Đố ai hớt tóc được cho bố. Có những lần đi công tác ở nước ngoài gần 5 tháng trời nhưng bố vẫn không chịu hớt tóc viện lý do là để vẫy cho ấm. Bố thường bảo: không có hạnh phúc nào bằng sau những chuyến đi mệt mỏi được ngả người trên ghế để cho mẹ hớt tóc và gội đầu. Những lúc hai người giận nhau thì bao giờ bố cũng làm lành trước. "Chiêu thức" thường dùng của bố là soạn "đồ nghề" ra nhờ mẹ hớt tóc. Và mẹ chỉ chờ có thể để chính thức tuyên bố "hòa bình".

Mẹ tôi ngã bệnh đã gần nửa năm nay. Căn bệnh nan y đã rút cạn sức lực của mẹ. Suốt thời gian đó bố túc trực bên giường bệnh, tự tay lo lắng tất cả, ngay đến việc bón cháo cho mẹ, bố cũng giành làm vì sợ chúng tôi vụng về. Một hôm mẹ nắm tay bố cười buồn nói: "Thôi! Em cho anh ra tiệm hớt tóc đó. Gớm! Tóc tai gì mà phát khiếp!". Bố ghen ngào lắc đầu, chẳng nói được lời nào.

Ít lâu sau thì mẹ mất. Chôn cất mẹ xong, bố tôi già xom hẩm đi. Lúc đêm vợ tôi nói: "Mai anh đưa tiền cho cụ đi hớt tóc. Trông cụ mà nảo cả lòng". Sáng ra bố tôi bảo: "Thằng cả hớt tóc cho bố". Nói xong bố đến bên bàn thờ của mẹ, run run lạy mở bọc vải lấy ra những thứ "đồ nghề" mà mẹ để lại và đưa cho tôi. Khi nhát kéo đầu tiên vừa lướt qua thì những dòng nước mắt nóng hổi của bố cũng lặng lẽ rơi xuống. Tôi ôm lấy bố nức nở. Phía trên kia mẹ vẫn cười tinh nghịch.

Tự biết

Gió đông đã tráy đến ngọn lá cuối cùng, để lại một màu nâu cam nín trên những thân cành trụi trơ, vừa như sống, vừa như chết. Gió rút rĩa xương thịt những người nghèo ăn đói mặc rách, gặm nhấm trái tim rộng tênh của những người buồn. Anh cảm thấy cô đơn, cô đơn cùng cực, thèm trò chuyện, thèm có một người bên cạnh. Đọc hàng lang cư xá, những nhà kế cận đều im im cửa, chỉ vẳng ra tiếng tivi, tiếng cười nói. Anh đành khoác áo vào, đi ra cửa. Ở quán cà phê, biết đâu anh có thể gặp một người...

Suýt xô vào kẻ đang cầm đầu bước lên cầu thang, anh nhận ra gã thanh niên vô gia cư quen mặt. Tóm lấy cánh tay sắt cứng của gã, anh tíu tít:

- Lên nhà tôi uống trà đi.

Có lẽ anh đành đánh bạn với gã vậy, kẻ anh chưa từng bắt chuyện, kẻ hình như chẳng có phần hồn.

Gã thanh niên bị hút theo anh, mặt mũi ngẩn ngơ.

Bên bình trà và đĩa bích quy, câu chuyện ban đầu xoay quanh những tin tức từ tờ báo công an mà gã vừa đọc. Chuyện một thằng cháu bốp cổ bà mình, lấy hết vàng trong tủ rồi đốt nhà để phi tang. Chuyện một đám thiếu niên học theo phim, cưỡng bức cô bạn cùng lớp. Chuyện một gã lưu manh dim một cô gái xuống ao để cướp chiếc xe đạp... Giọng gã đầy phấn khích, mắt long lanh, mặt tràn trề nỗi khoái trá. Anh

kiên nhẫn chia sẻ mọi thứ với gã, để chờ tới phần mình.

- Chính tôi cũng đang định giết người đấy. Giết vợ!

Đôi mắt đang cười cợt bỗng trở ra:

- Anh?!

- Chớ sao! - Anh nói chắc nịch - Ai cũng tưởng mấy thằng trí thức chẳng có gan làm gì hết, suốt cả đời.

Bộ mặt gân guốc nghệt ra, đăm đăm, nhưng vẫn chẳng có lời nào từ gã.

- Tôi nghĩ tới cái ngày tất cả mọi người phải trợn tròn mắt ra kinh ngạc. Với họ, khác gì chuyện động trời. Còn tôi, ngày nào tôi chẳng nấu nung, nghiền ngẫm...

Anh rit thuốc, nheo mắt nhìn vào quá khứ. Anh đã cướp cô ta trên tay người bạn, tự nhủ rằng vì tình yêu trong khi những người khác lại cho rằng vì tài sản của gia đình cô. Đổi lại, anh mang tới mảnh bằng đại học mà gia đình cô ao ước. Đám cưới xong, anh được cha cô huấn thị rằng, điều quý nhất cho một con người là sự tự lập thân, như ông, đã từ một kẻ làm công đi lên thành ông chủ. Vợ chồng anh đã sống chỉ bằng lương. Dù anh là kỹ sư nhưng cô ta lại mang về từ cửa hàng mình đứng bán những thứ giá trị nhiều lần hơn lương của cả hai người. Vì thế, giá trị của anh ngày càng giảm xuống theo chiều ngược lại. Giờ đây anh chỉ còn là chân chạy việc trong cái công ty mà gia đình cô ta lập bằng vốn của người anh cô từ nước ngoài chuyển về. Mảnh bằng kỹ sư của anh đã tắt biến mọi thứ hào quang. Con gái anh đã nghỉ học từ lớp mười một và hàng đêm, nó cũng son phấn, theo mẹ đến các nhà hàng, vũ trường. Anh còn một việc để làm là giữ nhà và chờ cửa.

- Tôi sẽ tử tế với nó cho tới ngày cuối cùng, để không ai ngờ được, nhất là nó...

- Ở đây, ai cũng nghĩ là vợ chồng anh rất hạnh phúc - Gã thanh niên lúng búng.

- Thì hạnh phúc chớ sao. Hạnh phúc cho tới khi mọi thứ

tung tóe ra. Hay lắm!

Anh cười, cái cười vô cảm, không nhìn vào bộ mặt đầy dò xét của gã:

- Mà này, đừng hé ra với ai nhé. Anh là người duy nhất tôi tiết lộ đấy.

- Cô nói cũng chẳng ai tin - Giọng gã không ra bài bác, cũng chẳng ra tán thành.

Khi chỉ còn lại một mình, anh ngồi thừ ra, đờ đẫn.

- Đứng là chẳng ai tin - Anh bật lên thành lời, cười khẩy.

Nếu anh giết cô ta và sau đó ra trước tòa, anh sẽ nói điều gì? Rằng mình đã quá chán thứ hạnh phúc dối trá và ô nhục? Rằng mình cũng là nạn nhân của một ngộ nhận và lừa gạt ngay từ lúc bắt đầu? Hay là, anh cứ lặng thinh, lặng thinh một cách ngạo nghễ và khinh thị, mặc ai muốn hiểu sao thì hiểu...?

Thế nhưng, anh sẽ thực hiện việc đó lúc nào? Tối nay chăng? Hay có thể tối mai, tối mốt...? Hoặc là tuần tới, tháng tới...?

Đang gà gật trên trường kỷ, anh bỗng choàng dậy. Hình như có tiếng còi xe. Anh tung cửa, định lao xuống cầu thang dắt xe vào cho cô ta, nhưng chợt nhận ra mình chỉ mơ ngủ. Đứng thân thờ giữa hành lang lạnh ngắt, anh lặng nhìn những gian nhà chung quanh đã tắt đèn kín cửa tự bao giờ...

Quần mình trong chiếc chăn rách, gã thanh niên cũng trần trọc trên chiếc ghế bố dưới chân cầu thang. Tự ôm xiết bộ ngực vạm vỡ của mình, gã nhớ tới tám thân ướt ọ, đong đưa của người đàn bà những lúc lên xuống cầu thang, cả khi có anh chống tay xách nách mang đang đi cạnh. Gã nhớ tới đôi môi nóng rực, vòng tay ham hố, những đêm anh chống đi xa... Rồi gã cười sực lên:

- Nó sẽ dọa giết cả Ngọc hoàng Thượng đế, nếu nó biết chuyện...

Ván cờ người

Giải khuyến khích

Đã lâu lắm làng Chùa mới lại mở hội đánh cờ người. Vào chung kết là cặp một già một trẻ. Ông Nhật giám đốc xí nghiệp gà ở xóm Bờ Sông, anh Dã là dân xóm Đoài gốc. Ông Nhật có công biến xóm ngoại ven sông thành phường Phú Thịnh. Anh Dã làm nghiên cứu tận Viện Khoa học. Già là kỳ cựu vô địch vùng này, trẻ năm nay mới có dịp xuất đầu lộ diện.

Cờ pháp phối. Trống giục. Các vị chức sắc mặc kiểu tây đầm. Bô lão lối cổ, áo dài khăn đóng. Bãi đất bàn cờ đã tề tựu đủ ba mươi hai "quân cờ" mặt hoa da phấn, xinh tươi mơn mớn, áo tứ thân thướt tha. Nếu không trông hàm răng trắng, mái tóc uốn quăn, cứ ngỡ đang thời Đại Nam, Đại Việt.

Nhóm của Dã sôi nổi. Rằng ông Nhật chơi xe mã hay, sở trường dụng tốt. Nhớ lấy! Này, thì thảo, lão tạ nhất định đòi Ban tổ chức cho cái Nhung đóng ngôi tướng. Á chà! Cười âm lên. Lão già đầu bạc chơi trống bỏi. Cho lão biết tay đi, Dã ơi. Dã im lặng muốn thư giãn. Nhung cứ nghĩ lớn vờn: "Sao Nhung lại đồng ý ở bên ấy nhỉ? Nhân viên thì sợ giám đốc. Thế lệ làng thì sao? Còn mình thì sao?". Lệ làng, xóm nào đầu cờ phải chọn gái đồng trinh hoa khôi xóm ấy vào ngôi tướng. Năm nay

Nhung bị giam đóc Nhật "đòi". Thanh niên xóm không thích, cũng chả làm sao được, chỉ võ mồm!

Các quân sư bên ông Nhật gật gù... Cứ ra quân nhanh, tấn công ngay. Làm sao đấu pháo! Nghe nói nó chơi cờ tàn chắc tay. Mũi mē gì! A, đồ nhài ranh ngựa non háu đá, xếp phải dạy cho một bài học mới được. Ha ha...

Vào trận, trống đánh cầm nhịp. Các bộ lão ngồi quanh bàn cờ con xem trận và binh. Đám trẻ cố vũ cho Dã.

Ông Nhật kè kè bên quân tướng của ông. Nhung tươi tắn. Chả bù cho bộ mặt iu xiu hôm ông Nhật bảo muốn vào xí nghiệp ông thì ba năm mới được lấy chồng. Dã đã báo Nhung: "Cũng được!". Song, bụng cũng bùng bực. Bởi vì nhà Dã muốn cưới Nhung cho Dã ngay. Ở kia, ông ấy và Nhung nhìn nhau sao có vẻ đầu mày cuối mắt?

Xem ra ông này muốn đánh tổng lực thật nhanh đây. Không xong đâu! Ông già hơi sống gấp, tôi còn trẻ chán. Cứ tà tà. Xuông pháo hỏi con xe xem sao. Chạy à? Cái đồ tham những chạy đâu cho thoát. Cứ đánh bóng con xe đời mới ấy đi.

Ông Nhật ung dung. Tóc đã bạc, nhưng da dẻ đỏ đẹp, còn phong độ lắm. Ông cười ruồi. Muốn giăng co à? Thăng ranh! Lại còn đòi chiếu tướng nữa chứ! Đồ tri thức nghèo kiệt xác. Thì ta vén si che cho nàng. A ha! Có lợi rồi! Dí con tốt thêm một nước. Tốt mà nhập cung thì biết tay ông, nó là thằng gián điệp, có khi ngang một cây xe. Xe tăng! Ta phải xua thăng mã lên làm "chân gối" mới được.

Dã lâm vào nước tiến thoái lưỡng nan. Giữ thế thì mất quân. Chạy quân lại hết thế. Chỉ vì sợ ý để ông Nhật ra tướng. Dã li li đi đi lại lại. Chợt cô mã xanh của Dã thê thọt: "Anh Dã quá giang bắt tướng đỏ chứ? Em theo anh, đưa nàng về". Ở, phải rồi. Vượt sông! Dã khiến con mã xuất thần, rồi dí liễn mây con tốt qua sông vừa chiếu tướng vừa dôn mã đỏ vào thế chết.

Ông Nhật đành mặt. Ở, sao lúc sa thải nhân viên ông chả suy nghĩ là mấy. Thôi vứt con nghèo ấy đi, cứ như thay thư

ký mà thôi. À, có nên để Nhung lên làm hẳn ở văn phòng giám đốc không? Dã im im, chẳng vui chẳng buồn.

Alô! Bên đó sắp hết thời gian...

Trống thúc dồn. Ông Nhật bèn đi nước mã hồi gỡ bí. Than ôi! Đây chính là điểm báo cuộc cờ tàn. Đám sành cờ kích động, bàn tán sôi nổi. Một số trai làng dường như chán đấu đá, quay ra trêu ghẹo các "quân cờ chết". Các nàng này thân nhiên sừ sang sắc đẹp, vẻ rất đời thanh bình.

Cuộc cờ nào rồi cũng kết thúc. Máy cụ bộ lão tự bỏ quên mình, còn ngồi ngẫm ngợi về ván cờ ấy. Góc sân, có vị complê-cavat rồi rả gọi bên thắng lên nhận thưởng. Dã đấu? Không ai biết! Đành trao thưởng cho cô tướng xanh. Nàng ngượng nghịu đi lên, lướt tà áo dài màu xanh hòa bình tha thướt như say trên cái thảm cỏ mùa xuân lúc này là cuộc cờ người. Hỏi: "Nhung đâu?". Có người bảo Nhung vừa lên xe con giám đốc, phóng đi. Lại có người bảo cô nàng theo anh chàng Dã rồi...

Vàng

Khi hồi tỉnh, hắn thấy toàn thân ê ẩm . Xung quanh đen kịt, lờm chờm gai đá. Hắn thở một cách khó nhọc bởi cái hang nhỏ chỉ vừa đủ xoay người này đang hết dần dưỡng khí. Vậy là hắn sẽ phải chết. Không còn nghe thấy tiếng choòng, đục, tiếng rậm rịch phía trên kia, tức là thằng "bường" trưởng và lũ bạn đào vàng đã bỏ rơi hắn sau khi cửa hầm bị sập. Hắn sẽ chết mà chưa kịp tìm thấy vụn vàng nào. Mẹ sự đời!

Hắn lấy hơi, dồn hết sức gào réo tên thằng "bường" trưởng và lũ bạn; chửi rửa từng thằng, ném ra những lời tục tĩu nhất trên đời. Vô ích! Như phát điên, hắn quờ quạng khắp xung quanh. May thay, vớ được một cái choòng. Hắn đào thực mạng, mặc bàn tay phỏng rộp, rồi túa máu.

Một tia sáng, mảnh như sợi chỉ, bỗng lóe lên trong đường hầm. Run lên vì sung sướng, hắn lại đào bới tiếp với nỗ lực phi thường. Vệt sáng mở rộng dần. Ngọn gió tươi lùa vào tận

đáy phổi hần, làm hồi phục từng li ti huyết quản. Sống rồi!

Cho đến khi hần kiệt sức thì một mảng sáng bằng chiếc mũ cối lộ ra. Hần lao đầu, lách vai, nhào tới. Trời ơi, trước mắt hần là một khe suối. Lòng suối rộng, nước trong suốt tận đáy. Mắt hần hoa lên khi nhìn thấy một người đàn bà đang tắm khỏa thân bên một tảng đá. Cởi tiên hay chốn ma quỉ đây? Hần kêu ú ớ:

- Cứu...t...ô...i...

Người đàn bà hốt hoảng tưởng nhìn thấy ma. Không kịp mặc quần áo, chị kêu thét lên, chạy thục mạng về phía ngôi nhà trên đỉnh đồi.

*

Nhưng rồi người đàn bà ấy vẫn trở lại. Chị là cô giáo nên không tin chuyện ma quỉ. Chỉ có điều chị đến hình như hơi muộn. Người hần mê rữ. Không khó khăn gì, chị hiểu ngay hần là một kẻ đào vàng ở dãy núi bên kia. Hần sẽ chết, nếu chị không ra tay cứu vớt.

May mà trời phú cho chị có sức khỏe và lòng trắc ẩn vô bờ, nên cuối cùng chị đã đưa được hần về nhà, một căn phòng che phên nửa ở đầu một lớp học, biệt lập với nhà dân. Là một cô gái vùng xuôi, chị lên miền núi heo hút này dạy học đã mười bốn năm.

Ba ngày sau, nhờ chị chăm sóc tận tâm, sức khỏe hần dần dần hồi phục. Lần mở mắt đầu tiên sau những ngày mê mết, hần nhận ra chị và cứ ngỡ ngẩn nghĩ đến hình ảnh chị khỏa thân bên suối. Anh mắt hần làm chị đỏ bừng mặt và gieo vào lòng chị nỗi xốn xang đàn bà. Chị biết hần kém tuổi chị và rất có thể chưa...với ai. Phỏng đoán ấy khiến chị hy vọng, hy vọng mơ hồ. Nhưng bám riết, khiến chị nhiều lúc như lên cơn sốt.

Ngày thứ năm. Sau nồi nước lá xông, sau bát cháo gà, hần nhìn ánh trắng rời rợn ngoài kia rồi lại nhìn xoáy vào đôi

mắt mênh mông buồn của chị. Chénh choáng bởi cái nhìn ấy, chị lạc giọng:

- Anh sẽ ở lại với em chứ?

Hắn đáp: "Ừ" và nhào người nắm lấy cánh tay trần của chị. Người chị mềm, nóng hổi. Chị đổ vào người hắn...

Nửa đêm, hắn tỉnh dậy. Người đàn bà khỏa thân đang nằm ngủ ngon lành, thanh thản và tin cậy. Trăng phủ lên người nàng một thứ ánh sáng nồn nà mà hắn chưa bao giờ thấy trong đời.

Cái gì kia? Một vệt sáng lóe lên ở ngón tay nàng khiến hắn chú ý. A, một chiếc nhẫn chừng hai chỉ vàng. Có lẽ đó là gia tài duy nhất sau mười bốn năm dạy học của nàng? Rón rén, hắn tháo chiếc nhẫn đưa lên ngắm nhìn. Chất vàng khiến hắn hoàn toàn trở lại một phụ đào vàng thứ thiệt. Đút chiếc nhẫn vào sáu đáy túi, hắn lẳng lặng biến khỏi phòng.

Lúc sau, nàng thức dậy. Ngơ ngác, bàng hoàng, rồi hiểu ra tất cả. Nàng nhìn ra con đường tràn đầy ánh trăng, nơi bóng hắn vừa nhòa khuất. Khốn khổ! Sao hắn phải trốn vội vàng? Nàng đâu có tiếc gì? Cả chất vàng ròng tâm hồn, nàng cũng còn sẵn sàng cho hắn, huống chi một chiếc nhẫn trang sức bằng đồng.

Viên ngọc ẩn

Giải khuyên khích

Ông Tư thối mệt gác cây cần lên chiếc thuyền nan, ngược mắt nhìn trời, miệng chửi đổng. Mẹ kiếp! Nắng dữ! Suốt ba tháng liền chẳng một giọt mưa. Cứ cái kiểu này thì làm ăn mẹ gì đây!

Câu cá tràu ở trên con bàu Lâm Yên này đã gần hai chục năm, ông Tư chắt bóp dè sẻn, tuy không dư dả, nhưng cũng đáp đối qua ngày. Đặc biệt năm nay trời hạn mãi, cá tràu chẳng chịu vây tổ đẻ trứng. Sự tình cứ như thế này, ông không biết phải đào đâu ra tiền gạo nuôi đàn con nheo nhóc và bà vợ ốm đau mãi ấy! Ông Tư cảm thấy mệt mõi rã rời nghĩ đến cái cảnh con thơ ngồi trên mũi thuyền ngóng mắt chờ cha, vợ đau nằm trong xó xỉnh cầu nguyện cho chồng làm ăn gặp vận. Càng nghĩ ông càng buồn!

Ông chạnh lòng nhớ lại những tháng năm còn sống với bố mẹ. Bao nhiêu nỗi nhọc nhằn cay đắng vì lù ông mà bố mẹ phải gánh chịu không một lời than thở. Tình thương ấy cứ gắn mãi trong lòng mỗi người cho đến khi mấy chị đi lấy chồng, ông lấy vợ, ở riêng. Tình mẫu tử thiêng liêng đã thấm mềm trong cơ thịt và với ông, nó như một sợi dây vô hình đã

ràng buộc ông vào con thuyền lênh đênh, vào cái nghề cực khổ này. Bỗng tiếng tù và rúc một hồi dài kéo ông quay về thực tại. Con vịt mỗi năm trên sạp gỗ trở cặp mắt ráo hoảnh nhìn ông. Cây cần câu lưỡi vẫn buộc chặt trên thân. Ông thâm nghĩ: không lẽ hôm nay chẳng hơn gì hôm qua sao!

Mặt trời đã tròn bóng. Tiếng mái chèo lại bắt đầu khua bì bõm trên mặt nước. Một thân một xuồng lẩn quất trong các hốc bờm, lau lách trên mép bờ bầu. Cứ thế con xuồng lẩn dần những gần cây số đường nước mà vẫn chưa bói ra mề nào! Bất chợt từ phía bên kia đám lũng, một cái vẩy ầm toé nước. Ông khấp khởi mừng thầm, lao nhanh xuồng tới. Quả đúng như dự đoán. Một tổ cá vẩy trong bụi cỏ to hơn chiếc nón. Trúng trắng đã ngả màu đen xạm dần trải lên lớp màn đục. Ông đoán chắc là chúng sắp nở con. Cái nghề sông gần hai mươi năm ấy đã dạy ông biết chắc một điều: trúng sắp nở, bố mẹ nó sẽ tốn hơn nhiều, bất chấp cái chết để bảo vệ cho bằng được đàn con ra đời. Lòng ông rộn niềm vui. Tay ông buộc vịt, tra mỗi mã đầu ông mài nghĩ đến cuộc độ sức tuy không cần xứng về lực, nhưng tài mưu lược đôi bên có lẽ ngang tâm. Ông buột miệng quả quyết kêu lên: "Tao sẽ thắng vì lũ con tao đang cần chúng mày!".

Quả thực ông Tư đã thắng! Hai con cá tràu nằm sườn sượt trong lòng xuồng. Chốc chốc chúng ngoi đầu lên, vẩy đuôi đánh đập như cố tìm đường tẩu thoát để về với lũ con sắp ra đời của chúng, nhưng bất lực...

Ngồi nhìn cặp cá, ông Tư sắp sẵn trong đầu: một con bán đi lấy tiền đóng gạo. Con cá mẹ lớn hơn làm thịt nấu cháo cho lũ con đánh bữa đỡ lòng qua những ngày đói khát.

Sự dự tính tưởng chắc như cơm vào miệng. Ai ngờ, con cá đã trút hết vẩy để lộ cái thân hình nồn nà, bà Tư sơ ý, đánh rơi xuồng bầu, lẩn mất tâm.

Cơ sự đã thế ấy, hai vợ chồng và lũ con ông ngồi sững sờ nhìn nhau! Chết điếng!

Sáng hôm sau khi ông Mặt trời thức dậy, như thường

lệ, ông Tư tu một bát nước chè hãm, cho cần và vệt moi vào xuống rồi lướt sóng ra đi. Ông gặp tổ cá sớm hơn hôm qua. Trước mắt ông cái tổ con đen sạm cũng chỗ ấy, hôm qua, một con cá tràu thân trắng tợ bông đang lững lờ bơi qua bơi lại. Mắt ông hoa lên, Ông dụi tay xem lại. Bất chợt ông thẳng thốt kêu lên: "Chính nó rồi!". Trời ơi! Vượt mấy cây số đường nước với cái hình hài trụi thế kia mà nó vẫn cố tìm về. Và về kịp, lúc những chấm cá tràu bắt đầu hiện li ti trên mặt nước. Lòng ông bàng hoàng! Tay chân bủn rủn! Không còn ham muốn gì nữa, ông đành quay xuống lặn lẽ trở về...

Từ đó, trên cái bầu Lâm Yên này, không còn ai thấy bóng dáng con thuyền của gia đình ông Tư đỗ ở đấy nữa...

CHẤT THƠ CỦA TRUYỆN RẤT NGẮN

Trước mắt chúng ta là những sáng tác được chọn lọc từ gần 5.000 bài viết tham dự cuộc thi Truyện rất ngắn của tạp chí Thế Giới Mới. Các tác phẩm này tuy với những hình thức và mức độ khác nhau, đã mang lại một diện mạo cụ thể cho khái niệm "truyện rất ngắn" mà nhiều nhà văn, nhà nghiên cứu đã thảo luận trên tạp chí Thế Giới Mới nhân cuộc thi này.

Diện mạo đó là gì?

Nổi bật hơn cả đó là sự thống nhất của CÁI NGẮN và CÁI DÀI. Cái ngắn của câu, chữ, cái dài của tình, ý, đặc biệt là của cái tình. Đọc xong THUYỀN LÁ, ANH HAI, SÔNG LẤP, HOA MUỘN, ĐƯƠNG TĂNG, ĐIỀU CÂY, dư âm của truyện vẫn còn đọng lại. Nhạc điệu của tâm trạng, khi thì mênh mang, bổng bồng (THUYỀN LÁ), khi tội nghiệp đến rơi nước mắt (ANH HAI), khi thì uể oải, rời rạc (HOA MUỘN), khi thì tha thiết, bẽ bàng (SÔNG LẤP) cứ kéo dài mãi. Chất nhạc ấy là cái thần của thi ca, của nghệ thuật. Không có nó, văn học chỉ còn trần trụi là giáo lý, ngụ ngôn. Và ở đây có lẽ cũng nên nói thêm rằng chính cái dư ba, nốt ngân dài ấy là một dấu hiệu quan trọng phân biệt truyện rất ngắn với truyện ngắn. Đã đành là truyện rất ngắn thì cũng vẫn là truyện ngắn; nó có khá đầy đủ tính chất của truyện ngắn với tình cách là một thể loại. Nhưng truyện rất ngắn khác truyện ngắn nói chung

không phải chỉ ở chỗ nó ngắn hơn, ít lời hơn mà còn ở chỗ đường như dư ba của nó rõ hơn, mạnh hơn. Điều này cũng dễ hiểu thôi, ở đâu càng hàm súc thì càng dư ba, ở đâu độ nén càng nhiều thì sức bùng ra, lan tỏa càng lớn. Thơ cũng vậy mà truyện rất ngắn cũng vậy.

Trong những tác phẩm được chọn in ở đây, truyện nào cũng có một sức chứa, một âm vang, được tạo ra theo nhiều kiểu khác nhau. Nếu ở truyện **ĐIỀU CÂY**, dư ba của tác phẩm nằm ở chất mờ ảo, sự đa nghĩa của hình tượng, còn ở truyện **ĐUÔNG TĂNG** nó là ở triết lý sâu xa, đau đớn về đạo và đời, thì ở nhiều tác phẩm khác, độ dài của truyện ngắn lại bắt đầu không phải từ trong cái **NGHĨA** mà là trong cái **TÌNH**, trong những tâm trạng như băng quơ, miên mạn, không có một diện mạo rõ ràng (**HOA MUỘN**, **NHỮNG MẢNH VỠ**), trong cái gì đó giống như một hồi ức xa xăm, một ước mơ vô vọng đeo đuổi con người (**THUYẾN LÁ**), trong cái tình cảm bất chợt nảy sinh rồi không biết sẽ như thế nào, giống như một câu hỏi đã mập mạp nơi khöhe miệng nhưng sau cùng vẫn không nói ra (**KHÁCH THUONG HỒ**). Cái hay của các truyện rất ngắn ở đây là truyện nào cũng đầy những khoảng trống, những chỗ để ngó vô tình hoặc cố tình, những cái không hiểu vô ý hay cố ý mà thành mờ đi, băng khuáng không kết lại. Đối với loại tác phẩm có nhiều khoảng trống, nhiều số áo như vậy thật khó lòng cắt nghĩa điều gì cho thật rành mạch. Chỉ còn có cách cảm với nó, nghĩ tiếp với nó mà thôi.

Đọc xong một loạt tác phẩm được giải, tôi bỗng nhận thấy những truyện được viết vuông vức, kiến trúc theo lối cổ điển dựa trên sự phát triển của một xung đột với kết thúc bất ngờ như kiểu một vở kịch ngắn chiếm tỉ lệ rất ít. Vì sao vậy? Cũng có thể là do việc nghĩ ra cho được những tình huống giàu kịch tính với những cái kết thú vị, bất ngờ không phải lúc nào cũng dễ dàng, thậm chí nhiều khi trời cho mới có, hiếm hoi lắm mới nhận được. Đó là một lẽ. Nhưng hình như cũng còn lẽ khác. Tôi có cảm giác là các truyện rất ngắn được giải ở đây thể hiện xu hướng của người viết, người đọc thời bây giờ muốn quay về với lối kể chuyện xưa, đồng thời vẫn muốn có cái gì đó mới hơn, phóng khoáng hơn, ít bị gò bó và

ràng buộc hơn, không giống những truyện ngụ ngôn đã đành mà cũng không giống với kiểu truyện ngắn hình thành cách đây không lâu, thường nằm gọn trong các cấu trúc chặt chẽ, các tình huống gay gân, các xung đột. Sự biến đổi thi pháp đó xét đến cùng bắt nguồn từ nguyện vọng của văn học muốn viết nhiều hơn về đời thường, về con người với những cảnh ngộ khác nhau, không phải lúc nào cũng đầy chất "sư thi" bi hùng, dữ dội. Từ đây lối kể chuyện, giọng văn của nhiều tác phẩm cũng trở nên đời hơn, tự nhiên hơn. Nếu quả như thế thì cũng có thể coi đó là một nét dân tộc và môi mè của tập truyện rất ngắn này.

Chất thơ tạo nên vẻ cách tân của những tác phẩm dự thi cũng không phải ngẫu nhiên mà có. Nó vốn tiềm ẩn trong cốt cách người Việt, dân tộc Việt, một thứ cốt cách mang đầy chất nữ tính và vẻ trữ tình - thứ nữ tính và trữ tình bí ẩn, mềm hoặc, mềm mại và mạnh mẽ như con nước, dòng sông. Điều này giải thích vì sao trong đời sống và trong văn học Việt Nam, thơ có một vị trí đặc biệt. Dân tộc ta sở trường về thơ hơn là tiểu thuyết. Ngay trong các tác phẩm văn xuôi, chất thơ vẫn thường hiện lên rất rõ. Tập truyện này cũng là một ví dụ.

Cái may là ở đây nhờ những cốt truyện độc đáo và cách kể biến hóa, đa dạng, các truyện rất ngắn tuy giàu chất thơ nhưng không biến thành những bài thơ bằng văn xuôi. Tác giả đã khéo kết hợp chất truyện với chất thơ trong một văn bản không đầy một ngàn tiếng. Đó là cái giỏi của người viết. Nhưng đó cũng là cái khó của việc cảm thụ. Đọc loại tác phẩm này vừa giống như đọc truyện, vừa giống như đọc thơ. Mới xem qua hoặc chỉ đọc lướt nhanh, khó mà cảm được cái hay của nó.

Và lại, thật ra cũng không phải chỉ đối với riêng loại truyện rất ngắn mà nói chung văn học là vậy. Nghệ thuật như phút dừng, như một khoảnh khắc của dòng đời vội vã, bất tận được ngưng lại, tách ra, lưu giữ, giúp cho con người có dịp nhớ lại, sống lại, tự hỏi và mơ ước. Làm văn, đọc văn và sống cũng tương tự như nhau. Đó là một phần bí ẩn trong cái khó của việc làm văn và đọc văn, nhất là với loại văn thơ chỉ có vài trăm chữ hoặc vài câu...

LÊ NGỌC TRÀ

Mục lục

TRUYỀN RẤT NGẮN - TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

Nguyễn Ngọc Trang 5

1. ANH HAI	Lý Thanh Thảo	9
2. BÀ NỘI	Phan Thị Thanh Nhân	10
3. CAM NGỌT	Phạm Sông Hồng	13
4. CÂY NHANG	Nguyễn Ngọc Mọc	16
5. CHÈO	Nguyễn Hương	18
6. CHỊ TÔI	Nguyễn Thị Thu Huệ	20
7. CON GÀ QUÊ	Tường Long	23
8. ĐI TẾT THÁY	Nguyễn Khoa Đăng	26
9. ĐIỀU CÀY	Phạm Hải Văn	29
10. ĐỒ THIÊNG	Phạm Minh	32
11. ĐỒNG VỌNG NGUỘC CHIỀU	Lã Thế Khanh	35
12. ĐƯỜNG TÀNG	Trương Quốc Dũng	38
13. GIẤC MƠ	Lê Khắc Thao	41
14. HOA CHANH TRÁI VU	Vân Như Cương	44
15. HOA CHO NGƯỜI SỐNG	Trung Trung Đỉnh	47
16. HOA ĐẠI TRẮNG	Đức Ban	50
17. HOA MUỘN	Phan Thị Vàng Anh	53
18. HƠI HUƠNG ĐÀN ÔNG	Mai Sơn	57
19. KÈ ĐÀO VÂN	Hòa Vang	60
20. KHÁCH THƯƠNG HỒ	Hào Vũ	63
21. LUNG LINH ÁNH NẾN	Trần Việt Sử	66

22. NGƯỜI ĐÀN BÀ		
KHOANH TAY MÌM CƯỜI	Nguyễn Phan Hách	68
23. NHỮNG MÀN VỖ	Nguyễn Xuân Thám	71
24. ÔNG ĐẠI TÁ	Thích Đức Thiện	73
25. ÔNG VẮM GỘC	Nguyễn Lưu	76
26. RẮNG ĐỎ	Võ Khắc Nghiêm	79
27. SÀU RIÊNG	Minh Nhân	82
28. SÔNG LẤP	Nguyễn Bản	84
29. TÁM CẶNG HAI CẶNG	Nguyễn Quang Trung	88
30. TÀU ĐI HÒN GAI	Nguyễn Quang Thân	91
31. THUYỀN LÁ	Thái Sinh	94
32. TIẾNG HÓT		
CHIM SƠN CA	Nguyễn Văn Hoan	98
33. TÌM CHA	Lê Thanh Huệ	102
34. TÌM NGƯỜI	Đặng Anh Đào	105
35. TÍNH CÁCH	Nguyễn Thị Hoài Thanh	108
36. TÓC THÈ	Nguyễn Khôi	109
37. TỰ BIẾT	Ngô Thị Kim Cúc	111
38. VÁN CỜ NGƯỜI	Nguyễn Xuân Hưng	114
39. VÀNG	Hoàng Minh Tường	117
40. VIÊN NGỌC ÁN	Xuân Đình	120
CHẤT THƠ CỦA		
TRUYỀN RẤT NGẮN	Lê Ngọc Trà	123

40 TRUYỆN RẤT NGẮN

**NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
TẠP CHÍ THẾ GIỚI MỚI**

Chịu trách nhiệm xuất bản :
NGUYỄN KIÊN - LÊ KHẮC HOAN

Biên tập :
NGUYỄN PHAN HÁCH

Bìa và trình bày mỹ thuật :
KIM LAN

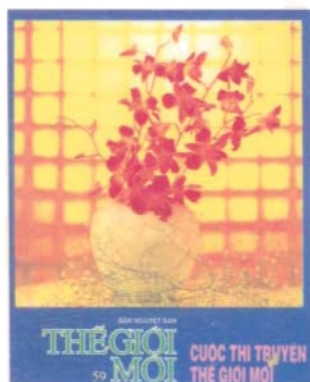
Sửa bản in :
VŨ TRỌNG THANH

In 3.000 bản tại nhà in PAPRINEX.

Giấy phép xuất bản số 809 VH/HNV, do Cục Xuất bản
cấp ngày 17-5-1994.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 7-1994.

GIÁ : 7.000 ĐỒNG



LÝ THANH THẢO . PHAN THỊ THANH NHÀN . PHẠM SÔNG HỒNG .
NGUYỄN NGỌC MỘC . NGUYỄN HƯƠNG . NGUYỄN THỊ THU HUỆ .
TƯỜNG LONG . NGUYỄN KHOA ĐĂNG . PHẠM HẢI VĂN . PHẠM MINH .
LÃ THẾ KHANH . TRƯƠNG QUỐC DŨNG . LÊ KHẮC THAO . VĂN NHƯ
CƯƠNG . TRUNG TRUNG ĐÌNH . ĐỨC BAN . PHAN THỊ VÀNG ANH . MAI
SƠN . HÒA VANG . HÀO VŨ . TRẦN VIẾT SỬ . NGUYỄN PHAN HÁCH .
NGUYỄN XUÂN THÂM . THÍCH ĐỨC THIỆN . NGUYỄN LƯU . VÕ KHẮC
NGHIÊM . MINH NHÂN . NGUYỄN BẢN . NGUYỄN QUANG TRUNG .
NGUYỄN QUANG THÂN . THÁI SINH . NGUYỄN VĂN HOAN . LÊ THANH
HUỆ . ĐẶNG ANH ĐÀO . NGUYỄN THỊ HOÀI THANH . NGUYỄN KHÔI .
NGÕ THỊ KIM CÚC . NGUYỄN XUÂN HƯNG . HOÀNG MINH TƯỜNG .
XUÂN ĐÌNH .
NGUYỄN NGỌC . NGUYỄN QUANG SÁNG . MA VĂN KHÁNG . NGUYỄN
KIẾN . LÊ NGỌC TRÀ .